

**Phụ lục 3**

**BẢNG TỔNG HỢP LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2015/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2018/NĐ-CP**

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	<p><b>Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan</b></p> <p>1. [5] Địa điểm làm thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật hải quan.</p> <p>Thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh bao gồm hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập do Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tại khoản 2 Điều này được làm thủ tục hải quan tại Chi cục quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh.</p>	<p><b>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 4 như sau:</b></p> <p>“1. Địa điểm làm thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan.</p> <p>Thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh bao gồm hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập do Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tại khoản 2 Điều này được làm thủ tục hải quan tại Chi cục quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh.</p> <p>Đối với hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:</p> <p>3. Căn cứ vào quy hoạch, <b>thiết kế xây dựng cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; khu kinh tế, khu công nghiệp, khu phi thuế quan và các địa điểm khác có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b> và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn (ICD), ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng ứng dịch vụ quốc tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính <b>bổ trí</b> quyết định việc tổ chức bộ máy, bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan; <b>Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm kiểm tra tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.</b>”</p>	<p>Tại khoản 4 Điều 22 Luật Hải quan quy định: “4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi quy hoạch, thiết kế xây dựng cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; khu kinh tế, khu công nghiệp, khu phi thuế quan và các địa điểm khác có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh có trách nhiệm bố trí địa điểm làm thủ tục hải quan và nơi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của Luật này.”</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>Đối với hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.</i></p> <p><i>Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</i></p> <p>2. Căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.</p> <p>3. <a href="#">[6]</a> Căn cứ vào quy hoạch và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn (ICD), ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc tổ chức bộ máy, bố trí lực lượng làm thủ tục hải</p>	<p>Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Căn cứ vào quy hoạch và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn (ICD), ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc tổ chức bộ máy, bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan.</p>		<p>Theo đó, để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Hải quan nêu trên, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quan; Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan trước khi cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập kết để làm thủ tục hải quan. Điều kiện, trình tự thủ tục công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung như quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan”.</p>				
2.	<p><b>Điều 5. Người khai hải quan</b></p> <p>Người khai hải quan gồm:</p>	<p><b>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 5 như sau:</b></p>	<p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 5 như sau:</b></p>	<p>- Khoản 1: Quy định như hiện hành thì chỉ có đại lý làm thủ tục hải quan mới được phép thay mặt chủ hàng để thực</p>	<b>P2</b>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.		“1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. <del>Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.</del>	hiện thủ tục hải quan. Trường hợp thương nhân nước ngoài có người đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật thì người đại diện có thể nhân danh chủ hàng để trực tiếp thực hiện thủ tục hải quan.	
3.	2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền.		2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải, <del>người điều khiển phương tiện vận tải</del> xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền.”	- Khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan quy định: <i>14. Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.</i>  - Thực tế để triển khai Cửa khẩu số tại các cửa khẩu đường bộ thì người khai hải quan thực hiện khai báo về phương tiện XNC trên Hệ thống một cửa quốc gia. Đối với người điều khiển phương tiện không có tài khoản trên MCQG thì không thực hiện	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				khai báo được nên phải thông qua đại lý làm thủ tục hải quan. Đây cũng là nội dung cần sửa đổi để đảm bảo công tác quản lý về khai báo hàng hóa nhập khẩu tại các cửa khẩu biên giới đường bộ có tính chất phức tạp.	
	<p>3.<a href="#">[7]</a> Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế.</p> <p>4.<a href="#">[8]</a> Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.</p> <p>5. Đại lý làm thủ tục hải quan.</p>	<p>“3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây:</p> <p>a) Quà biếu, quà tặng của cá nhân;</p> <p>b) <b>Tài sản di chuyển của cá nhân;</b></p> <p>c) <b>Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ;</b></p> <p>d) Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p><b>đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;</b></p> <p>e) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế.</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	6. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác.	<b>4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.”</b>			
4.	<b>Điều 6. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan</b> <sup>[9]</sup> <b>1. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan:</b> a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, sản phẩm văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan; b) Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa, đường sông xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.	<b>3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:</b> <b>“Điều 6. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan</b> <b>1. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan:</b> a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, văn hóa phẩm, di vật, cổ vật, bảo vật, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan; b) Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.	<b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 6 như sau:</b> 3. Đối tượng chịu sự giám sát hải quan: a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này; b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan; hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng; hàng hóa doanh nghiệp nội địa thuê doanh nghiệp chế xuất gia công từ khi xuất khẩu, trong quá trình sản xuất cho đến khi sản phẩm được nhập khẩu vào nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng. đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân; d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan; đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.”	Qua rà soát, Vụ Pháp chế (TCHQ) kiến nghị bổ sung vì căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan, ngoài nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị thì hàng hoá là sản phẩm, phế liệu, phế phẩm của loại hình gia công, SXKK, chế xuất vẫn thuộc sự giám sát hải quan. Quy định như hiện hành chưa đảm bảo công tác giám sát hải quan theo chu trình khép kín từ đầu đến cuối.  Theo đó, mỗi nhà máy, cơ sở sản xuất, kho thuê, nơi lưu giữ là một địa điểm đi, địa điểm đích của hoạt động vận chuyển bảo thuế. Các biến động tăng giảm về lượng hàng hoá đang ưu đãi thuế ra vào các địa điểm này đều được phản ánh trên hệ thống.	<b>P2</b>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>2. <b>Đối tượng chịu sự kiểm tra hải quan:</b></p> <p>a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>c) Hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. <b>Đối tượng chịu sự giám sát hải quan:</b></p> <p>a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan; hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan;</p>	<p>2. <b>Đối tượng chịu sự kiểm tra hải quan:</b></p> <p>a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>c) Hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. <b>Đối tượng chịu sự giám sát hải quan:</b></p> <p>a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan; hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan;</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.”</i>	<i>đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.”</i>			
5.	<p><b>Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia</b></p> <p><i>1.[10] Người khai hải quan khai thông tin, nộp chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thời điểm khai thông tin, nộp chứng từ điện tử thực hiện theo quy định của Luật hải quan, pháp luật quản lý chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn.</i></p> <p><i>2. Các cơ quan nhà nước tiếp nhận và xử lý thông tin của người khai hải quan; phản hồi kết quả xử lý cho người khai hải quan; trao đổi thông tin khai thủ tục hành chính và kết quả xử lý thông tin khai thủ</i></p>	<b>Bãi bỏ Điều 7, Điều 8</b>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tục hành chính giữa các cơ quan nhà nước với nhau thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>3. <a href="#">[11]</a> Người khai hải quan tiếp nhận kết quả xử lý từ các cơ quan nhà nước thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh, người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Người khai hải quan không phải nộp, xuất trình chứng từ giấy đối với các chứng từ đã được tiếp nhận, xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, trừ các chứng từ phải nộp bản giấy theo quy định của pháp luật”.</p> <p>4. Cơ quan hải quan căn cứ kết quả xử lý của các cơ quan nhà nước để ra quyết định cuối cùng về thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phản hồi kết quả cho người khai hải quan thông qua</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>Công thông tin một cửa quốc gia.</p> <p><b>Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia</b></p> <p>1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan:</p> <p>a) Xây dựng, phát triển Công thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Ban hành quy chế quản lý, vận hành Công thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>c) Thống nhất các yêu cầu kỹ thuật kết nối công thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống xử lý chuyên ngành trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia;</p> <p>d) Xây dựng các danh mục dữ liệu dùng chung giữa các Bộ, ngành trên Công thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>đ) Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan tới các thủ tục hành chính để thực hiện bằng phương thức điện tử theo Cơ chế một cửa quốc gia;</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>e) Xây dựng và thực hiện cơ chế tài chính đảm bảo cho việc quản lý, vận hành, duy trì và phát triển Cổng thông tin một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế trao đổi thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm ban hành thủ tục hành chính để thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia; xây dựng bộ dữ liệu hành chính và thương mại quốc gia áp dụng cho các chứng từ điện tử trao đổi, thực hiện theo Cơ chế một cửa quốc gia.</p> <p>3. Tổng cục Hải quan:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Tham gia đàm phán và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến việc trao đổi thông tin giữa Cổng thông tin một</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	cửa quốc gia với các quốc gia khác trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.				
6.	<p><b>Điều 9. Chế độ ưu tiên</b></p> <p>1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan.</p> <p>2. Được cơ quan hải quan và các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra giám sát trước.</p> <p>3. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo quản trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành có quy định hàng hóa phải kiểm tra tại cửa khẩu. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu thì được ưu tiên kiểm tra trước.</p> <p>4. <a href="#">[12]</a> Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan</p>	<p><b>4. Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:</b></p> <p>“4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.”</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		STQ

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>hải quan trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 78 Luật hải quan.</i>				
7.	<p><b>Điều 10. Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên</b></p> <p>1. Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế</p> <p>Trong thời hạn 02 năm liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp nộp văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, hải quan tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:</p> <p>a) Các hành vi trốn thuế; gian lận thuế; buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>b) Các hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương.</p>	<p><b>5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 10 như sau:</b></p> <p>“1. Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế</p> <p>Trong thời hạn 02 năm (24 tháng) liên tục <u>tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên</u>, doanh nghiệp:</p> <p>a) Không bị xử lý vi phạm về hành vi: trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;</p> <p>b) Không bị xử lý vi phạm về hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt theo mức tiền vượt quá mức phạt tiền tối đa thuộc thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương;</p> <p>c) <u>Không nợ quá hạn các khoản thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung <b>khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 10</b> như sau:</p> <p>“<b>Điều 10. Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên</b></p> <p>1. <b>Điều kiện về</b> tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế</p> <p><del>Trong thời hạn 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, doanh nghiệp:</del></p> <p>a) Không bị xử lý vi phạm về hành vi: trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;</p> <p>b) Không bị xử lý vi phạm về hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt theo mức tiền vượt quá mức phạt tiền tối đa thuộc thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương;</p> <p><del>c) Không nợ quá hạn các khoản thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp.</del></p> <p><b>Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế được đánh giá trong 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với trường hợp đánh giá hồ sơ đề nghị công</b></p>	<p>Viết lại tên Điều 10 để phù hợp với tên Điều 43 Luật Hải quan.</p> <p>Bổ sung từ ngữ để dễ hiểu</p> <p>- Khoản 1: Bổ nội dung "trong thời hạn 02 năm" và bổ sung thêm quy định về thời gian đánh giá để có thể áp dụng đối với trường hợp đánh giá gia hạn</p> <p>- Đưa quy định tại điểm c khoản 1 xuống quy định tại quy trình kiểm soát nội bộ để tăng cường tính tuân thủ, tự nguyện kiểm soát</p>	STQ

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			<b>nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên, hoặc trong giai đoạn đánh giá giá hạn áp dụng chế độ ưu tiên.</b>		
	<p>2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:</p> <p>a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.</p>	<p>2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:</p> <p>a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.</p>	<p>2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:</p> <p>a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.</p>		
	<p>3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>Doanh nghiệp phải thực hiện và duy trì hệ thống, quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế trong toàn bộ dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất, nhập khẩu của mình.</p>	<p>3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ</p> <p>a) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Trong hệ thống kiểm soát</p>	<p>3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ</p> <p>a) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Trong hệ thống kiểm soát nội bộ nêu trên, doanh nghiệp phải có quy định về:</p> <p><b>a.1</b> Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo</p>	<p>- Khoản 3 :</p> <p>+ Bổ sung các điểm a.1, a.2 để có bố cục rõ ràng hơn, tương xứng với b.1, b.2</p> <p>+ Bổ nội dung "Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>nội bộ nêu trên, doanh nghiệp phải có quy định về:</p> <p>Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;</p> <p>Giám sát nội bộ doanh nghiệp: tự tiến hành đánh giá, rà soát các hoạt động của các bộ phận và đề ra các biện pháp cải tiến tốt hơn; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh;</p> <p>Có quy trình quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận;</p> <p>Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước</p>	<p>quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;</p> <p><b>a.2) Giám sát nội bộ doanh nghiệp:</b> tự tiến hành đánh giá, rà soát các hoạt động của các bộ phận và đề ra các biện pháp cải tiến tốt hơn; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh;</p> <p><b>a.3) Có Quy trình quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận;</b></p> <p><b>Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế.</b></p> <p><b>a.4) Quy trình kiểm soát, quản lý việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo pháp luật về quản lý thuế. Tại thời điểm đánh giá để công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, doanh nghiệp không phát sinh tiền thuế nợ theo pháp luật về quản lý thuế.</b></p> <p><b>a.5) Quy trình đảm bảo kiểm soát, quản lý, theo dõi: nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm</b></p>	<p>nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế.”</p> <p>Vi nội dung này chung chung, chưa cụ thể, đưa vào cùng quy định về kiểm soát nợ thuế tại a.4</p> <p>+ Bổ sung điểm a.5 để tăng tính tuân thủ của DNUT, đặc biệt là DN có hoạt động GC, SXXK.</p> <p>Phần lớn DNUT là doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, xuất khẩu nên việc kiểm soát đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu là bắt buộc.</p> <p>Đây không phải là điều kiện mới phát sinh mà nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 59 TT38 sửa đổi tại TT39 ( yêu cầu tất cả các DN có phát sinh hoạt động GC, SXXK có trách nhiệm thực hiện. Do vậy, DNUT cần kiểm soát chặt chẽ hơn.</p> <p>Điểm 3.b viết lại theo hướng chi tiết hơn và có sửa đổi quy định về thời hạn đánh giá để</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế.	<b>được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng; phế liệu, phế phẩm, nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công tiết kiệm được trong quá trình sản xuất; để thực hiện báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật (đối với doanh nghiệp hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu).</b>	phù hợp với cả trường hợp công nhận và gia hạn.	
		b) Doanh nghiệp có các phương tiện, biện pháp kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:	b) Doanh nghiệp có các phương tiện, biện pháp kiểm soát nội bộ <b>đủ các điều kiện về nhân lực, phương tiện, quy trình thực hiện để</b> đảm bảo an ninh, an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:		
		b.1) An ninh hàng hóa: có các biện pháp để đảm bảo tính nguyên vẹn của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp;	b.1) An ninh hàng hóa: <b>có các biện pháp để đảm bảo tính nguyên vẹn của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp; kiểm tra, kiểm soát hàng hóa, vật chứa, phương tiện vận chuyển hàng hóa để đảm bảo tính nguyên trạng, an toàn của hàng hóa trong quá trình sản xuất, lưu trữ và vận chuyển; kiểm tra phát hiện những bất thường liên quan đến hàng hóa, báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền; kiểm tra, cập nhật các biện pháp an ninh của doanh nghiệp để đảm bảo những người không có thẩm quyền không thể xâm nhập đến khu vực hàng hóa;</b>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		b.2) An ninh vận tải: có các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa;	b.2) An ninh vận tải: <del>có các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa;</del> <b>đánh giá, lựa chọn, ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ báo cáo đối với nhà cung cấp dịch vụ khai báo, dịch vụ vận chuyển, vận tải (nếu có); đảm bảo an ninh của chuyển hàng trong trường hợp doanh nghiệp tự vận chuyển hàng hàng hóa; kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận tải, vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa; báo cáo kịp thời các nghi vấn, bất thường trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến cá nhân, tổ chức có thẩm quyền; theo dõi, ghi nhận hành trình vận chuyển hàng hóa đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng thời gian, kế hoạch;</b>		
		b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: có các biện pháp đảm bảo an ninh khu vực làm việc của doanh nghiệp; có hệ thống camera an ninh giám sát được các vị trí quan trọng như cổng/cửa ra vào, vị trí cửa xuất nhập hàng hóa ra/vào kho và nơi lưu trữ hàng hóa, dữ liệu camera lưu giữ tại doanh nghiệp tối thiểu 03 tháng; phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp, đảm bảo các cán bộ, công nhân viên làm	b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: <del>có các biện pháp đảm bảo an ninh khu vực làm việc của doanh nghiệp;</del> <b>phân chia và ngăn cách các khu vực làm việc phù hợp với tính chất đặc thù ngành hàng và yêu cầu về an ninh hàng hóa; phân quyền, hạn chế tiếp cận đối với hàng hóa, biện pháp phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp;</b> có hệ thống camera an ninh giám sát được các vị trí quan trọng như cổng/cửa ra vào, vị trí cửa xuất nhập hàng hóa ra/vào kho và nơi lưu trữ hàng hóa, dữ liệu camera lưu giữ tại doanh nghiệp tối thiểu 03		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		việc tại các khu vực phù hợp với nhiệm vụ;	tháng; <del>phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp, đảm bảo các cán bộ, công nhân viên làm việc tại các khu vực phù hợp với nhiệm vụ;</del>		
		b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp;	b.4) <del>Kiểm soát</del> An ninh hệ thống công nghệ thông tin: đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp; <b><i>đảm bảo các thông tin sử dụng để thông quan hàng hóa là hợp pháp, đầy đủ, chính xác, tránh trường hợp bị rò rỉ hoặc bị thay đổi; đảm bảo các thông tin liên quan đến hàng hóa, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu được bảo mật, an toàn, phân quyền sử dụng đúng mục đích; đảm bảo tính thống nhất, kịp thời và khả năng khôi phục dữ liệu liên quan đến hàng hóa và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;</i></b>		
		b.5) An ninh nhân sự: có quy trình tuyển dụng để đảm bảo người được tuyển vào các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng bộ phận an ninh) trong thời hạn 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên không có hành vi vi phạm: trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng	b.5) An ninh nhân sự: <del>có quy trình tuyển dụng để đảm bảo người được tuyển vào các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng bộ phận an ninh) trong thời hạn 02 năm</del> (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên <b><i>đối với trường hợp đánh giá hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên, hoặc trong giai đoạn đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên</i></b> không có hành vi vi phạm:		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		hóa, tiền tệ qua biên giới hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về những nhân viên làm việc trong các vị trí nhạy cảm; có các biện pháp nhận diện nhân viên của doanh nghiệp; có biện pháp ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp;	trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; <del>thực hiện</del> kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về những nhân viên làm việc trong các vị trí <b>quan trọng liên quan đến hàng hóa nhạy cảm</b> ; <del>có các biện pháp</del> nhận diện nhân viên của doanh nghiệp; <del>có biện pháp</del> ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp;		
		b.6) An ninh đối tác thương mại: trong các hợp đồng ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh để đảm bảo tính chính xác về thông tin và toàn vẹn của hàng hóa, dịch vụ.	b.6) An ninh đối tác thương mại: <b>đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp liên quan đến hàng hóa, hoạt động thương mại</b> ; trong các hợp đồng ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện <b>ràng buộc nghĩa vụ với đối tác thương mại đảm bảo</b> các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh, <b>để</b> đảm bảo tính chính xác về thông tin và <b>nguyên trạng toàn vẹn</b> của hàng hóa, <b>dịch vụ</b> .		
	4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu: a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch 100 triệu USD/năm;	4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu:	4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu: a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch 100 triệu USD/năm;	Khoản 4 có sửa đổi quy định về thời hạn đánh giá để phù hợp với cả trường hợp công nhận và gia hạn.	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch 40 triệu USD/năm;</p> <p>c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch 30 triệu USD/năm;</p> <p>d) Đại lý thủ tục hải quan: số tờ khai làm thủ tục hải quan trong năm đạt 20.000 tờ khai/năm. Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, Điểm d Khoản này là kim ngạch bình quân trong 02 năm liên tiếp tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị xem xét, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.</p>	<p>a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch 100 triệu USD/năm;</p> <p>b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch 40 triệu USD/năm;</p> <p>c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch 30 triệu USD/năm;</p> <p>d) Doanh nghiệp đủ tiêu chí để được xác định là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định đạt kim ngạch 1 triệu USD/năm;</p> <p>đ) Doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao đáp ứng điều kiện có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>Kim ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu bình quân trong 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu</p>	<p>b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch 40 triệu USD/năm;</p> <p>c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch 30 triệu USD/năm;</p> <p>d) Doanh nghiệp đủ tiêu chí để được xác định là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định đạt kim ngạch 1 triệu USD/năm;</p> <p>đ) Doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao đáp ứng điều kiện có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>Kim ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu bình quân trong 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, <b>đổi với trường hợp đánh giá hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên, hoặc trong giai đoạn đánh giá giá hạn áp dụng chế độ ưu tiên,</b> không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		tiên, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.			
	5. Không áp dụng điều kiện kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Khoản 4 Điều này đối với doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao.	<p>5. Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan và thực hiện thanh toán qua ngân hàng:</p> <p>a) Doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử;</p> <p>b) Doanh nghiệp theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; Doanh nghiệp có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</p>	<p>5. Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan và thực hiện thanh toán qua ngân hàng:</p> <p>a) Doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử;</p> <p><del>b) Doanh nghiệp theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; Doanh nghiệp có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</del></p> <p><del>Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan;</del></p> <p><b>b) Doanh nghiệp có hệ thống công nghệ thông tin để kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan hải</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan;</p> <p>c) Thực hiện thanh toán đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu qua ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan số tài khoản, danh sách các ngân hàng giao dịch.”</p>	<p><b>quan về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</b></p> <p>c) Thực hiện thanh toán đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu qua ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. <b>Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan số tài khoản, danh sách các ngân hàng giao dịch.</b></p>		
	6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.		6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.	Giữ nguyên Nghị định số 08/2015/NĐ-CP	
8.	<p><b>Điều 11. Thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên gồm:</p>	<p><b>6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 11. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên</b></p>	<p><b>Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 11. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên gồm:</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung, thay thế các từ ngữ để dễ hiểu, tránh nhầm lẫn</p> <p>- Bổ cục lại nội dung thẩm định thực tế để dễ hiểu hơn, đưa thẩm định trực tuyến vào</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chụp;</p> <p>đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chụp;</p> <p>e) Bản kết luận thanh tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong đó mô tả đầy đủ quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế trong toàn bộ dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập</p>	<p>1. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chụp;</p> <p>đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>e) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong đó mô tả đầy đủ quy trình quản lý, giám sát,</p>	<p>a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p> <p>d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chụp;</p> <p>đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>e) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong đó mô tả đầy đủ quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế trong toàn bộ dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp: 01 bản chụp;</p> <p>h) Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao (nếu có), các giấy chứng nhận khác (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>i) Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa: ngoài các tài liệu nêu trên, doanh nghiệp phải nộp bổ</p>	<p>nội dung của thẩm định thực tế để phù hợp logic.</p> <p><b>- Khoản 1:</b> Bỏ nội dung: <b>“Tổng cục Hải quan thông báo kết quả thẩm định hồ sơ không đạt yêu cầu.”</b> Trường hợp quá thời hạn, doanh nghiệp nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ được xác định là không đạt yêu cầu, cơ quan hải quan không cần thông báo lại bằng văn bản.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	khẩu của doanh nghiệp: 01 bản chụp; h) Các giấy chứng nhận khen thưởng, chứng chỉ chất lượng (nếu có): 01 bản chụp.	kiểm soát vận hành thực tế trong toàn bộ dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp: 01 bản chụp; h) Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao (nếu có), các giấy chứng nhận khác (nếu có): 01 bản chụp; i) Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa: ngoài các tài liệu nêu trên, doanh nghiệp phải nộp bổ sung tài liệu thể hiện đáp ứng các điều kiện của doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định.  Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, Tổng cục Hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ, <u>Tổng cục Hải quan thông báo kết quả thẩm định hồ sơ không đạt yêu cầu.</u>  Trường hợp doanh nghiệp chưa rõ các quy định liên quan đến doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp có thể	sung tài liệu thể hiện đáp ứng các điều kiện của doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định.  Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, Tổng cục Hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ, <b>Tổng cục Hải quan thông báo kết quả thẩm định thì xác định</b> hồ sơ không đạt yêu cầu.  <del>Trường hợp doanh nghiệp chưa rõ các quy định liên quan đến doanh nghiệp ưu tiên, Doanh nghiệp có thể đề nghị tham vấn cơ quan hải quan về các quy định liên quan đến chế độ ưu tiên trước khi nộp hồ sơ.</del>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		đề nghị tham vấn cơ quan hải quan trước khi nộp hồ sơ.			
	<p>2. Thẩm định, công nhận doanh nghiệp ưu tiên</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng cục Hải quan thẩm định, kết luận về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên. Đối với các trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian thẩm định có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày;</p> <p>b) Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên.</p> <p>Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định và tự động gia hạn thêm 03 năm tiếp theo nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.</p>	<p>2. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>a) Thẩm định:</p> <p>Tổng cục Hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc <b>đáp ứng các điều kiện</b> áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể:</p> <p>a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp từ cơ quan thuế và cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 (năm) ngày làm việc.</p> <p>Kết thúc thẩm định hồ sơ, trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 15 ngày, Tổng cục Hải quan có văn bản</p>	<p>2. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>a) Thẩm định:</p> <p>Tổng cục Hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc <b>đáp ứng các điều kiện</b> áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể:</p> <p>a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp từ cơ quan thuế và cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 (năm) ngày làm việc.</p> <p><b>Kết thúc thẩm định hồ sơ, trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ, trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định,</b> Tổng cục Hải quan <b>có ban hành</b> văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.</p> <p>Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan <u>tiến hành thẩm định thực tế</u>;</p> <p>a.2) Thẩm định thực tế: Cơ quan hải quan đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 (mười) ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp chưa được thanh tra hoặc kiểm tra sau thông quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong thời gian 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để đánh giá tuân thủ pháp luật. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.</p>	<p>Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan <b>tiến hành tổ chức thực hiện thu thập thông tin</b>, thẩm định thực tế;</p> <p>a.2) Thẩm định thực tế: Cơ quan hải quan đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 (mười) ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp chưa được thanh tra hoặc kiểm tra sau thông quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong thời gian 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để đánh giá tuân thủ pháp luật. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.</p> <p><b>Kết thúc thẩm định thực tế, trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 15 ngày, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.</b></p> <p><b>b) Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>Kết thúc thẩm định thực tế, trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 15 ngày, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.</p> <p>b) Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định tại điểm a khoản này, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định áp dụng chế độ ưu tiên. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định.</p>	<p><b>b) Xử lý kết quả thẩm định</b></p> <p><b>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định thực tế hoặc kết thúc việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan đánh giá tuân thủ pháp luật:</b></p> <p>Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định tại điểm a khoản này, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định áp dụng chế độ ưu tiên. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định.</p> <p><b>Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.</b></p> <p><b>Trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định thực tế.</b></p>		
		<p>3. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>a) Doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế</p>	<p>3. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>a) Doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp <b>được áp dụng chế độ</b> ưu tiên được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này;</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này;</p> <p>b) Kiểm tra để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>b.1) Tổng cục Hải quan tổ chức kiểm tra các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này tại trụ sở cơ quan hải quan nếu đáp ứng thì ra quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên;</p> <p>b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan thì tiến hành thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.</p> <p>Thời gian thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>b.3) Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà không thể tiến hành kiểm tra sau thông quan, thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan thì cơ quan hải quan được sử dụng các thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp chia sẻ qua hệ thống công nghệ</p>	<p>b) <b>Đánh giá Kiểm tra</b> để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>b.1) Tổng cục Hải quan tổ chức <b>tự đánh giá việc duy trì đáp ứng kiểm tra</b> các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này tại trụ sở cơ quan hải quan. <b>Trường hợp doanh nghiệp duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên nếu đáp ứng thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành ra</b> quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên;</p> <p>b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự <b>đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp kiểm tra</b> tại trụ sở cơ quan hải quan thì <b>Tổng cục Hải quan tổ chức thu thập thông tin, tiến hành</b> thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan <b>để đánh giá tuân thủ pháp luật.</b></p> <p><b>Trường hợp thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không thực hiện được vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá việc duy trì, đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên bằng hình thức trực tuyến trên cơ sở thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp, chia sẻ.</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><u>thông tin</u> để đánh giá trực tuyến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên.</p> <p>c) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên trong thời gian 03 năm nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng các điều kiện theo quy định.</p>	<p>Thời gian thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không quá 10 ngày làm việc. <b>Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.</b></p> <p><b>b.3) Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà không thể tiến hành kiểm tra sau thông quan, thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan thì cơ quan hải quan được sử dụng các thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp chia sẻ qua hệ thống công nghệ thông tin để đánh giá trực tuyến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên.</b></p> <p>c) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên trong thời gian 03 năm nếu doanh nghiệp vẫn <b>duy trì</b> đáp ứng các điều kiện theo quy định.</p>		
	<p>3. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì cơ quan hải quan tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong thời hạn 60 ngày.</p>	<p>4. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên <u>trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành quyết định</u>. Trường hợp doanh nghiệp đã</p>	<p>4. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong thời hạn <b>60 90</b> ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới Tổng cục Hải quan để xem</p>	<p>Tăng thời hạn tạm đình chỉ thành 90 ngày để tạo điều kiện thuận lợi cho DN có thêm thời gian để khắc phục.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới Tổng cục Hải quan để xem xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên.	xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên.		
	<p>4. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên</p> <p>Doanh nghiệp bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Doanh nghiệp không còn đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;</p> <p>b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan;</p> <p>c) Doanh nghiệp đề nghị dừng áp dụng chế độ ưu tiên.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp đã bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên thì trong 02 năm tiếp theo, doanh nghiệp không được Tổng cục Hải quan xem xét, công nhận doanh nghiệp ưu tiên.</p>	<p>5. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên</p> <p>Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Doanh nghiệp <u>vi phạm các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này hoặc</u> không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;</p> <p>b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan;</p> <p>c) Doanh nghiệp đề nghị dừng áp dụng chế độ ưu tiên: doanh nghiệp gửi văn bản tới Tổng cục Hải quan nêu lý do đề nghị dừng áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Tổng</p>	<p>5. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên</p> <p>Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Doanh nghiệp <del>vi phạm các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này hoặc</del> không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;</p> <p>b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan;</p> <p>c) Doanh nghiệp đề nghị <del>dừng đình chỉ</del> áp dụng chế độ ưu tiên: doanh nghiệp gửi văn bản tới Tổng cục Hải quan nêu lý do đề nghị <del>dừng đình chỉ</del> áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Tổng</p>	<p>Chỉnh sửa lại cho rõ hơn.</p> <p>Bỏ quy định cho phép giải trình sau đình chỉ vì nếu chỉ xem xét lý do dẫn đến đình chỉ thì không đủ căn cứ đảm bảo các điều kiện đối với doanh nghiệp ưu tiên theo Luật (từ</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp.</p> <p><u>Trường hợp doanh nghiệp đã bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp khắc phục được những lý do dẫn đến đình chỉ thì có văn bản báo cáo chi tiết nội dung đã khắc phục gửi tới Tổng cục Hải quan để kiểm tra, xem xét kết quả khắc phục các lý do dẫn đến việc đình chỉ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra (nếu có) hoặc từ ngày nhận được văn bản báo cáo của doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp đã đáp ứng các điều kiện theo quy định, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp; trường hợp chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định, Tổng cục Hải quan trả lời doanh nghiệp bằng văn bản, nêu rõ lý do không đáp ứng.</u></p>	<p><b>Trường hợp doanh nghiệp đã bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp khắc phục được những lý do dẫn đến đình chỉ thì có văn bản báo cáo chi tiết nội dung đã khắc phục gửi tới Tổng cục Hải quan để kiểm tra, xem xét kết quả khắc phục các lý do dẫn đến việc đình chỉ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra (nếu có) hoặc từ ngày nhận được văn bản báo cáo của doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp đã đáp ứng các điều kiện theo quy định, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp; trường hợp chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định, Tổng cục Hải quan trả lời doanh nghiệp bằng văn bản, nêu rõ lý do không đáp ứng.</b></p>	<p>khi bị đình chỉ đến khi xem xét lý do đình). Doanh nghiệp sau khi khắc phục được lý do đình chỉ có thể nộp hồ sơ xin cấp mới chế độ DNUT như thông thường.</p> <p>Tránh phát sinh thêm thủ tục hành chính.</p>	
	5. <a href="#">[13]</a> Địa điểm nộp hồ sơ: Tổng cục Hải quan.	6. Địa điểm nộp hồ sơ: Tổng cục Hải quan.	6. <b>Nơi tiếp nhận</b> Địa điểm nộp hồ sơ <b>đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên</b> : Tổng cục Hải quan.	Sửa để phù hợp với xu thế Hải quan số: DN được lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc nộp theo hình thức	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				số hóa trên hệ thống của TCHQ.	
		7. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết <u>các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu tiên.</u>	7. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết <u>các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện về chế độ, điều kiện và việc thực hiện quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng</u> chế độ ưu tiên.	Sửa đổi nội dung giao cho Bộ Tài chính để đảm Thông tư có thể hướng dẫn được các nội dung khác (không chỉ là mẫu, biểu, hồ sơ).  Nội dung hướng dẫn chi tiết hơn các quy định tại Nghị định để dễ hiểu, dễ triển khai, không quy định thêm thủ tục hành chính so với nghị định.	
9.	<b>Điều 12. Quản lý doanh nghiệp ưu tiên</b>  1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc thực hiện chế độ ưu tiên: a) Theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;	<b>7. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12 như sau:</b>  <i>“d) Áp dụng biện pháp quản lý chế độ ưu tiên theo quy định: Tổng cục Hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất; kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, có biện pháp giám sát và đánh giá việc duy trì</i>	<b>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12 như sau:</b> <b>“Điều 12. Quản lý doanh nghiệp áp dụng chế độ ưu tiên</b>  1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc thực hiện chế độ ưu tiên: a) <b>Áp dụng quản lý rủi ro trong công tác</b> theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên; b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh;	Bổ sung, sửa đổi một số thuật ngữ để thống nhất tại các văn bản pháp luật  Bổ sung nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý DNUT để phù hợp thực tiễn  Bổ sung nội dung điểm 2c (duy trì các điều kiện), 2đ (theo Điều 38 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ) về trách nhiệm của DNUT	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh;</p> <p>c) Phối hợp với các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra giám sát trước cho doanh nghiệp ưu tiên.</p> <p>2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán;</p> <p>b) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 45 Luật Hải quan;</p> <p>c) Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;</p> <p>d) Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải</p>	<p><i>điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận.</i></p> <p><i>Kiểm tra sau thông quan khi xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế để ngăn chặn và kịp thời xử lý vi phạm.”</i></p>	<p>c) Phối hợp với các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra giám sát trước cho doanh nghiệp <b>áp dụng chế độ</b> ưu tiên;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp quản lý chế độ ưu tiên theo quy định: Tổng cục Hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất; kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, có biện pháp giám sát và đánh giá việc duy trì điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận.</p> <p><b>e) Kiểm tra sau thông quan khi xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế để ngăn chặn và kịp thời xử lý vi phạm.</b></p> <p>2. Trách nhiệm của doanh nghiệp áp dụng chế độ ưu tiên:</p> <p>a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán;</p> <p>b) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 45 Luật Hải quan;</p> <p><b>c) Duy trì việc đáp ứng các điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên;</b></p>	<p>Bổ sung trách nhiệm của các cơ quan liên quan (đưa từ Điều 24 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 lên Nghị định sửa đổi)</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục.		<p><b>d) e)</b> Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;</p> <p><b>đ) Theo dõi, kiểm soát, quản lý được toàn bộ quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hệ thống công nghệ thông tin để kết nối, chia sẻ với cơ quan hải quan, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (tối đa 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để cơ quan hải quan có cơ sở so sánh, đối chiếu, kiểm tra và chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan.</b></p> <p><b>e) đ)</b> Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục.</p> <p><b>3. Trách nhiệm của cơ quan liên quan</b></p> <p><b>a) Cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật về thuế nội địa, việc thực hiện thủ tục thuế điện tử, thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa của doanh nghiệp.</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			<p><b>b) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật theo từng lĩnh vực phụ trách khi có văn bản đề nghị của cơ quan hải quan.</b></p> <p><b>c) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.”</b></p>		
10.	<p><b>Điều 20. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan</b></p> <p><i>1.[14] Trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:</i></p> <p><i>a) Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất bao gồm giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu phù hợp với chứng từ có liên quan nếu các</i></p>	<p><b>8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 20 như sau:</b></p> <p>“1. Đối với hàng hoá xuất khẩu:</p> <p>a) Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:</p> <p>a.1) Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất bao gồm giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu phù hợp với chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa;</i></p> <p><i>b) Giá bán của hàng hoá xuất khẩu giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu trị giá hải quan sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;</i></p> <p><i>c) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;</i></p> <p><i>d) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất.</i></p> <p><i>1a. [15] Cửa khẩu xuất được xác định như sau:</i></p>	<p>này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa;</p> <p>a.2) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu trị giá hải quan sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;</p> <p>a.3) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;</p> <p>a.4) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất.</p> <p>b) Cửa khẩu xuất được xác định như sau:</p> <p>b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng xếp hàng, nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp lên</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng xếp hàng, nơi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải ghi trên tờ khai hải quan.</p> <p>b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là địa điểm xếp hàng tại cửa khẩu đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan.</p> <p>c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các chứng từ khác có liên quan.</p> <p>2. [16] Trị giá hải quan hàng nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trên cơ sở áp dụng Hiệp định chung về thuế quan và thương mại hoặc theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết. Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:</p>	<p>phương tiện vận tải tại cảng ghi trên tờ khai hải quan;</p> <p>b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là địa điểm xếp hàng nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp lên phương tiện vận tải tại cửa khẩu đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;</p> <p>b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các chứng từ khác có liên quan.</p> <p>2. Đối với hàng hoá nhập khẩu:</p> <p>a) Trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:</p> <p>a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu;</p> <p>a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt;</p> <p>a.3) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự;</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng ghi trên vận đơn;</p> <p>b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;</p> <p>c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam ghi trên tờ khai hải quan.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Khoản 1, Khoản 2 Điều này và nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan đối với các trường hợp khác.</p>	<p>a.4) Phương pháp trị giá khấu trừ;</p> <p>a.5) Phương pháp trị giá tính toán;</p> <p>a.6) Phương pháp suy luận.</p> <p>Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng văn bản thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau.</p> <p>b) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:</p> <p>b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng hóa nhập khẩu ghi trên vận đơn;</p> <p>b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;</p> <p>b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam ghi trên tờ khai hải quan.”</p>			
11.	<b>Điều 21. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan</b> <a href="#">[17]</a>	<b>9. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:</b>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa.</p> <p>2. Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.</p> <p>3. Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định và giải phóng hàng hóa</p>	<p><b>“Điều 21. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan</b></p> <p>1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan <b>đến xác định trị giá hải quan và</b> thực tế hàng hóa <b>xuất khẩu, nhập khẩu.</b></p> <p><b>2. Xử lý kết quả kiểm tra trị giá hải quan khi làm thủ tục hải quan</b></p> <p><i>Trong thời hạn kiểm tra hồ sơ hải quan theo quy định của Luật Hải quan, việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan được xử lý như sau:</i></p> <p><b>a) Trường hợp</b> nghi vấn về trị giá do người khai hải quan tự xác định và kê khai (sau đây viết tắt là trị giá kê khai) và đủ cơ sở bác bỏ, cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan, ban hành văn bản thông báo trị giá hải quan và quyết định ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế;</p> <p><b>b) Trường hợp</b> nghi vấn về trị giá kê khai nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, <b>thời gian, địa điểm tham vấn</b> và giải phóng hàng hóa theo quy định. Người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>theo quy định, người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo.</p> <p>a) Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định thì thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.</p> <p>b) Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan đề nghị người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn. Nếu người khai hải quan khai bổ sung</p>	<p>rõ về tính chính xác của trị giá kê khai;</p> <p>c) Trường hợp không có nghi vấn về trị giá kê khai, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá kê khai.</p> <p><b>3. Xử lý kết quả tham vấn:</b></p> <p>a) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá kê khai, cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan, ban hành văn bản thông báo trị giá hải quan và quyết định ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế;</p> <p>b) Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá kê khai, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá kê khai.</p> <p>4. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.</p> <p>c) Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo.</p> <p>4. Trường hợp không thuộc khoản 2, 3 Điều này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông quan hàng hóa theo quy định.</p> <p>5. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ</p>	<p>ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần <i>tiếp theo</i>.</p> <p>Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố <i>trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>.</p> <p>Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì <i>trên cơ sở đề nghị của Tổng cục Hải quan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố tỷ giá</i>.</p> <p><b>5. Bộ trưởng</b> Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.”</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần.</i></p> <p><i>Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì xác định theo nguyên tắc tính chéo giữa tỷ giá đô la Mỹ (USD) với đồng Việt Nam và tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ với các ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố là tỷ giá được đưa tin mới nhất trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</i></p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	6. Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.				
12.	<b>Điều 22a. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</b> <a href="#">[18]</a>	<b>10. Bổ sung Điều 22a như sau:</b> “Điều 22a. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu			
	1. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan Hải quan xây dựng trên cơ sở thông tin khai hải quan và các nguồn thông tin liên quan khác.	1. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan Hải quan xây dựng trên cơ sở thông tin khai hải quan và các nguồn thông tin liên quan khác.	Đề xuất bỏ quy định này	Do trong thời gian qua, Tổng cục Hải quan có tham gia xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục II của Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu	CNT T

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong quá trình tham gia xây dựng 2 Nghị định này, Tổng cục Hải quan đề nghị Tổng cục Thống kê hướng dẫn thống kê trị giá hàng hóa xuất khẩu theo điều kiện FOB và nhập khẩu theo điều kiện CIF. Như vậy, nếu sử dụng cụm từ "cơ quan Hải quan xây dựng" sẽ không còn phù hợp.	
	2. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được xây dựng theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.	2. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được xây dựng theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		
	3. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc: a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng	3. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc: a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt	3. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc: a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên (theo điều kiện giao	Bỏ quy định "Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên (theo điều kiện giao hàng CIF hoặc tương đương)" và "Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia	CNT T

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên (theo điều kiện giao hàng CIF hoặc tương đương). Trường hợp không xác định được trị giá theo điều kiện giao hàng CIF hoặc tương đương thì khai trị giá hải quan là toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có);</p> <p>b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất (theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương). Trường hợp không xác định được trị giá theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương thì khai trị giá hải quan là toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có);</p> <p>c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị</p>	<p>Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên (theo điều kiện giao hàng CIF hoặc tương đương). Trường hợp không xác định được trị giá theo điều kiện giao hàng CIF hoặc tương đương thì khai trị giá hải quan là toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có);</p> <p>b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất (theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương). Trường hợp không xác định được trị giá theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương thì khai trị giá hải quan là toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có);</p> <p>c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính.</p>	<p><del>hàng CIF hoặc tương đương). Trường hợp không xác định được trị giá theo điều kiện giao hàng CIF hoặc tương đương thì khai trị giá hải quan</del> là toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có);</p> <p>b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất (theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương). Trường hợp không xác định được trị giá theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương thì khai trị giá hải quan là toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có);</p> <p>c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính.</p>	<p>công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất (theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương)" với các lý do:</p> <p>- Trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay không có quy định các điều kiện giao hàng tương đương với FOB và tương đương với CIF.</p> <p>- Tổng cục Hải quan đã đề nghị Tổng cục Thống kê hướng dẫn thống kê hàng hóa nhập khẩu theo điều kiện CIF và xuất khẩu theo điều kiện FOB nhưng hiện tại Tổng cục Thống kê chưa có hướng dẫn.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính.</i>				
	<i>4. Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê.</i>	4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê.”	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		
13.	<b>Điều 24. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan</b> 1. Điều kiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và cung cấp thông tin, chứng từ, hồ sơ cần thiết liên quan đến việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai	<b>11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và 7 Điều 24 như sau:</b> “2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Tổng cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng; b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan; c) Thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải quan trong thời hạn 10	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, trưng tụy trên thị trường để so sánh.</p> <p>2. <a href="#">[19]</a> <i>Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:</i></p> <p>a) <i>Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Tổng cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng;</i></p> <p>b) <i>Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan;</i></p> <p>c) <i>Thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi nào liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu</i></p>	<p>ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi nào liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.</p> <p>3. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:</p> <p>a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Tổng cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước;</p> <p>b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường)</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.</p> <p>3.[20] Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:</p> <p>a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Tổng cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước;</p> <p>b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày</p>	<p>hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan.</p> <p>7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước.”</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan.</i></p> <p>4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan.</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan mà tổ chức, cá nhân cần thiết thông quan hàng hóa thì tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế theo giá khai báo hoặc thực hiện bảo lãnh theo quy định để thực hiện thông quan hàng hóa. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại cơ quan hải quan.</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>5. Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu Tổng cục Hải quan xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với hàng hóa thông thường) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ), kể từ ngày nhận được yêu cầu của người khai hải quan, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời kết quả cho người khai hải quan.</p> <p>6. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:</p> <p>a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan có hiệu lực tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký ban hành. Riêng văn bản thông báo kết quả xác định trước mức giá có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được xác định trước mức giá;</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với mẫu hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;</p> <p>c) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực;</p> <p>d) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> <p>7.<a href="#">[21]</a> Bộ Tài chính quy định hồ sơ xác định trước mã số,</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>xuất xứ, trị giá hải quan và các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước.</i>				
14.					



UNI CUSTOMS  
CONSULTING

<p><b>Điều 25. Khai hải quan</b></p> <p>1. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử. Người khai hải quan đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>2. <b>[22]</b> Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy:</p> <p>a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới;</p> <p>b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vượt định mức miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>c) Hàng cứu trợ khẩn cấp, hàng viện trợ nhân đạo; hàng xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ an ninh quốc phòng;</p> <p>d) Hàng quà biếu, quà tặng, tài sản di chuyển của cá nhân;</p> <p>đ) Hàng hóa là phương tiện chứa hàng hóa quay vòng theo phương thức tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định này;</p> <p>e) Hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập để</p>	<p><b>12. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4, 5 và 10 Điều 25 như sau:</b></p> <p>“2. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy:</p> <p>a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới;</p> <p>b) Hành lý vượt định mức miễn thuế, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>c) Hàng cứu trợ khẩn cấp, hàng viện trợ nhân đạo; hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm xuất, tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng;</p> <p>d) Hàng quà biếu, quà tặng, tài sản di chuyển của cá nhân;</p> <p>đ) Hàng hóa là phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định này;</p> <p>e) Hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định trong trường hợp mang theo khách xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>g) Nhiên liệu chứa trong phương tiện vận tải chuyên dùng tự hành</p>	<p>- Đề xuất sửa đổi điểm h khoản 2 Điều 25 như sau:</p> <p>“h) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác.</p> <p>Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử.</p> <p>Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan <b>có lựa chọn thực hiện khai hải quan điện tử thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc có văn bản đề nghị khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy gửi thông báo cho</b> Chi cục hải quan nơi dự kiến làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ tên và nguyên nhân sự cố, thời hạn dự kiến khắc phục sự cố và phương thức thực hiện thủ tục khai hải quan trong thời gian hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố <b>theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</b>”</p> <p>- Giữ nguyên các nội dung khác đã trình Chính phủ.</p>	<p><b>Bổ sung quy định về việc người khai hải quan được quyền lựa chọn thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố.</b></p>
--	---	---	--

<p><i>phục vụ công việc trong thời hạn nhất định trong trường hợp mang theo khách xuất cảnh, nhập cảnh;</i></p> <p><i>g) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác.</i></p> <p><i>Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử;</i></p> <p><i>Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan có văn bản thông báo cho Chi cục hải quan nơi dự kiến làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ tên và nguyên nhân sự cố, thời hạn dự kiến khắc phục sự cố và phương thức thực hiện thủ tục khai hải quan trong thời</i></p>	<p>hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất;</p> <p>h) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác.</p> <p>Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử.</p> <p>Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan có văn bản thông báo cho Chi cục hải quan nơi dự kiến làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ tên và nguyên nhân sự cố, thời hạn dự kiến khắc phục sự cố và phương thức thực hiện thủ tục khai hải quan trong thời</p>			
--	--	--	--	--

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	gian hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. h) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ Tài chính.	i) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
	3. [23] Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Khi kiểm tra hồ sơ cơ quan hải quan đủ cơ sở xác định hàng hóa thuộc diện phải có giấy	3. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Khi kiểm tra hồ sơ cơ quan hải quan đủ cơ sở xác định hàng hóa thuộc diện phải có giấy	3. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai. <del>Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</del> <b>Trường hợp doanh nghiệp, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quân lý theo giấy phép hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương thì phải có các chứng từ này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</b>	- Hệ thống đã tự động tính số thuế phải nộp, người khai hải quan có trách nhiệm kiểm tra, xác định lại tính chính xác về số thuế do Hệ thống hỗ trợ tính. - Bổ sung quy định liên quan đến việc các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa theo giấy phép, theo điều kiện quy định tại Luật Quản lý ngoại thương thì phải đáp ứng các yêu cầu về giấy phép, điều kiện trước khi đăng ký tờ khai hải quan để đảm bảo tính bao quát, đúng quy định.	P1

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>phép mà không có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tờ khai hải quan đã đăng ký không có giá trị thực hiện thủ tục hải quan.</i>	pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Khi kiểm tra hồ sơ cơ quan hải quan đủ cơ sở xác định hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.		
	4. Khi khai hải quan, người khai hải quan thực hiện: a) Tạo thông tin khai tờ khai hải quan trên Hệ thống khai hải quan điện tử; b) Gửi tờ khai hải quan đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; c) Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan. Đối với khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan khai đầy đủ các tiêu chí trên tờ khai hải quan, ký tên, đóng dấu (trừ trường hợp người khai hải quan là cá nhân) trên tờ khai để nộp cho cơ quan hải quan.	4. Khi khai hải quan, người khai hải quan thực hiện: a) Tạo thông tin khai tờ khai hải quan trên Hệ thống khai hải quan điện tử; <i>b) Nộp tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc dữ liệu số hóa</i> đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. <i>Trường hợp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã có trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải nộp cho cơ quan hải quan. Trường hợp phải nộp bản chính chứng từ thuộc hồ sơ hải quan thì người khai hải quan phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua</i>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>đường bưu chính cho cơ quan hải quan;</i></p> <p>c) Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan.</p> <p>Đối với khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan khai đầy đủ các tiêu chí trên tờ khai hải quan, ký tên, đóng dấu (trừ trường hợp người khai hải quan là cá nhân) trên tờ khai <i>hải quan</i> và nộp <i>các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan</i> cho cơ quan hải quan.</p>			
	<p>5. [24] Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế; áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan;</p>	<p>5. <i>Người khai hải quan</i> phải khai tờ khai hải quan mới <i>trong các trường hợp sau:</i></p> <p>a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế,</p>	<p>Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập - tái xuất đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.</i></p>	<p>áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan;</p> <p><i>b) Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập, <b>tạm xuất</b> đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa.</i></p> <p>Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.</p>			
	<p>6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng.</p> <p>7. Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng hoặc đơn hàng</p>	<p>Không sửa, giữ nguyên</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Hàng hóa nhập khẩu có nhiều hợp đồng hoặc đơn hàng, có một hoặc nhiều hóa đơn của một người bán hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng phương thức thanh toán, giao hàng một lần, có một vận đơn thì được khai trên một hoặc nhiều tờ khai hải quan;</p> <p>b) Hàng hóa xuất khẩu có nhiều hợp đồng hoặc đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng phương thức thanh toán, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì được khai trên một hoặc nhiều tờ khai hải quan.</p> <p>8. Đăng ký tờ khai một lần Người khai hải quan thường xuyên xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng nhất định, trong một thời gian nhất định của cùng một hợp đồng mua bán hàng hóa với cùng một người mua, người bán, qua cùng cửa khẩu được đăng ký tờ khai hải quan một lần trong thời hạn không quá 01 năm. Tờ khai hải quan một lần không còn giá trị làm thủ tục</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hải quan khi có sự thay đổi về chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>9. Việc sử dụng tờ khai hải quan điện tử</p> <p>Tờ khai hải quan điện tử có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thủ tục thanh toán qua Ngân hàng và các thủ tục hành chính khác; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu người khai hải quan cung cấp tờ khai hải quan giấy.</p> <p>Cơ quan Hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin tờ khai hải quan dưới dạng dữ liệu điện tử cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm trang bị các thiết bị để tra cứu dữ liệu trên tờ khai hải quan điện tử.</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	10. [25] Bộ Tài chính quy định chi tiết việc khai bổ sung, hủy tờ khai hải quan, đăng ký tờ khai hải quan một lần; khai tờ khai hải quan mới đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa và xử lý trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố.	10. <b>Bộ trưởng</b> Bộ Tài chính quy định chi tiết việc khai bổ sung, hủy tờ khai hải quan, đăng ký tờ khai hải quan một lần; khai tờ khai hải quan mới đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa và xử lý trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố.”	10. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc khai bổ sung, hủy tờ khai hải quan, đăng ký tờ khai hải quan một lần; khai tờ khai hải quan mới đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa và <b>hướng dẫn thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu xử lý</b> trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố.”	Bổ sung thẩm quyền để Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố.	
15.	<b>Điều 26. Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải</b>  1. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần. 2. Trong trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan Hải quan thông báo thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho người khai hải quan biết và nêu rõ lý do. 3. Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, Hệ	<b>13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:</b>  “4. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ tiêu chí phân loại mức độ rủi ro do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để quyết định kiểm tra hải quan và thông báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo một trong những hình thức dưới đây:  a) Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan để quyết định thông quan hàng hóa;  b) Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên cổng	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số tờ khai hải quan, xử lý tờ khai hải quan và phản hồi thông tin cho người khai hải quan.</p> <p>4. [26] Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ tiêu chí phân loại mức độ rủi ro do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để quyết định việc kiểm tra hải quan và thông báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo một trong những hình thức dưới đây:</p> <p>a) Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan để quyết định việc thông quan hàng hóa;</p> <p>b) Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên cổng thông tin một cửa quốc gia để quyết định việc thông quan hàng hóa hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để quyết định thông quan.</p> <p>Bộ Tài chính quy định cụ thể thời điểm thông báo việc kiểm</p>	<p>thông tin một cửa quốc gia để quyết định việc thông quan hàng hóa hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để quyết định thông quan.</p> <p>Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể thời điểm thông báo việc kiểm tra hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.”</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>tra hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</i></p> <p>5. Trường hợp khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy</p> <p>Việc đăng ký tờ khai hải quan được thực hiện ngay sau khi người khai hải quan khai, nộp đủ hồ sơ hải quan theo quy định và được cơ quan hải quan kiểm tra các điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, bao gồm:</p> <p>a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các thông tin khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan;</p> <p>b) Kiểm tra việc tuân thủ chế độ, chính sách quản lý và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>c) Kiểm tra việc áp dụng biện pháp cưỡng chế tạm dừng làm thủ tục hải quan. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận, xử lý hồ sơ căn cứ vào hồ sơ hải quan và thực tế hàng hóa để quyết định việc làm thủ tục hải quan.</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan hải quan cấp số đăng ký tờ</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>khai hải quan, quyết định việc kiểm tra hải quan theo quy định.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan hải quan thông báo ngay lý do bằng văn bản cho người khai hải quan.</p>				
	<p>6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thời hạn hiệu lực của tờ khai hải quan quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Hải quan được áp dụng các chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.</p> <p>7. Tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp, hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh quốc phòng theo quy định tại Điều 50 Luật Hải quan và tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan gồm các nội dung</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>sau: Tên, địa chỉ người xuất khẩu hàng hóa, người nhập khẩu hàng hóa; những thông tin sơ bộ về tên hàng, lượng hàng, trị giá; cửa khẩu nhập; thời gian phương tiện vận tải vận chuyên lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có thuế được áp dụng chính sách thuế có hiệu lực tại thời điểm đăng ký và nộp tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh.</p>				
16.	<p><b>Điều 28. Kiểm tra hải quan trong quá trình xếp dỡ hàng hóa tại cảng biển, cảng hàng không</b></p> <p>1. Căn cứ kết quả phân tích thông tin quản lý rủi ro, bản khai hàng hóa nhập khẩu được cung cấp trước khi hàng hóa đến cửa khẩu, cơ quan hải quan quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa thông qua máy soi và thiết bị kỹ thuật khác.</p> <p>2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi</p>	<p><b>14. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 28. Kiểm tra hải quan trong quá trình <i>lưu giữ</i>, xếp dỡ hàng hóa tại <i>cửa khẩu</i>, cảng biển, cảng hàng không</b></p> <p>1. Căn cứ kết quả phân tích thông tin quản lý rủi ro, cơ quan hải quan quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa thông qua máy soi, thiết bị kỹ thuật khác.</p> <p>2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>và các thiết bị kỹ thuật khác để cơ quan hải quan kiểm tra tại khu vực xếp dỡ hàng lên, xuống phương tiện vận tải.</p> <p>3. Trường hợp kiểm tra hàng hóa qua máy soi, thiết bị kỹ thuật, cơ quan hải quan phát hiện lô hàng có nghi vấn cần phải kiểm tra thực tế hàng hóa bởi công chức hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để phối hợp bố trí khu vực lưu giữ riêng.</p>	<p>điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác <i>và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu đến địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của</i> cơ quan hải quan, <i>chịu các chi phí có liên quan.</i></p> <p>3. Trường hợp kiểm tra hàng hóa qua máy soi, thiết bị kỹ thuật, cơ quan hải quan phát hiện lô hàng có nghi vấn cần phải kiểm tra thực tế hàng hóa bởi công chức hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để phối hợp bố trí khu vực lưu giữ riêng.”</p>			
17.	<p><b>Điều 29. Kiểm tra thực tế hàng hóa</b></p> <p>...</p> <p>5. [27] Trường hợp bằng các máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện có tại Chi cục Hải quan, địa điểm kiểm tra hải quan, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa không đủ cơ sở để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan về tên hàng, mã số, chủng loại, chất lượng, khối lượng, trọng lượng thì yêu cầu</p>	<p><b>15. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 29 như sau:</b></p> <p>“5. Trường hợp bằng các máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện có tại Chi cục Hải quan, địa điểm kiểm tra hải quan, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa không đủ cơ sở để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan về tên hàng, mã số, chủng loại, chất lượng, khối lượng, trọng lượng thì yêu cầu cơ quan kiểm định hải quan thực hiện việc phân tích phân loại</p>	<p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 29 như sau:</b></p> <p>“Trường hợp bằng các máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện có tại Chi cục Hải quan, địa điểm kiểm tra hải quan, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa không đủ cơ sở để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan về tên hàng, mã số, chủng loại, chất lượng, khối lượng, trọng lượng thì <b>đề nghị yêu cầu</b> cơ quan kiểm định hải quan thực hiện <b>việc phân tích phân loại, hoặc kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật bằng máy móc, trang thiết bị hoặc trung cầu</b> giám định để xác định các nội dung</p>	<p>Quy định hiện nay mới cho phép cơ quan kiểm định hải quan thực hiện nghiệp vụ phân tích, phân loại mà chưa quy định đối với nghiệp vụ kiểm định. Thực chất công tác kiểm định là việc kiểm tra các tiêu chí kỹ thuật của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng máy móc, trang thiết bị kỹ thuật để cơ quan hải quan kết luận hàng hóa có phù hợp với nội dung khai báo hay không. Việc kiểm tra bằng máy móc, trang</p>	KĐ HQ, P1

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p> cơ quan kiểm định hải quan thực hiện việc phân tích phân loại hoặc giám định để xác định các nội dung trên.</p> <p> Trường hợp cơ quan hải quan không đủ điều kiện để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan thì cơ quan hải quan trung cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa.</p>	<p> hoặc giám định để xác định các nội dung trên.</p> <p> Trường hợp cơ quan hải quan không đủ điều kiện để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan thì cơ quan hải quan trung cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa.”</p>	<p> trên. <b>Tổng cục Hải quan thông báo danh sách các mặt hàng thực hiện kiểm định tại cơ quan kiểm định hải quan.</b></p> <p> Trường hợp <b>các mặt hàng không thuộc danh sách do Tổng cục Hải quan nêu trên, Chi cục Hải quan</b> cơ quan hải quan không đủ điều kiện để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan thì cơ quan hải quan trung cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa.”</p>	<p> thiết bị kỹ thuật đã được quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Hải quan (Việc kiểm tra thực tế hàng hóa do công chức hải quan thực hiện trực tiếp hoặc bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác). Do không có căn cứ pháp lý tại Nghị định nên không có cơ sở để quy định tại Thông tư và các quy trình hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm định hải quan, theo đó, nội hàm công tác kiểm định cần được quy định tại Nghị định này.</p>	
18.	<p><b>Điều 30. Xử lý kết quả kiểm tra hải quan</b></p> <p>1. Trường hợp người khai hải quan nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan của hàng hóa thì thực hiện việc khai bổ sung các nội dung theo yêu cầu của cơ quan hải quan và xử lý theo quy định pháp luật về thuế, pháp luật về</p>	<p><b>16. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 30. Xử lý kết quả kiểm tra hải quan</b></p> <p>1. Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan, thực tế hàng hóa phù hợp với nội dung khai hải quan thì cơ quan hải quan thông quan, giải phóng hàng theo quy định tại Điều 32 hoặc cho người khai hải quan đưa hàng về bảo quản theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.</p>	<p><b>Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 30 như sau:</b></p> <p>"2. Trường hợp kiểm tra xác định người khai hải quan khai không đúng với hồ sơ hải quan, thực tế hàng hóa, cơ quan hải quan xử lý như sau:</p> <p>a) Trường hợp không đúng về trị giá hải quan thì xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này;</p> <p>b) Trường hợp không đúng về tên hàng, mã số, xuất xứ, thuế suất, lượng hàng thì xử lý vi phạm theo quy định <b>và, đồng thời</b> yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai sửa đổi, bổ sung theo</p>	<p>Sửa đổi để đảm bảo quy định rõ ràng, tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.</p>	P1

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>xử lý vi phạm hành chính hoặc quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì người khai hải quan thực hiện khiếu nại hoặc được lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định để thực hiện việc giám định hàng hóa theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khai hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định, cơ quan hải quan căn cứ kết luận của cơ quan, tổ chức giám định để quyết định việc thông quan.</p> <p>2. Trường hợp cơ quan hải quan không nhất trí với kết quả giám định do người khai hải quan cung cấp, cơ quan hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định và căn cứ vào kết quả giám định này để quyết định việc thông quan. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết luận</p>	<p>2. Trường hợp kiểm tra xác định người khai hải quan khai không đúng với hồ sơ hải quan, thực tế hàng hóa, cơ quan hải quan xử lý như sau:</p> <p>a) Trường hợp không đúng về trị giá hải quan thì xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này;</p> <p>b) Trường hợp không đúng về tên hàng, mã số, xuất xứ, thuế suất, lượng hàng thì xử lý vi phạm theo quy định, đồng thời yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan; trường hợp người khai hải quan không thực hiện khai bổ sung thì thực hiện ấn định thuế.</p> <p>Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số thì người khai hải quan được lấy mẫu, tách mẫu, giám định để khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Trường hợp hàng hóa vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành thì cơ quan hải</p>	<p>quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan; trường hợp người khai hải quan không thực hiện khai bổ sung thì thực hiện ấn định thuế.</p> <p>Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số thì người khai hải quan <b>thực hiện được lấy mẫu, tách mẫu, giám định để</b> khiếu nại <b>hoặc khởi kiện</b> theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Trường hợp hàng hóa vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành thì cơ quan hải quan xử lý vi phạm theo quy định hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp vượt thẩm quyền.</p> <p>Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan thì người khai hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức đánh giá sự phù hợp được các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định theo quy định của pháp luật để thực hiện giám định. Cơ quan hải quan căn cứ kết luận của cơ quan, tổ chức đánh giá sự phù hợp để quyết định việc thông quan.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	kiểm tra của cơ quan hải quan thì thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.	quan xử lý vi phạm theo quy định hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp vượt thẩm quyền.  Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan thì người khai hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức đánh giá sự phù hợp được các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định theo quy định của pháp luật để thực hiện giám định. Cơ quan hải quan căn cứ kết luận của cơ quan, tổ chức đánh giá sự phù hợp để quyết định việc thông quan.”			
19.	<b>Điều 31. Thu, nộp lệ phí làm thủ tục hải quan</b>  1. Người khai hải quan phải nộp lệ phí làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về thủ tục và hình thức thu, nộp lệ phí hải quan.	<b>Bãi bỏ Điều 31</b>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		
20.	<b>Điều 32. Giải phóng hàng hóa, thông quan hàng hóa</b>	<b>17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau:</b>	<b>Đề xuất sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 32 như sau:</b>	Cục GSQL đề xuất sửa lại để đảm bảo văn phong rõ ràng.	<b>TXN K; P1</b>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>1.[28] Giải phóng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật hải quan. Các trường hợp được giải phóng hàng bao gồm:</p> <p>a) Phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, khối lượng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan;</p> <p>b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở giá do người khai hải quan tạm tính;</p> <p>c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định này và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên</p>	<p>“1. Giải phóng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Hải quan. Các trường hợp được giải phóng hàng bao gồm:</p> <p>a) Phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, khối lượng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan.</p> <p><i>Hàng hóa cũng được xem thuộc trường hợp phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa mà không phải lấy mẫu để phân tích, phân loại hoặc giám định khi có cùng tên hàng, thành phần, cấu tạo, tính chất lý hóa, tính năng, công dụng, quy cách đóng gói, cùng nhà sản xuất với hàng hóa trước đó đã được lấy mẫu, đang chờ kết quả phân tích, phân loại hoặc giám định của cùng người khai hải quan;</i></p> <p>b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm</p>	<p>“1. Giải phóng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Hải quan. Các trường hợp được giải phóng hàng bao gồm:</p> <p>a) Phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, khối lượng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan.</p> <p><i>Trường hợp hàng hóa có cùng cũng được xem thuộc trường hợp phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa mà không phải lấy mẫu để phân tích, phân loại hoặc giám định khi có cùng tên hàng, thành phần, cấu tạo, tính chất lý hóa, tính năng, công dụng, quy cách đóng gói, cùng nhà sản xuất với hàng hóa trước đó đã được lấy mẫu, đang chờ kết quả phân tích, phân loại hoặc giám định của cùng người khai hải quan thì được giải phóng hàng, không phải lấy mẫu để phân tích, phân loại hoặc giám định;</i></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan;</i></p> <p><i>d) Người khai hải quan chưa có đủ thông tin, tài liệu để xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì được giải phóng hàng hóa nếu được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định.</i></p> <p>2. Việc thông quan hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Hải quan. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan nhưng vẫn đang trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu cơ quan hải quan phát hiện dấu hiệu vi phạm thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, xử lý theo quy định của pháp luật và chịu các chi phí phát sinh trong trường hợp không phát hiện vi phạm.</p>	<p>đăng ký tờ khai và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở giá do người khai hải quan tạm tính;</p> <p>c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan;</p> <p>d) Người khai hải quan chưa có đủ thông tin, tài liệu để xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì được giải phóng hàng hóa nếu được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định.”</p>			
21.	<b>Điều 33. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm</b>	<b>18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 33 như sau:</b>	<b>Đề xuất sửa đổi khoản 2, 3 và bỏ khoản 4 Điều 33 như sau:</b>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>quyền tại cửa khẩu trong việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải tại cửa khẩu</b></p> <p><i>1.[29] Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng phải kiểm dịch thì phải thực hiện việc kiểm dịch tại cửa khẩu trước khi hoàn thành thủ tục hải quan trừ trường hợp pháp luật về kiểm dịch cho phép đưa hàng hóa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì cơ quan hải quan căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành để thực hiện việc kiểm tra theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan hải quan căn cứ vào kết</i></p>	<p>“1. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng phải kiểm dịch thì phải thực hiện việc kiểm dịch tại cửa khẩu trước khi hoàn thành thủ tục hải quan trừ trường hợp pháp luật về kiểm dịch cho phép đưa hàng hóa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm <i>thì việc kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm</i>, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan.</p> <p>Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp vì yêu</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.</i></p> <p><i>Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp vì yêu cầu kỹ thuật, chuyên môn phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành.</i></p> <p><i>Cơ quan hải quan chủ trì, điều phối hoạt động kiểm tra đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của các cơ quan</i></p>	<p>cầu kỹ thuật, chuyên môn phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành.</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu. Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện theo Quy chế hoạt động kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p>				
	<p>2. [30] Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành. b) Cơ quan kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu</p>	<p>2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; b) Cơ quan, <b>tổ chức</b> kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro;</p>	<p>2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; b) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan <b>áp dụng phương thức</b> thực hiện giám sát việc lấy mẫu trên cơ sở <b>dánh giá áp dụng quản lý</b> rủi ro; c) Trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu.</p>	<p>- Theo điểm a khoản 4 Điều 38 Luật Hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm giám sát hàng hóa nhập khẩu từ khi tới địa bàn hoạt động hải quan đến khi được thông quan, giải phóng hàng và đưa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan. Việc lấy mẫu sẽ làm thay đổi nguyên trạng hàng hóa thì phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.  - Tuy nhiên, cơ quan hải quan không thể áp dụng phương thức giám sát trực tiếp bởi công chức hải quan cho toàn bộ các lô hàng. Theo đó, Cục</p>	P1

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro;</p> <p>c) Trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu. Việc thông báo được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia khi đăng ký kiểm tra chuyên ngành hoặc thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</p> <p>Người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc cơ quan hải quan thực hiện việc lấy mẫu;</p> <p>d) Khi lấy mẫu phải có đại diện của người khai hải quan. Mẫu phải được niêm phong và lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành;</p> <p>đ) Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành hoặc ngày lấy mẫu kiểm tra</p>	<p>c) Trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu.</p> <p><del>Việc thông báo được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia khi đăng ký kiểm tra chuyên ngành hoặc thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</del></p> <p>Người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc cơ quan hải quan thực hiện việc lấy mẫu;</p> <p>d) Khi lấy mẫu phải có đại diện của người khai hải quan. Mẫu phải được niêm phong và lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành;</p> <p><i>đ) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra."</i></p>	<p>Người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc cơ quan hải quan thực hiện việc lấy mẫu;</p> <p>d) Khi lấy mẫu phải có đại diện của người khai hải quan. Mẫu phải được niêm phong và lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành;</p> <p>đ) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra <b>trên Cổng thông tin một cửa quốc gia cho cơ quan hải quan và người khai hải quan</b> trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra <b>để cơ quan hải quan quyết định việc thông quan hàng hóa.</b></p>	<p>GSQL đề xuất sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 33 theo hướng giao cơ quan hải quan áp dụng phương thức giám sát phù hợp với tình hình thực tế công tác quản lý trên địa bàn.</p> <p>- Hiện nay, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Theo đó, Cục GSQL đề xuất sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 33 theo hướng các cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện việc thông báo kiểm tra, trả kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để cơ quan hải quan có cơ sở quyết định thông quan hàng hóa.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>chuyên ngành trừ trường hợp pháp luật về kiểm tra chuyên ngành có quy định khác, cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có thẩm quyền phải có kết luận kiểm tra và gửi cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 35 Luật Hải quan hoặc gửi tới Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp cơ quan kiểm tra có hệ thống công nghệ thông tin kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia để cơ quan hải quan quyết định việc thông quan hàng hóa. Trường hợp quá thời hạn quy định mà cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành chưa có kết luận kiểm tra chuyên ngành thì phải có văn bản nêu rõ lý do và ngày ra kết luận kiểm tra gửi cơ quan hải quan.</p>				
	<p>3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành</p>		<p>3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại <b>các địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan cửa khẩu, cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành</b></p>	<p>- Để đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan về các địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa và khoản 2 Điều 35 Luật Hải quan về</p>	P1

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>lập trong nội địa, kho ngoại quan hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm trên, hàng hóa được đưa về các địa điểm sau:</p> <p>a) Hàng hóa phải đưa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật về kiểm dịch;</p> <p>b) Trường hợp theo quy định của pháp luật cho phép đưa hàng về địa điểm khác để kiểm tra chuyên ngành hoặc người khai hải quan có văn bản đề nghị được đưa hàng về bảo quản, cơ quan hải quan cho phép đưa hàng về bảo quản nếu địa điểm lưu giữ hàng hóa là kho, bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa.</p> <p>Đối với một số hàng hóa nhập khẩu không thể lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành và chỉ có thể thực hiện việc kiểm tra</p>		<p><del>lập trong nội địa, kho ngoại quan hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</del> và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan.</p> <p><b>Trường hợp người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tự tính thuế thì được đưa về các địa điểm sau đây:</b></p> <p><del>Ngoài các địa điểm trên, hàng hóa được đưa về các địa điểm sau:</del></p> <p>a) <del>Hàng hóa phải đưa về các</del> Địa điểm để kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật về kiểm dịch;</p> <p>b) <b>Địa điểm để kiểm tra chuyên ngành theo chỉ định của cơ quan kiểm tra chuyên ngành hoặc địa điểm do người khai hải quan đề nghị</b> Trường hợp theo quy định của pháp luật cho phép đưa hàng về địa điểm khác để kiểm tra chuyên ngành hoặc người khai hải quan có văn bản đề nghị được đưa hàng về bảo quản, cơ quan hải quan cho phép đưa hàng về bảo quản nếu địa điểm lưu giữ hàng hóa là kho, bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa.</p> <p><b>Trường hợp</b> <del>Đối với một số hàng hóa nhập khẩu không thể lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành và chỉ có thể thực hiện</del> việc kiểm tra chuyên ngành <b>thực hiện</b> trong nội địa, tại chân công trình theo</p>	<p>việc các địa điểm đưa hàng về bảo quản phải đáp ứng điều kiện về giám sát hải quan.</p> <p>- Để tránh tình trạng thất thu thuế đối với các lô hàng đưa về bảo quản, tại khoản 3 Điều 33 dự thảo Nghị định bổ sung nội dung yêu cầu người khai phải nộp đủ số thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trước khi đưa hàng hóa về bảo quản.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	chuyên ngành trong nội địa, tại chân công trình theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan cho phép người khai hải quan được đưa hàng về bảo quản; người khai hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo quản hàng hóa cho đến khi thông quan.		quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan cho phép người khai hải quan được đưa hàng về bảo quản; người khai hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo quản hàng hóa cho đến khi thông quan.		
	4. Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí máy móc, thiết bị phục vụ việc kiểm tra hàng hóa tại cửa khẩu, bao gồm cả việc kiểm tra thực tế hàng hóa của cơ quan hải quan và kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan quản lý chuyên ngành tại các cửa khẩu quốc tế có lưu lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu lớn. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức có liên quan tại cửa khẩu có trách nhiệm bố trí lực lượng để phối hợp kiểm tra theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.		Đề xuất bỏ khoản 4 Điều 33	- Nội dung này quy định từ năm 2015 để phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 phê duyệt Đề án “Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tăng cường nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất) tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia (cảng biển, cảng hàng không, đường bộ) nơi có nhiều hàng hóa XNK thuộc diện KTCN tại khâu thông quan, phối hợp cùng với cơ quan hải quan xử lý nhanh chóng những việc	P1

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>liên quan đến KTCN nhằm rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa cũng như giảm chi phí, giảm thời gian lưu kho bãi cho các doanh nghiệp XNK.</p> <p>Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (TCHQ) đã chỉ đạo Cục hải quan 08 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi) chủ động trao đổi, bàn bạc, phối hợp với các cơ quan quản lý, đơn vị KTCN, đơn vị quản lý và kinh doanh kho, bãi, cảng trên địa bàn để thành lập các địa điểm KTCN tập trung bao gồm tự bố trí, sắp xếp địa điểm văn phòng làm việc, trang bị máy tính, mạng internet, bàn làm việc cho các cơ quan, đơn vị KTCN. Đến tháng 6/2016 đã có 10 địa điểm KTCNTT được thành lập thuộc 8 Cục Hải quan tỉnh, thành phố, cụ thể tại: Hải Phòng, Đà Nẵng, Lào Cai, Cái Lân-Quảng Ninh, Dung Quất-Quảng Ngãi, Nội</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>Bà-Hà Nội, Sân bay Tân Sơn Nhất-HCM, Cát Lái-Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Móng Cái-Quảng Ninh.</p> <p>Tuy nhiên, sau gần 03 năm hoạt động, các địa điểm KTCN tập trung đã bộc lộ nhiều hạn chế. Do vậy, Bộ Tài chính đã có công văn số 12880/BTC-TCHQ ngày 19/10/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ không tổ chức các địa điểm KTCN tập trung nữa.</p> <p>- Ngoài ra, trong thời gian vừa qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách công tác KTCN đối với hàng hóa XNK, nhiều lĩnh vực KTCN đã được chuyển ra kiểm tra sau thông quan hoặc chỉ áp dụng phương thức kiểm tra hồ sơ, nhiều trường hợp được miễn/miễn giảm kiểm tra, ví dụ: Kiểm tra an toàn thực phẩm chỉ kiểm tra hồ sơ, phần lớn hàng hóa phải kiểm tra chất lượng được chuyển từ tiền kiểm tra hậu</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				kiểm (kiểm tra sau khi hàng hóa đã được cho phép thông quan)...	
22.	<p><b>Điều 34. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh</b></p> <p>1. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41 Luật Hải quan.</p> <p>2. Để thực hiện các quy định về giám sát hải quan tại Luật Hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm:</p> <p>a) Bố trí khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận;</p> <p>b) Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để quản lý, giám sát hàng hóa xuất</p>		<p><b>Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 34 như sau:</b></p> <p>“2. Để thực hiện các quy định về giám sát hải quan tại Luật Hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm:</p> <p>a) Bố trí khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận; <b>hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan.</b></p>	<p>Thực tế thời gian qua, cơ quan hải quan phát hiện nhiều lô hàng vi phạm pháp luật hải quan trong đó gồm các lô hàng tạm giữ chờ xử lý vi phạm hoặc đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tuy nhiên tại các khu vực cảng chưa có các khu vực lưu giữ, hoặc 1 số nơi có bố trí khu vực lưu giữ nhưng cơ quan hải quan phải chi trả các khoản chi phí đó, VD: Cục ĐTCBL thanh toán gần 50 tỷ tiền lưu giữ đối với các lô hàng vi phạm tại cảng Cát Lái, hơn 100 containers gỗ nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng vi phạm Công ước CITES vi phạm phải lưu giữ tại Trường Hải quan Việt Nam ... Việc bổ sung quy định trên nhằm giảm áp lực về tài chính cho cơ quan hải quan.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>khẩu; nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện kết nối với cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu;</p> <p>c) Kiểm tra các chứng từ đã được cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đã thông quan, giải phóng hàng, được đưa hàng về bảo quản, đưa về địa điểm kiểm tra trước khi cho phép hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu được đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi;</p> <p>d) Bảo mật thông tin trên hệ thống theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm thời gian lưu giữ, hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan.</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
23.	<p><b>Điều 35. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ</b></p> <p>1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ bao gồm:</p> <p>a) Hàng hóa đặt gia công tại Việt Nam và được tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;</p> <p>b) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;</p> <p>c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.</p>	<p><b>Tại dự thảo trình Chính phủ không sửa đổi, bổ sung nội dung này.</b></p>	<p>Đề xuất dự kiến sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định theo hướng bãi bỏ quy định này, cụ thể như sau:</p> <p><i>“Bãi bỏ Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.</i></p> <p><i>Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam được tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và phải đáp ứng điều kiện thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương.”</i></p>	<p>Tại Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ số 170/PLYK/2022 ngày 2/6/2022 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Bộ Công Thương có ý kiến như sau: “Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương về việc bãi bỏ khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ và bổ sung quy định hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng gia công với nước ngoài do Luật Quản lý ngoại thương, Luật Thương mại, Luật Hải quan không có quy định về xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ quy định liên quan đến hoạt động gia công tại khoản 3 Điều 182 Luật Thương mại và Điều 42 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Công Thương đã nêu ý kiến này tại công văn số 9434/BCT-XNK ngày 8/12/2020, số 4623BCT-XNK</p>	P2

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>ngày 2/8/2021 và tại cuộc họp thẩm định ngày 6/10/2021 do Bộ Tư pháp chủ trì, tuy nhiên, tại Tờ trình số 246/TTr-BTC ngày 27/12/2021 và số 106/TTr-BTC ngày 12/5/2022, Bộ Tài chính không đề cập đến nội dung này)”</p> <p>Trên cơ sở ý kiến nêu trên của Bộ Công Thương, ngày 1/8/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính có công văn số 7500/BTC-TCHQ giải trình, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ Tài chính đồng ý với kiến nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, tuy nhiên, việc xem xét bãi bỏ khoản 1 Điều 35 cần được đánh giá đầy đủ về thủ tục hải quan cũng như chính sách thuế để không làm xáo trộn, bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn phục hồi kinh tế, ổn định sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tránh đứt gãy chuỗi</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>cung ứng sau đại dịch covid - 19.</p> <p>Ngày 12/8/2022, Bộ trưởng Bộ Công Thương có công văn số 4797/BCT-PC nhất trí với ý kiến của Bộ Tài chính. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính có công văn số 11143/BTC-TCHQ ngày 28/10/2022 và công văn số 12821/BTC-TCHQ ngày 5/12/2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thành viên chính phủ đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.</p> <p>Thực hiện Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 20/02/2023 và công văn số 6777/VPCP-KTTH ngày 01/9/2023 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 9133/BTC-TCHQ ngày 25/8/2023 và công văn số 10961/BTC-TCHQ ngày 10/10/2023 báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái và Thủ tướng Chính phủ về kết quả đánh giá,</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>tổng kết việc thực hiện quy định về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.</p> <p>Trên cơ sở ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính đã có công văn số 5436/BTC-TCHQ ngày 28/5/2024 gửi Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái và Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 35.</p> <p>Ngày 27/06/2024, Văn phòng Chính phủ có công văn số 4493/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái: <i>Bộ Tài chính chủ trì, trực tiếp làm việc với Lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Công Thương, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các cơ quan liên quan để trao đổi, thống nhất về việc bãi bỏ quy</i></p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p><i>định về xuất nhập khẩu tại chỗ tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; bảo đảm chặt chẽ, khoa học, khả thi, hiệu quả đúng Quy chế làm việc của Chính phủ và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện tờ trình và hồ sơ dự thảo Nghị định, trình Chính phủ trong Quý IV/2024.</i></p>	
24.	<p><b>Điều 36. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công; hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu</b></p> <p>1. Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên để thực hiện gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở sản xuất cho cơ quan hải quan.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu báo cáo quyết toán việc</p>	<p><b>19. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 36 như sau:</b></p> <p>“4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan, <i>kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc</i> báo cáo quyết toán đối với nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất, tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị.”</p>	<p><b>Đề xuất không sửa khoản 4 Điều 36, giữ nguyên quy định hiện hành.</b></p> <p><del>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan, kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc báo cáo quyết toán đối với nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất, tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị.”</del></p>	<p>Thực hiện Dự án hải quan số 2, người khai hải quan kết nối, chia sẻ thông tin những biến động của nguyên liệu, vật tư, sản phẩm và định mức kỹ thuật với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trên cơ sở đó, hệ thống tự động tính toán ra số liệu nhập – xuất – tồn, tức là về bản chất thì người khai hải quan đã nộp báo cáo quyết toán ngay khi trao đổi dữ liệu, chia sẻ thông tin. Do vậy, việc người khai hải quan trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu ngay khi có biến động hay gửi vào cuối</p>	P2

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>3. Địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và sản phẩm xuất khẩu phải nằm trong khu vực sản xuất của tổ chức, cá nhân; trường hợp lưu giữ ngoài khu vực sản xuất thì tổ chức, cá nhân phải có văn bản, gửi cơ quan hải quan xem xét, quyết định.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan, <b>việc</b> báo cáo quyết toán đối với nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất, tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị.</p>			nằm tài chính như hiện hành chỉ là phương thức thực hiện báo cáo quyết toán. Nội dung này ở cấp Nghị định đã đủ cơ sở pháp lý để Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 38, 39 sẽ hướng dẫn phương thức thực hiện.	
25.	<b>Điều 37. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu</b>	<b>20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:</b>  “1. Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công,	Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 37 như sau: “1. <b>Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu</b> a) Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên	Theo dự thảo đã trình Chính phủ thì nội dung quy định tại Điều này để đảm bảo điều kiện về việc có cơ sở sản xuất trước khi người khai hải quan thực hiện hoạt động nhập khẩu	P2

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>1. Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân nộp cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục báo cáo quyết toán các chứng từ sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 01 bản chụp;</p> <p>b) Văn bản thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính.</p> <p>Trường hợp có sự thay đổi về các nội dung trong văn bản thông báo thì phải thông báo cho cơ quan hải quan biết trước khi thực hiện;</p> <p>c) Hợp đồng thuê nhà xưởng, mặt bằng sản xuất đối với trường hợp thuê nhà xưởng,</p>	<p>sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân nộp cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục báo cáo quyết toán các chứng từ sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận <i>đăng ký</i> kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư <i>hoặc giấy tờ có giá trị tương đương</i> đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 01 bản chụp;</p> <p>b) Văn bản thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo mẫu do <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính.</p> <p>Trường hợp có sự thay đổi về các nội dung trong văn bản thông báo thì phải thông báo cho cơ quan hải quan <i>chậm nhất vào ngày thứ mười tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi. Trường hợp thay đổi liên quan đến địa điểm sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm thì phải thông báo với cơ quan hải quan trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm đến địa</i></p>	<p>để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân <i>thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo các chỉ tiêu thông tin</i> do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục báo cáo quyết toán <i>thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi kèm chứng từ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu và máy móc, thiết bị tại cơ sở gia công trên lãnh thổ Việt Nam.</i></p> <p>b) Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa sản xuất xuất khẩu giao toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức thuộc sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất, gia công sản phẩm sau đó nhận lại sản phẩm và xuất khẩu thì nộp cho cơ quan hải quan các chứng từ để <i>xác định hàng hóa được miễn thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021.</i></p> <p>c) Trường hợp thay đổi nội dung <i>thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu dẫn đến thay đổi điều kiện được áp dụng chế độ miễn thuế, không chịu</i></p>	<p>nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị được ưu đãi thuế, chính sách mặt hàng. Theo đó, quy định hoạt động đưa đi gia công lại trong khi chưa thực hiện hoạt động nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đầu vào tại Điều này là chưa phù hợp về mặt logic và bố cục. Ngoài ra, các chứng từ như Đăng ký kinh doanh hoặc tương đương, hoặc chứng từ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng mặt bằng, cơ sở sản xuất cần thực hiện theo lộ trình số hoá chứng từ của các Dự án hải quan số. Do vậy, TCHQ đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 37.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>mặt bằng sản xuất: 01 bản chụp.</p> <p>Tổ chức, cá nhân không phải nộp các chứng từ nêu tại các Điều a, b, c Khoản 1 Điều này khi làm thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>2. Lưu giữ hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công, định mức sử dụng nguyên liệu, vật tư cho từng mã sản phẩm, sơ đồ thiết kế mẫu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất, sơ đồ giác mẫu (nếu có) tại tổ chức, cá nhân và xuất trình khi cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, hàng hóa xuất khẩu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức thực tế sản xuất sản phẩm xuất khẩu, số liệu báo cáo quyết toán và tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để gia</p>	<p><i>điểm mới;</i></p> <p><i>c) Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà xưởng, mặt bằng sản xuất: 01 bản chụp.</i></p> <p><i>Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê nhà xưởng, mặt bằng sản xuất: 01 bản chụp chứng từ chứng minh quyền được sử dụng;</i></p> <p><i>d) Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa sản xuất xuất khẩu giao toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức thuộc sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất, gia công sản phẩm sau đó nhận lại sản phẩm và xuất khẩu thì tại thời điểm thông báo cơ sở sản xuất của tổ chức nhận gia công lại, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá phải nộp cho cơ quan hải quan các chứng từ sau:</i></p> <p><i>d.1) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất của tổ chức nhận sản xuất, gia công lại: 01 bản sao có chứng thực;</i></p>	<p><b>thuế, năng lực, quy mô sản xuất thì</b> phải thông báo với cơ quan hải quan trước khi <b>nhập khẩu</b>, đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm đến địa điểm mới. Trường hợp có sự thay đổi về các nội dung trong văn bản thông báo <b>nhưng không dẫn đến thay đổi điều kiện được áp dụng chế độ miễn thuế, không chịu thuế, năng lực, quy mô sản xuất</b> thì phải thông báo cho cơ quan hải quan chậm nhất vào ngày thứ mười tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>4. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nhà xưởng, máy móc, thiết bị; giải trình các số liệu, quy trình sản xuất liên quan đến việc sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị khi cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>d.2) Điều lệ về tổ chức hoạt động của tổ chức nhận sản xuất, gia công lại và của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa sản xuất xuất khẩu: 01 bản sao có chứng thực;</i></p> <p><i>d.3) Sổ cổ đông của doanh nghiệp đối với công ty cổ phần hoặc Sổ đăng ký thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên của tổ chức nhận sản xuất, gia công lại và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa sản xuất xuất khẩu: 01 bản sao có chứng thực.</i></p> <p>Tổ chức, cá nhân không phải nộp các chứng từ nêu tại khoản 1 Điều này khi làm thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.”</p>			
26.	<p><b>Điều 39. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất</b></p> <p><i>1.[31] Các trường hợp kiểm tra:</i></p> <p><i>a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;</i></p>	<p><b>21. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 39. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu</b></p> <p>1. Các trường hợp kiểm tra:</p>	<p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 39 như sau:</b></p> <p>“1. Các trường hợp kiểm tra:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;</p> <p>b) Khi phát hiện có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân thay đổi thông tin về địa chỉ, ngành</p>	<p>Để phù hợp quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hải quan là điều chỉnh đồng thời gia công và sản xuất xuất khẩu.</p>	P2

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Khi phát hiện có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân thay đổi thông tin về địa chỉ, ngành hàng, quy mô, năng lực sản xuất nhưng không thông báo với cơ quan hải quan;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công;</p> <p>d) Khi phát hiện dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân lưu giữ nguyên liệu vật tư, linh kiện nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan;</p> <p>đ) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.</p> <p>2. Việc kiểm tra được thực hiện sau 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>3. [32] Xử lý kết quả kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất:</p>	<p>a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;</p> <p>b) Khi phát hiện có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân thay đổi thông tin về địa chỉ, ngành hàng, quy mô, năng lực sản xuất nhưng không thông báo với cơ quan hải quan;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công;</p> <p>d) Khi phát hiện dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân lưu giữ nguyên liệu vật tư, linh kiện nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan;</p> <p>đ) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.</p> <p>2. <i>Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu quyết định việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu hoặc Chi cục trưởng Chi</i></p>	<p>hàng, quy mô, năng lực sản xuất nhưng không thông báo với cơ quan hải quan;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài, <b>nhập khẩu hàng hoá để sản xuất hàng hoá xuất khẩu</b> nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công, <b>sản xuất lại toàn bộ sản phẩm xuất khẩu;</b></p> <p>d) Khi phát hiện dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân lưu giữ nguyên liệu vật tư, linh kiện nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan;</p> <p>đ) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.</p> <p>...3. Nội dung kiểm tra:</p> <p>a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu;</p> <p>b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh;</p> <p>c) Kiểm tra <b>mặt bằng sản xuất</b>, nhà xưởng, máy móc, thiết bị;</p> <p>d) Kiểm tra tình trạng nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất;</p> <p>đ) Kiểm tra năng lực, quy mô sản xuất, gia công;</p> <p>e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư, nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Trường hợp không có cơ sở gia công, sản xuất thì tổ chức, cá nhân phải nộp đủ các loại thuế, tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định đối với số lượng nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu không được ưu đãi thuế theo quy định;</p> <p>b) Trường hợp có đủ căn cứ xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị vượt quá năng lực sản xuất hoặc thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật mà tổ chức, cá nhân không xuất trình được giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc nhập khẩu nguyên liệu vật tư, máy móc, thiết bị không phù hợp với ngành nghề sản xuất đã thông báo với cơ quan hải quan thì cho phép tổ chức, cá nhân được giải trình, chứng minh; trường hợp tổ chức, cá nhân không giải trình hoặc</p>	<p><i>cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo đề nghị của Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở sản xuất.</i></p> <p>Việc kiểm tra được thực hiện <i>chậm nhất</i> sau 05 ngày làm việc kể từ ngày <i>tổ chức, cá nhân</i> nhận được quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc.</p> <p><i>3. Nội dung kiểm tra:</i></p> <p><i>a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu;</i></p> <p><i>b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh;</i></p> <p><i>c) Kiểm tra nhà xưởng, máy móc, thiết bị;</i></p> <p><i>d) Kiểm tra tình trạng nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất;</i></p> <p><i>đ) Kiểm tra năng lực, quy mô sản xuất, gia công;</i></p> <p><i>e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã thông báo</i></p>	<p>thông báo và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho lượng nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>giải trình, chứng minh không hợp lý thì xử lý theo quy định và thực hiện kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành.</p>	<p><i>và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho lượng nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị.</i></p> <p>4. Xử lý kết quả kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; <i>nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu:</i></p> <p>a) Trường hợp không có cơ sở gia công, sản xuất thì tổ chức, cá nhân phải nộp đủ các loại thuế, tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định đối với số lượng nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu không được ưu đãi thuế theo quy định;</p> <p>b) Trường hợp có đủ căn cứ xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị vượt quá năng lực sản xuất hoặc thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật mà tổ chức, cá nhân không xuất trình được giấy phép hoặc giấy</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc nhập khẩu nguyên liệu vật tư, máy móc, thiết bị không phù hợp với ngành nghề sản xuất đã thông báo với cơ quan hải quan thì cho phép tổ chức, cá nhân được giải trình, chứng minh; trường hợp tổ chức, cá nhân không giải trình hoặc giải trình, chứng minh không hợp lý thì xử lý theo quy định, thực hiện kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành.”</p>			
27.	<p><b>Điều 40. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị</b></p> <p><i>1.[33] Các trường hợp kiểm tra:</i></p> <p><i>a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ nhưng không có sản phẩm xuất khẩu;</i></p> <p><i>b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất;</i></p>	<p><b>22. Sửa đổi khoản 1 Điều 40 như sau:</b></p> <p>“1. Các trường hợp kiểm tra:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ nhưng không có sản phẩm xuất khẩu;</p> <p>b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất;</p> <p>c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan;</i></p> <p><i>d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế;</i></p> <p><i>Đối với các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức cá nhân có văn bản giải trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Việc kiểm tra chỉ được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan có căn cứ giải trình của tổ chức, cá nhân là không hợp lý.</i></p> <p>2.<a href="#">[34]</a> Chi cục trưởng Chi cục hải quan thực hiện kiểm tra theo quyết định của Cục trưởng cục hải quan tỉnh, thành phố.</p> <p>Việc kiểm tra được thực hiện không quá 05 ngày làm việc tại cơ sở sản xuất, trụ sở của tổ chức, cá nhân. Đối với trường hợp phức tạp, Cục</p>	<p>móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan;</p> <p>d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế;</p> <p>Đối với các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức cá nhân có văn bản giải trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Việc kiểm tra chỉ được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan có căn cứ giải trình của tổ chức, cá nhân là không hợp lý”.</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>trường Cục Hải quan tỉnh, thành phố ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>3. Nội dung kiểm tra:</p> <p>a) Kiểm tra hồ sơ hải quan, báo cáo nhập - xuất - tồn, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập kho, xuất kho;</p> <p>b) Kiểm tra định mức thực tế sản phẩm xuất khẩu;</p> <p>c) Kiểm tra tính phù hợp của nguyên liệu, vật tư với sản phẩm xuất khẩu;</p> <p>d) Kiểm tra nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trên dây chuyền sản xuất;</p> <p>đ) Kiểm tra số lượng hàng hóa còn tồn trong kho;</p> <p>e) Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu.</p> <p>4. Xử lý kết quả kiểm tra</p> <p>Trường hợp qua kiểm tra phát hiện hàng hóa còn tồn, đang lưu giữ tại kho của tổ chức, cá nhân không đúng với số lượng trên hồ sơ, chứng từ, báo cáo quyết toán thì yêu cầu tổ chức,</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>cá nhân giải trình bằng văn bản.</p> <p>Trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận giải trình và có đủ căn cứ để chứng minh tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, về thuế, cơ quan hải quan quyết định việc ấn định thuế, xử lý vi phạm theo quy định.</p>				
28.	<p><b>Điều 43. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh [35]</b></p> <p>1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh phải được thực hiện tại trụ sở hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng, trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh đóng chung container, toa xe chở hàng với hàng nhập khẩu, xuất khẩu, đóng chung với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quy định tại khoản 9 Điều này.</p> <p>Hàng hóa quá cảnh theo các Hiệp định đa phương về quá</p>	<p><b>23. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 43. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh</b></p> <p>1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thực hiện tại trụ sở hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng <u>trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh đóng chung với hàng nhập khẩu, xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh.</u></p> <p><i>a) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:</i></p>	<p>- Bỏ đoạn “trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh đóng chung với hàng nhập khẩu, xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh”</p> <p>- Bổ sung thêm điểm a.4 Khoản 1 như sau: <b>“a.4) Đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh, cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên là địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng hóa bưu chính, chuyển phát nhanh tại cửa khẩu nhập”</b></p>	<p>- Theo thiết kế của Hệ thống Hải quan số thì trường hợp hàng hóa quá cảnh chia tách, đóng ghép, thay đổi phương thức vận chuyển thì người khai hải quan chỉ đăng ký 01 tờ khai quá cảnh từ cửa khẩu nhập đầu tiên đến cửa khẩu xuất cuối cùng và bổ sung thêm điểm a.4 Khoản 1 để làm rõ đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính.</p>	<b>P3</b>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>cảng hàng hóa được Việt Nam ký kết tham gia, thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.</p>	<p><i>a.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không là cảng đích ghi trên vận đơn.</i></p> <p><i>Trường hợp cảng đích ghi trên vận đơn không phải là cảng biển, cảng hàng không thì cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng khi tàu biển, tàu bay nhập cảnh vào Việt Nam;</i></p> <p><i>a.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới;</i></p> <p><i>a.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa là cửa khẩu quốc tế nơi hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam.</i></p> <p><i>b) Cửa khẩu xuất cuối cùng là cửa khẩu nơi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa quá cảnh xuất cảnh.</i></p> <p>Hàng hóa quá cảnh theo các Hiệp định đa phương về quá cảnh hàng hóa được Việt Nam ký kết tham gia, thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.</p>			
	<p>2. Hồ sơ hải quan a) Tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ thay thế tờ khai vận</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan: a) Tờ khai <i>hải quan hoặc chứng từ</i></p>	<p>2. Hồ sơ hải quan: a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai <i>theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban</i></p>	<p>- Người khai sẽ khai các thông tin tại Bản kê chi tiết này theo</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>chuyển theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Bản kê chi tiết hàng hóa quá cảnh theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ đóng chung với hàng nhập khẩu: 01 bản chụp;</p> <p>d) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật; giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p><i>thay thế tờ khai;</i></p> <p>b) Bảng kê chi tiết hàng hoá quá cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, trừ trường hợp người khai hải quan đã khai các thông tin chi tiết về hàng hóa trên tờ khai hải quan;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>d) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật; giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính;</p> <p><i>đ) Hợp đồng quá cảnh: 01 bản chụp.</i></p>	<p><i>hành ;</i></p> <p><del>b) Bảng kê chi tiết hàng hoá quá cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, trừ trường hợp người khai hải quan đã khai các thông tin chi tiết về hàng hóa trên tờ khai hải quan;</del></p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>d) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật; <i>Giấy thông báo miễn kiểm dịch hoặc giấy thông báo kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về kiểm dịch hoặc chứng từ kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch nước ngoài phát hành và được pháp luật về kiểm dịch công nhận đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh phải kiểm dịch</i> chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính;</p> <p>đ) Hợp đồng quá cảnh: 01 bản chụp.</p>	<p>các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan.</p> <p>- Quy định cụ thể, đầy đủ giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành chỉ liên quan đến kiểm dịch đối với chứng từ tại điểm d.</p>	
29.	<p>3. Trách nhiệm của người khai hải quan:</p> <p>a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;</p> <p>b) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu, thời hạn quy định tại khoản 1,</p>	<p>3. Trách nhiệm của người khai hải quan:</p> <p>a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;</p> <p>b) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu, thời hạn quy</p>	<p>3. Trách nhiệm của người khai hải quan:</p> <p>a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;</p> <p>b) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu, thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật Hải quan;</p>	<p>- Phù hợp với yêu cầu Hệ thống CNTT thực hiện Hải quan số.</p> <p>- Bỏ hoạt động “chia tách” giữa hàng quá cảnh với hàng dự kiến nhập khẩu hoặc hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>khoản 2 Điều 65 Luật hải quan.</i></p> <p><i>c) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, đảm bảo niêm phong hải quan, đảm bảo nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;</i></p> <p><i>d) Trong trường hợp hàng hóa quá cảnh có thực hiện chuyển tải, lưu kho, chia tách, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung container, người khai hải quan gửi Chi cục hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, chia tách, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung container 01 bản chính văn bản đề nghị theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này. Trường hợp được chấp nhận, thực hiện khai hải quan trên từng tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ vận chuyển theo từng chặng vận chuyển, từng loại hình tương ứng;</i></p>	<p>định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật Hải quan;</p> <p>c) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, <b>nguyên container chứa hàng</b>, đảm bảo niêm phong hải quan, đảm bảo nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;</p> <p><b>d) Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa quá cảnh phải đáp ứng điều kiện giám sát hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Hải quan;</b></p> <p><b>đ) Trong trường hợp hàng hóa quá cảnh có thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, chia tách, đóng chung với hàng xuất khẩu</b>, người khai hải quan gửi văn bản <b>đề nghị</b> Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, <b>chia tách, đóng chung với hàng xuất khẩu</b>;</p> <p>e) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</p>	<p>c) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên container chứa hàng, <del>đảm bảo</del> <b>đảm bảo</b> niêm phong hải quan, <del>đảm bảo nguyên</del> <b>đảm bảo</b> niêm phong của hãng vận chuyển;</p> <p><b>8. Trong Trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển hoặc chính quyền địa phương để xác nhận và xử lý theo quy định của pháp luật.</b></p> <p>d) Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa quá cảnh <b>có gắn thiết bị giám sát hành trình và</b> phải đáp ứng điều kiện giám sát hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Hải quan;</p> <p><del>đ) Trong Trường hợp hàng hóa quá cảnh có thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, chia tách, đóng chung với hàng xuất khẩu</del>, người khai hải quan gửi văn bản đề nghị Chi cục Hải quan nơi <b>làm thủ tục quá cảnh</b>, quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận</p>	<p>tục hải quan do hiện nay thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh chỉ được thực hiện tại cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng, không được làm thủ tục tại các địa điểm khác trong nội địa, đồng thời hoạt động chia tách tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất cũng không phát sinh.</p> <p>- Địa điểm thực hiện thủ tục đóng ghép giữa hàng hóa quá cảnh với hàng hóa xuất khẩu là địa điểm thu gom hàng lẻ tại cửa khẩu xuất cuối cùng <u>hoặc</u> địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh là các địa điểm có chức năng thực hiện hoạt động đóng ghép hàng hóa.</p> <p>- Trong trường hợp chuyển tải, thay đổi PTV, PTVT, đóng chung thì người khai hải quan gửi văn bản đề nghị cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục sau đó khai báo thủ tục hải quan quá cảnh hàng hóa để</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đ) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan.		<p><del>chuyên, phương tiện vận tải, chia tách, đóng chung với hàng xuất khẩu;</del></p> <p><b>Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải được thực hiện tại khu vực cửa khẩu, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh và các địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan;</b></p> <p><b>Hàng hóa quá cảnh đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì), không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ tại cửa khẩu xuất cuối cùng hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.</b></p> <p>e) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</p>	đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người khai hải quan, đồng thời Chi cục HQ nơi làm thủ tục quá cảnh hàng hóa là nơi hàng hóa đang lưu giữ, việc gửi đề nghị cho Chi cục HQ nơi làm thủ tục quá cảnh là phù hợp.	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
30.	<p>4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:</p> <p>a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Thực hiện niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng quá cảnh trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ;</p> <p>c) Đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường thủy nội địa, đường hàng không, đường sắt thực hiện niêm phong hải quan trong trường hợp không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển.</p> <p>Trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa vào Việt Nam không thể kiểm tra tình trạng niêm phong của hãng vận chuyển và không thực hiện được việc niêm phong hải quan, giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa.</p>	<p>4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:</p> <p>a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Thực hiện niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng quá cảnh trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ;</p> <p>c) Đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường thủy nội địa, đường hàng không, đường sắt thực hiện niêm phong hải quan trong trường hợp không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển.</p> <p>Trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa vào Việt Nam không thể kiểm tra tình trạng niêm phong của hãng vận chuyển và không thực hiện được việc niêm phong hải quan, giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa;</p> <p>d) Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy nội địa ngoài việc thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản này,</p>	<p>4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:</p> <p>a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Thực hiện <b>giám sát hải quan</b> niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng quá cảnh <b>theo chỉ dẫn của Hệ thống</b>, trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ;</p> <p><b>e) Đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường thủy nội địa, đường hàng không, đường sắt thực hiện niêm phong hải quan trong trường hợp không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển.</b></p> <p><b>Trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa vào Việt Nam không thể kiểm tra tình trạng niêm phong của hãng vận chuyển và không thực hiện được việc niêm phong hải quan, giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa;</b></p> <p><b>d) Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy nội địa ngoài việc thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản này, thực hiện giám sát hàng hóa quá cảnh bằng phương tiện kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;</b></p>	<p>Tại quy trình mới khi xây dựng hệ thống hải quan số, dự kiến có thay đổi về việc lựa chọn phương thức giám sát đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan, hệ thống tự động đưa ra phương thức giám sát đối với từng lô hàng cụ thể trên cơ sở các tiêu chí rủi ro được thiết lập và cập nhật trên Hệ thống, do vậy, đề xuất bãi bỏ điểm c, d, đ khoản 4 và sửa điểm b khoản 4 Điều này.</p> <p>Tại Khoản 3 Điều này quy định trách nhiệm của người khai hải quan gửi văn bản đề nghị Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục quá cảnh, do vậy, đề xuất sửa đổi điểm e Khoản 4 để thống nhất với quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 43.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>d) Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy nội địa ngoài việc thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản này, thực hiện giám sát hàng hóa quá cảnh bằng phương tiện kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;</p> <p>đ) Bố trí công chức hải quan giám sát trực tiếp hàng hóa quá cảnh tại điểm c khoản 7 Điều này;</p> <p>g) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.</p>	<p>thực hiện giám sát hàng hóa quá cảnh bằng phương tiện kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;</p> <p>đ) Bố trí công chức hải quan giám sát trực tiếp hàng hóa quá cảnh tại điểm c khoản 7 Điều này;</p> <p>e) Tiếp nhận văn bản đề nghị quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này <i>đối với trường hợp người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại khoản 9 Điều này tại cửa khẩu nhập</i> và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9, <i>khoản 10</i> Điều này.</p> <p><i>Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục hải quan phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan;</i></p> <p>g) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;</p> <p><i>h) Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.</i></p>	<p><del>b) đ)</del> Bố trí công chức hải quan giám sát trực tiếp hàng hóa quá cảnh tại điểm c khoản 7 Điều này;</p> <p><del>đ) g)</del> Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;</p> <p><del>đ) h)</del> Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.</p> <p>e) <b><i>Trường hợp chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu, Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập tiếp nhận văn bản đề nghị nếu địa điểm đáp ứng điều kiện quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này và phù hợp với tuyến đường quá cảnh đã đăng ký với cơ quan hải quan thì lập biên bản bàn giao, gửi kèm văn bản đề nghị đã được phê duyệt cho Chi cục Hải quan nơi thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu. Đối với trường hợp người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại khoản 9 Điều này tại cửa khẩu nhập và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này.</i></b></p> <p><del>Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục hải quan phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan;</del></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm hàng quá cảnh thực hiện chuyển tải, lưu kho, chia tách, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung container</p> <p>a) Tiếp nhận văn bản đề nghị theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9 Điều này. Trường hợp không đủ điều kiện quy định, có văn bản thông báo việc không chấp nhận, nêu rõ lý do;</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện quy định, phê duyệt văn bản đề nghị; trả lại 01 bản chính cho người khai hải quan, lưu 01 bản sao;</p> <p>b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan, niêm phong hăng vận chuyển;</p> <p>c) Giám sát hoạt động chuyển tải, lưu kho, chia tách, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung container và thực hiện niêm phong hải quan;</p>	<p>5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải đối với hàng hóa quá cảnh:</p> <p>a) Tiếp nhận văn bản đề nghị theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này đối với trường hợp người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại khoản 9 Điều này tại địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9 Điều này.</p> <p><i>Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục Hải quan phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan;</i></p> <p>b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan, niêm phong hăng vận chuyển;</p> <p>c) Giám sát hoạt động chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, thực hiện niêm phong hải quan trong trường hợp việc chuyển tải, lưu kho,</p>	<p>5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải đối với hàng hóa quá cảnh, <b>đóng chung với hàng xuất khẩu:</b></p> <p><b>a) Tiếp nhận lô hàng vận chuyển đến và kiểm tra, đối chiếu tình trạng niêm phong hải quan, niêm phong hăng vận chuyển với biên bản bàn giao;</b></p> <p><b>b) Giám sát hoạt động chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu;</b></p> <p><b>c) Niêm phong hải quan trong trường hợp có thay đổi niêm phong hải quan, niêm phong của hăng vận chuyển;</b></p> <p><b>d) Lập biên bản bàn giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất hoặc Chi cục Hải quan thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu.</b></p> <p><b>a) Tiếp nhận văn bản đề nghị theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này đối với trường hợp người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại khoản 9 Điều này tại địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9 Điều này.</b></p>	<p>Sửa lại Khoản 5 để đảm bảo phù hợp, thống nhất với các nội dung sửa đổi tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	d) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển theo từng loại hình tương ứng.	<i>thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải có thay đổi niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển.</i>	Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục Hải quan phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan, niêm phong hãng vận chuyển; c) Giám sát hoạt động chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, thực hiện niêm phong hải quan trong trường hợp việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải có thay đổi niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển.		
	6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin về tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa. Trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa ra nước ngoài, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển,	6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin về tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa. Trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa ra nước ngoài, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển, các cảnh báo (nếu có) để quyết định việc kiểm	<del>5. 6.</del> Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin về tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa. Trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa ra nước ngoài, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển, các cảnh báo (nếu có) để quyết định việc kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển;	Bỏ điểm d Khoản 6 do việc tiếp nhận văn bản đề nghị này thuộc trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục quá cảnh (CK nhập) đã được sửa tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>các cảnh báo (nếu có) để quyết định việc kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển;</i></p> <p><i>c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.</i></p> <p><b>7. Giám sát hải quan</b></p> <p><i>a) Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa. Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường bộ, ngoài niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển, hoặc hàng hóa quá cảnh không thể niêm phong, cơ quan hải quan sử dụng các phương tiện kỹ thuật khác để giám sát hàng hóa trong quá trình vận chuyển trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá rủi ro;</i></p>	<p>tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển;</p> <p>c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;</p> <p><i>d) Tiếp nhận văn bản đề nghị đóng chung với hàng xuất khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này.</i></p> <p><i>Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục Hải quan phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan.</i></p>	<p>c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;</p> <p>d) <b>Giám sát hàng hóa quá cảnh đến khi thực xuất khẩu.</b></p> <p><del>d) Tiếp nhận văn bản đề nghị đóng chung với hàng xuất khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này.</del></p> <p><del>Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục Hải quan phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan.</del></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;</p> <p>c) Hàng hóa quá cảnh là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hoặc được giám sát trực tiếp bằng công chức hải quan.</p> <p>8. Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan, sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý;</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển để xác nhận và xử lý theo quy định của pháp luật.</i>				
		<p>7. Giám sát hải quan:</p> <p>a) Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa.</p> <p>Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường bộ, ngoài niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển, hoặc hàng hóa quá cảnh không thể niêm phong, cơ quan hải quan sử dụng các phương tiện kỹ thuật khác để giám sát hàng hóa trong quá trình vận chuyển trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá rủi ro;</p>	<p>6. <del>7.</del> Giám sát hải quan:</p> <p>a) Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa.</p> <p><del>Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường bộ, ngoài niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển, hoặc hàng hóa quá cảnh không thể niêm phong, cơ quan hải quan sử dụng các phương tiện kỹ thuật khác để giám sát hàng hóa trong quá trình vận chuyển trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá rủi ro;</del></p> <p>b) Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>b) Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;</p> <p>c) Hàng hóa quá cảnh là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hoặc được giám sát trực tiếp bằng công chức hải quan.</p>	<p>phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;</p> <p>c) Hàng hóa quá cảnh là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hoặc được giám sát trực tiếp bằng công chức hải quan;</p>		
		<p>8. Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp</p>	<p><del>8. Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển hoặc chính quyền địa phương để xác nhận và xử lý theo quy định của pháp luật.</del></p>	<p>Bỏ Khoản 8 Điều 43 do thực tế khó áp dụng và không khả thi.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biên <i>hoặc chính quyền địa phương để xác nhận</i> và xử lý theo quy định của pháp luật.			
	9. Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải; chia tách, đóng chung container, toa xe chở hàng giữa hàng quá cảnh với hàng hóa dự kiến nhập khẩu hoặc với hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, hàng quá cảnh khác để xuất khẩu hoặc hàng quá cảnh đóng chung với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh được thực hiện tại khu vực cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ (kho CFS), địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa (cảng cạn), địa điểm tập kết kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát	9. Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải đối với hàng hóa quá cảnh được thực hiện tại khu vực cửa khẩu, kho ngoại quan, <i>bãi ngoại quan</i> , địa điểm thu gom hàng lẻ (kho CFS), địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa (cảng cạn), địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh <i>và các địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan.</i>  <i>Người khai hải quan chỉ được thực hiện chia tách lô hàng quá cảnh, chia tách hàng hóa quá cảnh với hàng nhập khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng nhập khẩu, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh tại địa điểm tập kết</i>	9. Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải đối với hàng hóa quá cảnh được thực hiện tại khu vực cửa khẩu, kho ngoại quan, bãi ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ (kho CFS), địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa (cảng cạn), địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh và các địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan.  <i>Người khai hải quan chỉ được thực hiện chia tách lô hàng quá cảnh, chia tách hàng hóa quá cảnh với hàng nhập khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên, cửa khẩu xuất cuối cùng, chia tách hàng hóa quá cảnh với hàng nhập khẩu, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh tại địa điểm tập kết</i>	Đã ghép Khoản 9, 10 quy định tại Khoản 3 Điều 43	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh.</p> <p>Vị trí kho ngoại quan, kho CFS, cảng cạn, địa điểm tập kết kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh quy định tại khoản này phù hợp với tuyến đường quá cảnh theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.</p>	<p><i>cảnh với hàng xuất khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên, cửa khẩu xuất cuối cùng, chia tách hàng hóa quá cảnh với hàng nhập khẩu, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh tại địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.</i></p> <p>Vị trí kho ngoại quan, <i>bãi ngoại quan</i>, kho CFS, cảng cạn, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; <i>địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung</i> đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh, <i>các địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định</i> quy định tại khoản này phù hợp với tuyến đường quá cảnh theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.</p>	<p><del>kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.</del></p> <p><del>Vị trí kho ngoại quan, bãi ngoại quan, kho CFS, cảng cạn, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh, các địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định quy định tại khoản này phù hợp với tuyến đường quá cảnh theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.</del></p>		
	<p>10. Hàng hóa quá cảnh đóng chung container, toa xe chở hàng với hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, hàng hóa dự kiến nhập khẩu,</p>	<p><i>10. Hàng hóa quá cảnh đóng chung với hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan phải đáp ứng yêu cầu sau:</i></p>	<p><del>10. Hàng hóa quá cảnh đóng chung với hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan phải đáp ứng yêu cầu sau:</del></p>	<p>Đã ghép Khoản 9, 10 quy định tại Khoản 3 Điều 43</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hàng hóa quá cảnh đóng chung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Hàng hóa phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì...) để phân biệt hàng hóa quá cảnh đóng chung với hàng nhập khẩu, xuất khẩu;</p> <p>b) Hàng hóa quá cảnh không thuộc trường hợp phải có giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật hoặc không thuộc mặt hàng là rượu, bia, thuốc lá;</p> <p>c) Hàng hóa dự kiến nhập khẩu đóng chung container, toa xe chở hàng với hàng quá cảnh khi chia tách tại các địa điểm (trừ cửa khẩu nhập) quy định tại khoản 9 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>d) Hàng xuất khẩu đóng chung container, toa xe chở</p>	<p><i>a) Được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì) để phân biệt với hàng hóa xuất khẩu;</i></p> <p><i>b) Không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>c) Hàng xuất khẩu đóng chung với hàng hóa quá cảnh phải có cùng cửa khẩu xuất với hàng hóa quá cảnh.</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này.”</i></p>	<p><del>a) Được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì) để phân biệt với hàng hóa xuất khẩu;</del></p> <p><del>b) Không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật;</del></p> <p><del>c) Hàng xuất khẩu đóng chung với hàng hóa quá cảnh phải có cùng cửa khẩu xuất với hàng hóa quá cảnh.</del></p> <p><del>Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này.”</del></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hàng với hàng hóa quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh đóng chung với hàng hóa quá cảnh phải có cùng cửa khẩu xuất với hàng quá cảnh: cửa khẩu xuất phải là cửa khẩu quốc tế theo quy định hiện hành.</p> <p>e) Container, toa xe chở hàng, phương tiện chứa hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan. Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.</p>				
31.	<p><b>Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển [36]</b></p> <p>1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính khu vực trung chuyển này hoặc đưa đến khu vực trung chuyển tại bến cảng, cảng biển khác để đưa</p>	<p><b>24. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển</b></p> <p>1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính khu vực trung chuyển này hoặc đưa đến khu vực trung chuyển tại bến cảng, cảng biển khác</p>	<p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:</b></p> <p>1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào <b>bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam có chức năng trung chuyển quốc tế theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và cảng biển thành phố Hồ Chí Minh</b> khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính <b>bến cảng khu vực trung chuyển</b> này hoặc đưa đến <b>khu vực trung chuyển tại</b> bến cảng, <b>cảng biển</b> khác trong cùng một cảng biển hoặc <b>khu vực trung chuyển tại</b> cảng biển khác để đưa ra nước ngoài. Hàng</p>	<p>- Gộp nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 44 phù hợp với Khoản 1 Điều 75 Luật Hàng hải năm 2015 và sửa lại khái niệm hàng hóa trung chuyển vì bãi bỏ quy định về khu vực trung chuyển tại Khoản 3 Điều này.</p>	<b>P3</b>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>ra nước ngoài. Hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.</p>	<p>để đưa ra nước ngoài. Hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.</p>	<p>hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.</p>		
	<p>2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại khu vực trung chuyển của cửa khẩu nhập hoặc khu vực trung chuyển của cửa khẩu xuất. Thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại cảng biển Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương</p>	<p>2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại khu vực trung chuyển của cửa khẩu nhập hoặc khu vực trung chuyển của cửa khẩu xuất. Thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại cảng biển Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp</p>	<p>2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, <b>thay container</b>, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại <b>khu vực trung chuyển của cửa khẩu nhập hoặc khu vực trung chuyển của cửa khẩu xuất</b>. Thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại cảng biển Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận; <b>trường hợp hàng hóa trung chuyển được trung chuyển theo văn bản cho phép của cơ quan có thẩm</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận; trường hợp hàng hóa trung chuyển được trung chuyển theo văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền thì phải được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận việc gia hạn.</i>	thuận; trường hợp hàng hóa trung chuyển được trung chuyển theo văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền thì phải được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận việc gia hạn.	<del>quyền thì phải được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận việc gia hạn.</del>		
	<i>3. Khu vực trung chuyển khi lưu giữ hàng trung chuyển phải đảm bảo tách biệt với khu vực lưu giữ hàng hóa khác của cảng, có lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan. Hàng hóa ra, vào khu vực trung chuyển phải được theo dõi, quản lý bằng phần mềm ứng dụng và được kết nối với cơ quan hải quan.</i>	3. Khu vực trung chuyển khi lưu giữ hàng trung chuyển phải đảm bảo tách biệt với khu vực lưu giữ hàng hóa khác của cảng, có lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan. Hàng hóa ra, vào khu vực trung chuyển phải được theo dõi, quản lý bằng phần mềm ứng dụng và được kết nối với cơ quan hải quan.	Bãi bỏ Khoản 3 Điều 44	Việc quy định cơ quan có thẩm quyền công nhận khu vực trung chuyển đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan tại Nghị định này không phù hợp, cũng như quy định tại Nghị định sửa đổi Nghị định 67/68 không phù hợp do Luật Đầu tư, đồng thời thực trạng hiện nay ở các cảng biển thì khu vực trung chuyển chỉ được kẻ vạch để tách biệt với hàng hóa khác của cảng và tại các cảng biển đã có hệ thống camera giám sát của cảng	
	<i>4. Khu vực thực hiện trung chuyển hàng hóa tại cảng biển Việt Nam thuộc cảng biển loại</i>	4. Khu vực thực hiện trung chuyển hàng hóa tại cảng biển Việt Nam thuộc cảng biển thành phố Hồ Chí	Bãi bỏ Khoản 4 Điều 44	- Bãi bỏ Khoản 4 và ghép vào Khoản 1 Điều này	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>IA theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cảng biển thành phố Hồ Chí Minh và có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều này.</i>	Minh, cảng biển Vũng Tàu, cảng biển Hải Phòng, cảng biển Khánh Hòa và có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều này.			
	<i>5. Chậm nhất là 05 ngày trước ngày đầu tiên thực hiện dịch vụ trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản về vị trí khu vực trung chuyển đến Chi cục Hải quan nơi quản lý khu vực trung chuyển để thực hiện giám sát. Trường hợp thay đổi vị trí, diện tích khu vực trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản trước khi đưa hàng trung chuyển vào lưu giữ.</i>	5. Chậm nhất là 5 ngày trước ngày đầu tiên thực hiện dịch vụ trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản về vị trí khu vực trung chuyển đến Chi cục Hải quan nơi quản lý khu vực trung chuyển để thực hiện giám sát. Trường hợp thay đổi vị trí, diện tích khu vực trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản trước khi đưa hàng trung chuyển vào lưu giữ.	<b>Bãi bỏ Khoản 5 Điều 44</b>	<b>- Bãi bỏ Khoản 5 Điều này do khu vực trung chuyển đã bãi bỏ tại Khoản 3 Điều này</b>	
	<i>6. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cảng biển Việt Nam, trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng và quá trình vận chuyển cho đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Việc kiểm tra thực tế</i>	6. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cảng biển Việt Nam, trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng và quá trình vận chuyển cho đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung	<b>3. 6.</b> Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cảng biển Việt Nam, trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng và quá trình vận chuyển cho đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.</i>	chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.			
	<p>7. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển:</p> <p>a) Tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ thay thế tờ khai theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Bản kê chi tiết hàng hóa đưa vào khu vực trung chuyển theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>c) Chứng từ vận tải: 01 bản chụp;</p> <p>d) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính.</p>	<p>7. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển:</p> <p>a) Tờ khai <b>hải quan</b> hoặc chứng từ thay thế tờ khai;</p> <p>b) Bảng kê chi tiết hàng hoá trung chuyển theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, <b>trừ trường hợp người khai hải quan đã khai các thông tin chi tiết về hàng hóa trên tờ khai hải quan;</b></p> <p>c) Chứng từ vận tải: 01 bản chụp;</p> <p>d) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính.</p>	<p><b>4-7.</b> Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển:</p> <p>a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai <b>theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p><b>b) Bảng kê chi tiết hàng hoá trung chuyển theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, trừ trường hợp người khai hải quan đã khai các thông tin chi tiết về hàng hóa trên tờ khai hải quan;</b></p> <p>c) Chứng từ vận tải: 01 bản chụp;</p> <p>d) <b>Giấy thông báo miễn kiểm dịch hoặc</b> Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về kiểm dịch hoặc chứng từ kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch nước ngoài phát hành và được pháp luật về kiểm dịch công nhận đối với trường hợp <b>hàng trung chuyển phải kiểm dịch</b> <del>tra chuyên ngành</del> theo quy định của pháp luật: 01 bản chính.</p>	<p>- Người khai sẽ khai các thông tin tại Bản kê chi tiết này theo các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan</p> <p>- Quy định cụ thể, đầy đủ giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành chỉ liên quan đến kiểm dịch đối với chứng từ tại điểm d. Đồng thời bỏ “Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền” vì quy định pháp luật không có trường hợp nào được cơ quan có thẩm quyền cho phép trung chuyển.</p>	
	8. Trách nhiệm của người khai hải quan	8. Trách nhiệm của người khai hải quan:	<b>5. 8.</b> Trách nhiệm của người khai hải quan:		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên niêm phong hải quan hoặc nguyên niêm phong của hãng tàu trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa, lưu giữ tại cảng;</p> <p>c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan;</p> <p>d) Đưa toàn bộ hàng hóa trung chuyển ra nước ngoài trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên niêm phong hải quan hoặc nguyên niêm phong của hãng tàu trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa, lưu giữ tại cảng;</p> <p>c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan;</p> <p>d) Đưa toàn bộ hàng hóa trung chuyển ra nước ngoài trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên niêm phong hải quan hoặc nguyên niêm phong của hãng tàu trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa, lưu giữ tại cảng;</p> <p>c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan;</p> <p>d) Đưa toàn bộ hàng hóa trung chuyển ra nước ngoài trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.</p>		
	<p>9. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:</p> <p>a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 7 Điều này;</p> <p>b) Thực hiện giám sát hàng hóa trung chuyển;</p> <p>c) Niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng trong trường hợp hàng hóa trung chuyển được vận chuyển giữa các bến cảng</p>	<p>9. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:</p> <p>a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 7 Điều này;</p> <p>b) Thực hiện giám sát hàng hóa trung chuyển;</p> <p>c) Niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng trong trường hợp hàng hóa trung chuyển được vận chuyển giữa các bến cảng trong</p>	<p><b>6. 9.</b> Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:</p> <p>a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 7 4 Điều này;</p> <p>b) Thực hiện giám sát hàng hóa trung chuyển;</p> <p>c) Niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng trong trường hợp không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển và hàng hóa trung chuyển được vận chuyển giữa các bến</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	trong cùng một cảng biển và trong trường hợp phương tiện chứa hàng không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.	cùng một cảng biển và trong trường hợp phương tiện chứa hàng không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.	cảng trong cùng một cảng biển <b>hoặc vận chuyển giữa các cảng biển</b> và trong trường hợp; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.		
	10. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin trên Tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong; c) Thực hiện việc giám sát hàng hóa trung chuyển xếp lên phương tiện vận tải để xuất ra nước ngoài; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm. Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	10. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin trên tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong; c) Thực hiện việc giám sát hàng hóa trung chuyển xếp lên phương tiện vận tải để xuất ra nước ngoài; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm. <b>Bộ trưởng</b> Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này.”	<b>7. 10.</b> Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin trên tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong; c) Thực hiện việc giám sát hàng hóa trung chuyển xếp lên phương tiện vận tải để xuất ra nước ngoài; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm. <b>Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này.”</b>	Bỏ cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này”	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32.	<p><b>Điều 45. Tài sản di chuyển</b></p> <p>1. Người nước ngoài đưa tài sản di chuyển vào Việt Nam, khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</p> <p>a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính;</p> <p>b) Văn bản xác nhận đến công tác, làm việc tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nơi người nước ngoài làm việc hoặc giấy phép làm việc tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp: 01 bản chụp;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp tài sản vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp.</p> <p>2. Người nước ngoài chuyển tài sản di chuyển ra khỏi Việt Nam, khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</p> <p>a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính;</p> <p>b) Văn bản chứng minh hết thời gian làm việc: 01 bản chụp;</p> <p>c) Tờ khai hải quan nhập khẩu có xác nhận của cơ quan hải</p>	<p>Dự thảo Nghị định trình Chính phủ không sửa đổi Điều này.</p>	<p><b>Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 45. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa là tài sản di chuyển</b></p> <p><b>1. Tài sản di chuyển của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Chương III Nghị định này.</b></p> <p><b>2. Hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>a) 1. Trường hợp</b> người nước ngoài đưa tài sản di chuyển vào Việt Nam, <del> khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</del></p> <p><b>a.1) a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành:</b> 02 bản chính;</p> <p><b>a.2)</b> Văn bản xác nhận đến công tác, làm việc tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nơi người nước ngoài làm việc hoặc giấy phép làm việc tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp: 01 bản chụp;</p> <p><b>a.3)</b> Chứng từ vận tải trong trường hợp tài sản vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp.</p> <p><b>b) 2. Trường hợp</b> người nước ngoài chuyển tài sản di chuyển ra khỏi Việt Nam, <del> khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</del></p>	<p>Hiện tại Thủ tướng Chính phủ không ban hành Danh mục hàng hóa là tài sản di chuyển thuộc Danh mục cấm NK, hạn chế nhập khẩu, nhập khẩu có điều kiện, mà chỉ có quy định về hàng hóa là tài sản di chuyển trong định mức miễn thuế, do vậy, sửa lại Khoản 3 như sau: “Hàng hóa là tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế theo quy định của Chính phủ phải nộp đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật về thuế và đảm bảo các quy định của pháp luật về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan.”</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quan đối với tài sản di chuyển là xe ô tô, xe gắn máy hoặc chứng từ thay đổi mục đích sử dụng và chứng từ nộp thuế đối với hàng hóa thuộc diện phải nộp thuế: 01 bản chụp.</p> <p>3. Tổ chức, công dân Việt Nam đưa tài sản di chuyển về nước, khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</p> <p>a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính;</p> <p>b) Văn bản chứng minh việc hết thời hạn kinh doanh, làm việc ở nước ngoài hoặc trở về Việt Nam cư trú: 01 bản chụp;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp tài sản vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp.</p> <p>4. Tổ chức, công dân Việt Nam đưa tài sản di chuyển ra nước ngoài, khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</p> <p>a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính;</p>		<p><b>b.1)</b> Tờ khai hải quan <b>theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</b>: 02 bản chính;</p> <p><b>b.2)</b> Văn bản chứng minh hết thời gian làm việc: 01 bản chụp;</p> <p><b>b.3)</b> Tờ khai hải quan nhập khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan đối với tài sản di chuyển là xe ô tô, xe gắn máy hoặc chứng từ thay đổi mục đích sử dụng và chứng từ nộp thuế đối với hàng hóa thuộc diện phải nộp thuế: 01 bản chụp.</p> <p><b>b.4)</b> <b>Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe đối với tài sản di chuyển là xe ô tô, xe gắn máy.</b></p> <p><b>c)</b> <del>3.</del> <b>Trường hợp</b> tổ chức, công dân Việt Nam đưa tài sản di chuyển về nước <del>khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</del></p> <p><b>c.1)</b> Tờ khai hải quan <b>theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</b>: 02 bản chính;</p> <p><b>c.2)</b> Văn bản chứng minh việc hết thời hạn kinh doanh, làm việc ở nước ngoài hoặc trở về Việt Nam cư trú: 01 bản chụp;</p> <p><b>c.3)</b> Chứng từ vận tải trong trường hợp tài sản vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Văn bản chứng minh công tác, làm việc hoặc cư trú tại nước ngoài: 01 bản chụp.</p> <p>5. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục hàng hóa là tài sản di chuyển thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa thuộc danh mục hạn chế nhập khẩu, nhập khẩu có điều kiện được mang vào Việt Nam tùy từng thời kỳ và định mức hàng hóa là tài sản di chuyển miễn thuế.</p>		<p><b>d)</b> 4. Tổ chức, công dân Việt Nam đưa tài sản di chuyển ra nước ngoài, khi làm thủ tục hải quan phải nộp:</p> <p><b>d.1)</b> Tờ khai hải quan <b>theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</b>: 02 bản chính;</p> <p><b>d.2)</b> Văn bản chứng minh công tác, làm việc hoặc cư trú tại nước ngoài: 01 bản chụp.</p> <p><b>3. Hàng hóa là tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế theo quy định của Chính phủ phải nộp đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật về thuế và đảm bảo các quy định của pháp luật về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan.</b> Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục hàng hóa là tài sản di chuyển thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa thuộc danh mục hạn chế nhập khẩu, nhập khẩu có điều kiện được mang vào Việt Nam tùy từng thời kỳ và định mức hàng hóa là tài sản di chuyển miễn thuế.</p>		
33.	<p><b>Điều 46. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người nhập cảnh, xuất cảnh thất lạc, nhầm lẫn</b></p> <p>1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh thất lạc, nhầm lẫn phải chịu sự kiểm tra; giám sát của cơ quan</p>	<p><b>Dự thảo Nghị định trình Chính phủ không sửa Điều này</b></p>	<p><b>“Điều 46. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người nhập cảnh, xuất cảnh thất lạc, nhầm lẫn</b></p> <p>1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh thất lạc, nhầm lẫn phải chịu sự kiểm tra; giám sát của cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất.</p>	<p>- Bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp vận chuyển cung cấp Bản kê hành lý thất lạc để làm cơ sở thống kê số lượng hành lý thất lạc.</p> <p>- Hiện công tác quản lý hành lý của người nhập cảnh đã quy</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hải quan tại cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất.</p> <p>2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhằm lẫn:</p> <p>Doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhằm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với Cảng vụ Hàng không, An ninh Hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhằm lẫn vào khu vực lưu giữ.</p> <p>a) Trường hợp qua kiểm tra máy soi không phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì giao doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>b) Trường hợp qua kiểm tra máy soi phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì</p>		<p>2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhằm lẫn:</p> <p><del>Doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhằm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với Cảng vụ Hàng không, An ninh Hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhằm lẫn vào khu vực lưu giữ.</del></p> <p><b>Trên cơ sở thông báo chung loại, số lượng hành lý ký gửi thất lạc, nhằm lẫn của doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc doanh nghiệp vận chuyển, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra qua máy soi và xử lý như sau:</b></p> <p>a) Trường hợp <del>qua kiểm tra máy soi</del> không phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì giao doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>b) Trường hợp <del>qua kiểm tra máy soi</del> phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì <del>cơ quan hải quan thực hiện</del> <b>niêm phong trước khi đưa vào kho tạm giữ</b> khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhằm lẫn <b>của cơ quan hải quan</b> của doanh nghiệp</p>	<p>định tại Luật Hải quan theo đó cơ quan Hải quan là đơn vị duy nhất được giao quyền kiểm tra, giám sát tại cửa khẩu. Do đó khi kiểm tra hành lý thất lạc qua máy soi tại cửa khẩu không phải phối hợp với bất kỳ lực lượng nào khác tại cửa khẩu.</p> <p>Mặt khác, “ Cơ quan Hải quan chủ trì, phối hợp với Cảng vụ hàng không, An ninh hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhằm lẫn vào khu vực lưu giữ.” Quy định này chỉ phù hợp với cửa khẩu đường hàng không và không phù hợp tại các cửa khẩu khác.</p> <p>- Bổ sung quy định thời gian được phép nhận lại hành lý thất lạc do cơ quan hải quan lưu giữ nhưng không có người đến nhận và nêu rõ biện pháp xử lý đối với hàng lý đó.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong trước khi đưa vào khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhầm lẫn của doanh nghiệp kinh doanh cảng. Khi nhận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 59 Nghị định này.</p> <p>Việc mở hành lý thất lạc, nhầm lẫn để kiểm tra phải được sự đồng ý và giám sát của cơ quan hải quan.</p> <p>3. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xử lý đối với hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn không xác định được người nhận.</p>		<p>kinh doanh cảng. Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày đưa vào kho tạm giữ nếu có người đến nhận thì Khi nhận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 59 Nghị định này.</p> <p><b>Trường hợp không có người nhận thì xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan.</b></p> <p>Việc mở hành lý thất lạc, nhầm lẫn để kiểm tra phải được sự đồng ý và giám sát của cơ quan hải quan.</p> <p>3. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xử lý Đối với hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn không xác định được người nhận.”</p>		
34.	<p><b>Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu</b></p> <p>1. Các hình thức tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại (sau đây gọi tắt là tái nhập hàng trả lại) bao gồm:</p>	<p><b>25. Sửa đổi Điều 47 như sau:</b></p> <p>“Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu</p> <p>1. Các hình thức tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại (sau</p>	<p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:</b></p> <p>“Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu</p> <p><b>1. Hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại được áp dụng thủ tục hải quan tái nhập khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:</b></p>	<p>Quá trình thực hiện quy định nêu trên, Cục Hải quan tỉnh, thành phố gặp vướng mắc khi giải quyết thủ tục hải quan và chính sách thuế đối với hàng hoá tái nhập có nguồn gốc là hàng hoá xuất khẩu từ loại hình gia công, SXKK, CX trước đó. Theo đó, Điều 47</p>	P2

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Tái nhập hàng trả lại để sửa chữa, tái chế (gọi chung là tái chế) sau đó tái xuất;</p> <p>b) Tái nhập hàng trả lại để tiêu thụ nội địa;</p> <p>c) Tái nhập hàng trả lại để tiêu hủy tại Việt Nam (không áp dụng đối với hàng gia công cho thương nhân nước ngoài);</p> <p>d) Tái nhập hàng trả lại để tái xuất cho đối tác nước ngoài khác.</p>	<p>đây gọi tắt là tái nhập hàng trả lại) bao gồm:</p> <p>a) Tái nhập hàng trả lại để sửa chữa, tái chế (gọi chung là tái chế) sau đó tái xuất;</p> <p>b) Tái nhập hàng trả lại để tiêu thụ nội địa;</p> <p>c) Tái nhập hàng trả lại để tiêu hủy tại Việt Nam (không áp dụng đối với hàng gia công cho thương nhân nước ngoài);</p> <p>d) Tái nhập hàng trả lại để <i>xuất khẩu ra nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan.</i></p>	<p><b>a) Hàng hoá tái nhập phải còn nguyên trạng và chưa qua quá trình sử dụng;</b></p> <p><b>b) Thời hạn tái nhập không quá 06 tháng kể từ thời điểm tờ khai xuất khẩu được thông quan;</b></p> <p><b>c) Chứng từ chứng minh khách hàng nước ngoài từ chối nhận hàng do điều kiện bất khả kháng hoặc do không đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh, an toàn của nước nhập khẩu hoặc văn bản của hãng tàu/đại lý hãng tàu thông báo không có người nhận hàng.</b></p> <p><b>2. <del>1</del></b> Các hình thức tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại (sau đây gọi tắt là tái nhập hàng trả lại) bao gồm:</p> <p>a) Tái nhập hàng trả lại để sửa chữa, tái chế (gọi chung là tái chế) sau đó tái xuất;</p> <p>b) Tái nhập hàng trả lại để tiêu thụ nội địa;</p> <p>c) Tái nhập hàng trả lại để tiêu hủy tại Việt Nam (không áp dụng đối với hàng gia công cho thương nhân nước ngoài);</p> <p><b>c) <del>đ</del></b> Tái nhập hàng trả lại để <b>tái xuất cho đối tác nước ngoài khác</b> xuất khẩu ra nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan.</p>	<p>Nghị định số 08/2015/NĐ-CP cho phép được tái nhập hàng hoá xuất khẩu trước đó để thực hiện các công việc khác nhau nhưng không quy định cụ thể là hàng hoá xuất khẩu đã được đưa vào sử dụng hay chưa dẫn đến trong thực tế có một số trường hợp lợi dụng để tái nhập hàng hoá đã qua sử dụng thuộc danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu, hàng hoá nhập khẩu phải có giấy phép do tại Điều này không quy định DN phải có giấy phép nhập khẩu hoặc thông báo kiểm tra chuyên ngành như quy định tại Điều 55 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Ngoài ra, pháp luật hiện hành cũng không quy định sau khi xuất khẩu bao lâu thì người khai hải quan được tái nhập trở lại, dẫn đến có nhiều trường hợp sau khi xuất khẩu 3-5 năm (các hợp đồng đã thanh lý, đã quyết toán) thì người khai hải quan tái nhập trở lại. Do vậy, cần phải quy định sửa đổi, bổ sung Điều 47 theo hướng quy định</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				chỉ những hàng hoá xuất khẩu mà người nhập khẩu từ chối nhận hàng do không đáp ứng các điều kiện về chất lượng, kiểm dịch, an toàn, an ninh hoặc các điều khoản trong hợp đồng mua bán, chưa đưa vào sử dụng (hàng còn mới, nguyên trạng) và trong thời hạn nhất định (06 tháng kể từ khi xuất khẩu) thì mới được áp dụng thủ tục quy định tại Điều 47 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Trường hợp hàng hoá đã đưa vào sử dụng sau đó mới phát hiện lỗi hoặc hư hỏng cần sửa chữa, bảo hành thì thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	
	<p>2. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: nộp 01 bản chụp;</p> <p>c) Văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/đại</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: nộp 01 bản chụp;</p> <p>c) Văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/đại lý hãng tàu</p>	<p><del>2.</del> 3. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>hàng hóa nhập khẩu;</b></p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: nộp 01 bản chụp;</p> <p>c) Văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/đại lý hãng</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	lý hãng tàu thông báo không có người nhận hàng: nộp 01 bản chụp.	thông báo không có người nhận hàng: nộp 01 bản chụp.	tàu thông báo không có người nhận hàng: nộp 01 bản chụp.		
	3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này (trừ giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành).	3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. ( <del>trừ giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành</del> ).	<b>4. 3.</b> Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này ( <i>trừ giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành</i> ).		
	4. Cơ quan hải quan không thu thuế đối với hàng hóa tái nhập quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu tại thời điểm làm thủ tục tái nhập người khai hải quan nộp đủ bộ hồ sơ không thu thuế theo quy định.	4. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.	<del>4. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.</del> <b>5. Cơ quan hải quan không thu thuế đối với hàng hóa tái nhập quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu tại thời điểm làm thủ tục tái nhập người khai hải quan nộp đủ bộ hồ sơ không thu thuế theo quy định.</b>		
	5. Đối với hàng hóa tái nhập để tái chế thì thời hạn tái chế do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan hải quan nhưng không quá 275 ngày kể từ ngày tái nhập; Người khai hải quan chưa phải nộp thuế trong thời hạn tái chế, nếu quá thời hạn tái chế đã đăng ký mà chưa tái xuất thì thực hiện	5. Đối với hàng hóa tái nhập để sửa chữa, tái chế sau đó tái xuất hoặc tái nhập để tái xuất ra nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, thời hạn tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tái nhập, trừ trường hợp hàng hóa đặc thù có thời gian sửa chữa, tái chế quá 12 tháng theo yêu cầu của chu trình sản	<del>6. 5.</del> <b>Đối với hàng hóa tái nhập để tái chế thì thời hạn tái chế do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan hải quan nhưng không quá 275 ngày kể từ ngày tái nhập; Người khai hải quan chưa phải nộp thuế trong thời hạn tái chế, nếu quá thời hạn tái chế đã đăng ký mà chưa tái xuất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.</b>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	theo quy định của pháp luật về thuế.	xuất thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định theo thỏa thuận của các bên. Chính sách thuế đối với hàng hóa nêu tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.			
	6. Thủ tục tái xuất hàng đã tái chế thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	6. Thủ tục tái xuất hàng đã tái chế thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	<b>7. 6.</b> Thủ tục tái xuất hàng đã tái chế thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	Giữ nguyên dự thảo Nghị định sửa, chỉ thay đổi số thứ tự khoản.	
	7. Xử lý hàng tái chế không tái xuất được: a) Đối với sản phẩm tái chế là hàng gia công: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy; b) Đối với sản phẩm tái chế không phải là hàng gia công thì chuyển tiêu thụ nội địa như hàng hóa tái nhập để tiêu thụ nội địa.	7. Xử lý hàng tái chế không tái xuất được: a) Đối với sản phẩm tái chế là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy.  Trường hợp tiêu thụ nội địa phải kê khai, nộp thuế đối với nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu.	<b>8. 7.</b> Xử lý hàng tái chế không tái xuất được: a) Đối với sản phẩm tái chế là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy. <del>Trường hợp tiêu thụ nội địa phải kê khai, nộp thuế đối với nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;</del> b) Đối với sản phẩm tái chế không phải là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu thì chuyển tiêu thụ	Giữ nguyên dự thảo Nghị định sửa, chỉ thay đổi số thứ tự khoản.	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;</p> <p>b) Đối với sản phẩm tái chế không phải là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu thì chuyển tiêu thụ nội địa như hàng hóa tái nhập để tiêu thụ nội địa. Việc xử lý về thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.</p>	<p>nội địa như hàng hóa tái nhập để tiêu thụ nội địa. Việc xử lý về thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.</p>		
	<p>8. Trường hợp hàng hóa tái nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; hàng hóa kinh doanh thuộc đối tượng được hoàn thuế nhập khẩu thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tái nhập phải thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu biết (nếu là hai cơ quan hải quan khác nhau) về các trường hợp nêu tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 và trường hợp không tái xuất được quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này hoặc trường hợp nêu tại Khoản 7 Điều này hoặc trường hợp quá thời hạn nêu</p>	<p>8. Trường hợp hàng hóa tái nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu <b>đã được miễn thuế nhập khẩu</b>; hàng hóa <b>xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu đã được</b> hoàn thuế nhập khẩu thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tái nhập phải thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục <b>báo cáo quyết toán hoặc nơi làm thủ tục</b> hoàn thuế nhập khẩu biết (nếu là hai cơ quan hải quan khác nhau) về các trường hợp nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 và trường hợp không tái xuất được quy định tại điểm d khoản 1 Điều này hoặc trường hợp nêu tại khoản 7 Điều này hoặc trường hợp quá thời hạn nêu tại khoản 5 Điều này để xử lý thuế theo quy định.”</p>	<p><b>9. 8.</b> Trường hợp hàng hóa tái nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu <del>đã được miễn thuế nhập khẩu</del>; hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu đã <b>kinh doanh thuộc đối tượng</b> được hoàn thuế nhập khẩu thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tái nhập phải thông báo cho cơ quan hải quan <del>nơi làm thủ tục báo cáo quyết toán hoặc nơi làm thủ tục</del> hoàn thuế nhập khẩu biết (nếu là hai cơ quan hải quan khác nhau) về các trường hợp nêu tại điểm b, điểm c khoản <b>1 2</b> và trường hợp không tái xuất được quy định tại điểm d khoản <b>1</b> Điều này hoặc trường hợp nêu tại khoản <b>7 khoản 8</b> Điều này hoặc trường hợp quá thời hạn nêu tại khoản <b>5 khoản 6</b> Điều này để xử lý thuế theo quy định.”</p>	<p>Giữ nguyên dự thảo Nghị định sửa, chỉ thay đổi số thứ tự khoản.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tại Khoản 5 Điều này để xử lý thuế theo quy định.				
1.	<p><b>Điều 48. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất</b></p> <p>1. <a href="#">[37]</a> Các hình thức tái xuất hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan bao gồm:</p> <p>a) Tái xuất để trả cho khách hàng;</p> <p>b) Tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan.</p>	<p><b>26. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 48. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất</b></p> <p>1. Các hình thức tái xuất hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan bao gồm:</p> <p>a) Xuất trả cho <i>chủ hàng nước ngoài hoặc cho bên thứ ba theo chỉ định của chủ hàng nước ngoài;</i></p> <p>b) Xuất <i>bán</i> vào khu phi thuế quan.</p>		<p>Theo quy định tại các Điều 39, 40, 41, 42 Luật Quản lý ngoại thương thì thương nhân kinh doanh tạm nhập, tái xuất phải có giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; đáp ứng một số điều kiện quy định; chỉ làm thủ tục tại cơ quan hải quan cửa khẩu... Một số nội dung này được quy định chi tiết tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</p> <p>Thực tế phát sinh vướng mắc về cách hiểu thống nhất hàng hóa đã nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, để tránh trường hợp bản chất hàng hóa là kinh doanh tạm nhập tái xuất phải chịu chính sách quản lý về ngoại thương theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, nhưng doanh nghiệp lựa chọn hình thức nhập khẩu hàng hóa sau</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				đó XK. Do đó, cần bổ sung quy định tại khoản 1 Điều này.	
	<p>2. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hàng hóa xuất khẩu;</p> <p>b) Văn bản chấp nhận nhận lại hàng của chủ hàng nước ngoài (nếu hàng xuất khẩu trả lại cho chủ hàng bán lẻ hàng này): nộp 01 bản chụp;</p> <p>c) Quyết định buộc tái xuất của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): 01 bản chụp.</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai <i>hải quan</i>;</p> <p>b) Văn bản chấp nhận nhận lại hàng <i>hoặc chỉ định xuất cho bên thứ ba</i> của chủ hàng nước ngoài: nộp 01 bản chụp;</p> <p><i>c) Hóa đơn thương mại trong trường hợp xuất bán ra nước ngoài hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng trong trường hợp xuất bán vào khu phi thuế quan: 01 bản chụp.</i></p> <p>e) Quyết định buộc tái xuất của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): 01 bản chụp.</p>		<p>- Khoản 4 Điều 24 Luật Hải quan quy định: “4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.”</p> <p>- Qua rà soát chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan cần bổ sung thêm thành phần để phù hợp với thực tế phát sinh các giao dịch. Do đó, cần bổ sung quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>- Lý do bỏ điểm c khoản 2: Trường hợp có QĐ buộc tái xuất thì DN không phải đăng ký tờ khai XK, việc giám sát hàng hóa XK thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	
	3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này (trừ giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo	3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. ( <del>trừ</del>		<b>Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13:</b>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>kết quả kiểm tra chuyên ngành).</p> <p>Trường hợp người khai hải quan nộp đủ hồ sơ không thu thuế khi làm thủ tục xuất khẩu, cơ quan hải quan không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu trả lại hoặc xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan và quyết định việc thông quan theo quy định.</p>	<p><del>giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành).</del></p> <p>Trường hợp người khai hải quan nộp đủ hồ sơ không thu thuế khi làm thủ tục xuất khẩu, cơ quan hải quan không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu trả lại hoặc xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan và quyết định việc thông quan theo quy định.</p>		<p>Điểm c khoản 1 Điều 19 quy định các trường hợp hoàn thuế.</p> <p><b>Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ:</b></p> <p>Điều 34 quy định hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất.</p> <p>Điều 37a quy định không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>Bỏ trừ giấy phép. Lý do: trường hợp này quy định với hàng xuất khẩu, không áp dụng với hàng nhập khẩu nên không có giấy phép NK hoặc thông báo kết quả KTCN. Mặt khác, việc nộp các chứng từ liên quan đến quản lý chuyên ngành, kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo pháp luật KTCN, QLCN.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Bỏ điểm rơi khoản 3 vì: đã có quy định tại Luật thuế XK, thuế NK.	
	<p>4.<sup>[38]</sup> Trường hợp hàng hóa (trừ ma túy, vũ khí, tài liệu phản động, hóa chất độc bảng I theo công ước cấm vũ khí hóa học) chưa làm thủ tục nhập khẩu hoặc đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, đang nằm trong khu vực giám sát hải quan nhưng do gửi nhầm lẫn, thất lạc, không có người nhận hoặc bị từ chối nhận, nếu người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất (trong đó nêu rõ lý do nhầm lẫn, thất lạc hoặc từ chối nhận) hoặc hàng hóa buộc tái xuất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi hàng hóa đang được lưu giữ tổ chức giám sát hàng hóa cho đến khi thực xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ngay tại cửa khẩu nhập.</p>	<p>4. Trường hợp hàng hóa (trừ ma túy, vũ khí, tài liệu phản động, hóa chất độc bảng I theo công ước cấm vũ khí hóa học (trừ hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu) đang chịu sự giám sát hải quan nhưng do gửi nhầm lẫn, thất lạc, không có người nhận hoặc bị từ chối nhận hàng do không phù hợp với hợp đồng mua bán, nếu người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất (trong đó nêu rõ lý do nhầm lẫn, thất lạc hoặc từ chối nhận) hoặc hàng hóa buộc tái xuất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu quốc tế.” Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi hàng hóa đang được lưu giữ tổ chức giám sát hàng hóa cho đến khi thực xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ngay tại cửa khẩu nhập.”.</p>		<p>- Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 128/2020/NĐ-CP thì trường hợp hàng hoá gửi vào Việt Nam không phù hợp với hợp đồng theo quy định tại Điều 39 Luật Thương mại năm 2005 (trừ hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng giả, phế liệu không thuộc Danh mục được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) nhưng đã được người gửi hàng, người vận tải, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp của người gửi hàng, người vận tải, người nhận hàng thông báo bằng văn bản (nêu rõ lý do) kèm theo các chứng từ liên quan tới Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa khi chưa đăng ký tờ khai hải quan thuộc trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<p>- Khoản 1 bao gồm các trường hợp tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan và hàng hóa đã đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan, do vậy, tại khoản này, sửa đổi lại để bao quát hết các trường hợp còn trong khu vực giám sát hải quan (đã đăng ký tờ khai, chưa hoặc đã hoàn thành thủ tục hải quan) và hàng hóa đưa về bảo quản chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành;</p> <p>- Phù hợp các trường hợp từ chối nhận hàng quy định tại Điều 39 Luật Thương mại và đã được hướng dẫn tại Điều 96 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC).</p> <p>- Tiếp thu ý kiến hải quan địa phương, hiện nay nhiều lô hàng đã được đưa về bảo quản tại doanh nghiệp. Khi có kết quả kiểm tra chất lượng không đạt thì yêu cầu doanh nghiệp phải đưa hàng ra ngay tại cửa khẩu nhập để tái xuất là không phù hợp vì tại cửa khẩu nhập</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				không có tuyến tàu XK hoặc doanh nghiệp muốn tái xuất qua đường bộ thì không được dẫn đến nhiều lô hàng phải tiêu hủy, gây lãng phí và tốn chi phí cho doanh nghiệp. Do vậy, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tái xuất qua cửa khẩu quốc tế.	
2.	<p><b>Điều 49. Thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng tạm nhập, tạm xuất [39]</b></p> <p>1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:</p> <p>a) Container rộng có hoặc không có móc treo;</p> <p>b) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng;</p> <p>c) Phương tiện (bồn) chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, được sử dụng chuyên dùng chứa và vận chuyển khí, có số ký hiệu in cố định trên vỏ mặt bồn và</p>	<p><b>27. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 49. Thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng tạm nhập, tạm xuất.</b></p> <p>1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:</p> <p>a) Container có hoặc không có móc treo;</p> <p>b) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng;</p> <p>c) Phương tiện (bồn) chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, được sử dụng chuyên dùng chứa và vận chuyển khí, có số ký hiệu in cố</p>	<p><b>Điều 49. Thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng tạm nhập, tạm xuất.</b></p> <p>1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:</p> <p>a) Container có hoặc không có móc treo;</p> <p>b) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng;</p> <p>c) Phương tiện (bồn) chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, được sử dụng chuyên dùng chứa và vận chuyển khí, <b>chất lỏng</b> có số ký hiệu in cố định trên vỏ mặt bồn và chuyên chở bằng xe ô tô chuyên dùng;</p> <p>d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>2. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với</p>	<p>Để đáp ứng yêu cầu quản lý, giảm thủ tục khai hải quan của hàng hóa là phương tiện chứa hàng hóa XNK theo phương thức quay vòng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập có số kí hiệu cố định Phòng 3 đề xuất chỉnh sửa một số nội dung tại Điều 49.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>chuyên chở bằng xe ô tô chuyên dùng;</p> <p>d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>2. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục. Trường hợp thương nhân với bên đối tác thỏa thuận kéo dài thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn đã đăng ký, người khai hải quan có văn bản thông báo và nộp kèm văn bản thỏa thuận gia hạn tạm nhập, tạm xuất cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục. Quá thời hạn tạm nhập, tạm xuất đã đăng ký, nếu thương nhân chưa tái xuất, tái nhập hàng hóa thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành đối với phương tiện quay vòng</p>	<p>định trên vỏ mặt bên và chuyên chở bằng xe ô tô chuyên dùng;</p> <p>d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>2. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</p> <p>3. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, người khai hải quan nộp 01 Bảng kê tạm nhập hoặc tạm xuất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	<p>bên đối tác <b>hoặc theo đề nghị của người vận chuyển</b> và đăng ký với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất <del>theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất</del> theo đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan <b>hoặc tờ khai phương tiện chứa hàng hóa của hãng vận chuyển theo phương thức quay vòng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập</b> và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập <b>(nếu có)</b> cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</p> <p>3. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p>Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, <b>nếu thuộc sở hữu của hãng vận chuyển thì</b> người khai hải quan <b>thực hiện khai các chỉ tiêu thông tin của tờ khai phương tiện chứa hàng hóa của hãng vận chuyển theo phương thức quay vòng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập</b> nộp 01 Bảng kê tạm nhập hoặc tạm xuất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Bảng kê tạm nhập hoặc tạm xuất theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Chứng từ vận tải đối với hàng hóa tạm nhập vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>d) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p> <p>4. Thủ tục hải quan</p> <p>a) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này: Khi nhập khẩu, xuất khẩu người khai hải quan khai trên Bảng kê tạm nhập hoặc tạm xuất và nộp các chứng từ quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất</p>	<p><b><i>ban hành qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</i></b></p> <p>b) Chứng từ vận tải đối với phương tiện quay vòng tạm nhập không chứa hàng xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép <b><i>tạm</i></b> nhập hoặc <b><i>tạm</i></b> xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <b><i>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành</i></b>: 01 bản chính.</p> <p>4. Thủ tục hải quan, <b><i>kiểm tra, giám sát hải quan</i></b></p> <p>a) Khi tạm nhập, tạm xuất người khai hải quan khai tờ khai hải quan và nộp <b><i>cho cơ quan hải quan bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại</i></b> khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất theo dõi, đối chiếu, xác nhận về số lượng phương tiện tạm nhập, tạm xuất; kiểm tra thực tế khi có nghi vấn;</p>	<p>b) Chứng từ vận tải đối với phương tiện quay vòng tạm nhập không chứa hàng xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p><b><i>e) Giấy phép tạm nhập hoặc tạm xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.</i></b></p> <p><b><i>c) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản cho phép tạm nhập, tái xuất của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngoại thương và thương mại đối với hàng hóa phải có giấy phép tạm nhập, tái xuất hoặc Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất;</i></b></p> <p><b><i>d) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản cho phép tạm xuất, tái nhập của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về quản lý ngoại thương đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý theo giấy phép hoặc Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất;</i></b></p> <p>4. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan</p> <p>a) Khi tạm nhập, <b><i>tái xuất</i></b>, tạm xuất, <b><i>tái nhập</i></b>, người khai hải quan khai tờ khai hải quan <b><i>hoặc tờ khai phương tiện chứa hàng hóa của hãng</i></b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>theo dõi, đối chiếu, xác nhận về số lượng phương tiện tạm nhập, tạm xuất; kiểm tra thực tế khi có nghi vấn.</p> <p>b) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>5. Địa điểm làm thủ tục hải quan:</p> <p>a) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu;</p> <p>b) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa phục vụ gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.</p> <p>6. Trong thời hạn tạm nhập tái xuất mà người khai hải quan đã đăng ký với cơ quan hải quan, phương tiện quay vòng chưa phải nộp thuế. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng</p>	<p><i>c) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập.</i></p> <p><i>Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm đóng hàng, dỡ hàng của người xuất khẩu, nhập khẩu.</i></p> <p>5. Địa điểm làm thủ tục hải quan:</p> <p>a) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu;</p> <p>b) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại <b>điểm c</b>, điểm d khoản 1 Điều này: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục <b>xuất khẩu</b>, nhập khẩu <b>hàng hóa</b>.</p> <p>6. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng phương tiện quay vòng, thủ tục hải quan thực hiện như sau:</p>	<p><b>vận chuyển theo phương thức quay vòng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập</b> và nộp cho cơ quan hải quan bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất theo dõi, đối chiếu, xác nhận về số lượng phương tiện tạm nhập, <b>tái xuất</b>, tạm xuất, <b>tái nhập</b>; kiểm tra thực tế khi có nghi vấn;</p> <p>c) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập.</p> <p>Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm đóng hàng, dỡ hàng của người xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>5. Địa điểm làm thủ tục hải quan:</p> <p>a) Đối với phương tiện quay vòng <b>thuộc sở hữu của hãng vận chuyển</b> quy định tại điểm a, điểm <del>b</del> <b>khoản 1 Điều này</b>: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu;</p> <p>b) Đối với phương tiện quay vòng <b>khác</b> quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>phương tiện quay vòng, thủ tục hải quan thực hiện như sau:</i></p> <p><i>a) Người khai hải quan có văn bản gửi Chi cục Hải quan nơi đăng ký bảng kê tạm nhập và làm thủ tục tạm nhập giải trình rõ lý do thay đổi mục đích sử dụng phương tiện quay vòng;</i></p> <p><i>b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký bảng kê, làm thủ tục tạm nhập có trách nhiệm xem xét lý do, giải trình của người khai hải quan; nếu không phát hiện dấu hiệu gian lận thương mại thì chấp nhận đề nghị của người khai hải quan;</i></p> <p><i>c) Người khai hải quan phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này tại Chi cục Hải quan tạm nhập. Trường hợp tạm nhập tại nhiều Chi cục Hải quan thì lựa chọn một Chi cục Hải quan tạm nhập để làm thủ tục hải quan nhập khẩu.</i></p>	<p>a) Người khai hải quan có văn bản gửi Chi cục Hải quan nơi đăng ký <i>tờ khai</i> tạm nhập và giải trình rõ lý do thay đổi mục đích sử dụng phương tiện quay vòng;</p> <p>b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký <i>tờ khai</i> tạm nhập có trách nhiệm xem xét lý do, giải trình của người khai hải quan; nếu không phát hiện dấu hiệu gian lận thương mại thì chấp nhận đề nghị của người khai hải quan;</p> <p>c) Người khai hải quan phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này tại Chi cục Hải quan tạm nhập. Trường hợp tạm nhập tại nhiều Chi cục Hải quan thì lựa chọn một Chi cục Hải quan tạm nhập để làm thủ tục hải quan nhập khẩu.”</p>	<p>quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</p> <p><del>6. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng phương tiện quay vòng, thủ tục hải quan thực hiện như sau:</del></p> <p><del>a) Người khai hải quan có văn bản gửi Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tạm nhập và giải trình rõ lý do thay đổi mục đích sử dụng phương tiện quay vòng;</del></p> <p><del>b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tạm nhập có trách nhiệm xem xét lý do, giải trình của người khai hải quan; nếu không phát hiện dấu hiệu gian lận thương mại thì chấp nhận đề nghị của người khai hải quan;</del></p> <p><del>c) Người khai hải quan phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này tại Chi cục Hải quan tạm nhập. Trường hợp tạm nhập tại nhiều Chi cục Hải quan thì lựa chọn một Chi cục Hải quan tạm nhập để làm thủ tục hải quan nhập khẩu.”</del></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3.	<p><b>Điều 50.</b><sup>[40]</sup> Thủ tục hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập để sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập - tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p><b>28. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:</b></p> <p>“Điều 50. Thủ tục hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Đối với hàng hóa tạm nhập thì nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p><i>b.1)</i> Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p><i>b.2)</i> Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính;</p> <p>c) Văn bản chỉ định giao hàng cho doanh nghiệp thuê, mượn lại của</p>	<p><b>Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:</b></p> <p>“Điều 50. Thủ tục hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</b>;</p> <p>b) Đối với hàng hóa tạm nhập thì nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính;</p> <p>c) Văn bản chỉ định giao hàng cho doanh nghiệp thuê, mượn lại của chủ sở hữu hàng hóa ở nước ngoài trong trường hợp chủ sở hữu hàng hoá ở nước ngoài chỉ định cho doanh nghiệp khác ở Việt Nam tiếp tục thuê, mượn (đối với trường</p>	<p>- Về hồ sơ hải quan trước đây ghi “Tờ khai hải quan”, sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <u>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</u>” để đảm bảo rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>chủ sở hữu hàng hóa ở nước ngoài trong trường hợp chủ sở hữu hàng hoá ở nước ngoài chỉ định cho doanh nghiệp khác ở Việt Nam tiếp tục thuê, mượn (đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này): 01 bản chụp.</i>	hợp quy định tại khoản 8 Điều này): 01 bản chụp.		
	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm xuất - tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p> <p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu, hoạt</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với <b>hàng hóa</b> tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Giấy phép <b>tạm xuất, tái nhập</b>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <b>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất</b>: 01 bản chính;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt <b>khi làm thủ tục tái nhập</b>: 01 bản chụp.</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</b>;</p> <p>b) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</p>	<p>- Về hồ sơ hải quan trước đây ghi “Tờ khai hải quan”, sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <u>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</u>” để đảm bảo rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>động của doanh nghiệp chế xuất thì thực hiện thủ tục tại Chi cục Hải quan thuận tiện. 4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</i>				
		3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan chuyên phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu, hoạt động của doanh nghiệp chế xuất thì thực hiện thủ tục tại Chi cục Hải quan thuận tiện.	3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan <b>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính</b> , chuyên phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu, hoạt động của doanh nghiệp chế xuất thì thực hiện thủ tục tại Chi cục Hải quan thuận tiện.	- Về địa điểm làm thủ tục hải quan: Chi cục Hải quan chuyên phát nhanh thì sửa thành: “Chi cục Hải quan <u>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính</u> , chuyên phát nhanh” vì hiện nay một số địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyên phát nhanh không thuộc quản lý của Chi cục hải quan chuyên phát nhanh.	
		4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	Giữ nguyên nội dung trình Chính phủ	
	<i>5. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải</i>	5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần <b>gia hạn</b> thời hạn	5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi	Giữ nguyên nội dung trình Chính phủ	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quan. Trường hợp cần kéo dài thời hạn tạm nhập, tạm xuất để sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm theo thỏa thuận với bên đối tác thì người khai hải quan có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</p> <p>Trường hợp quá thời hạn tạm nhập, tạm xuất mà người khai hải quan chưa tái xuất, tái nhập thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</p> <p><i>Đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất hàng hóa để thực hiện dự án thì thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư.</i></p>	<p>hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</p> <p>Đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất hàng hóa để thực hiện dự án thì thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư.</p>		
	<p>6. Trường hợp doanh nghiệp tạm nhập, tạm xuất có văn bản đề nghị bán, cho, tặng máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sản xuất, thi công công trình, thi công xây dựng, lắp đặt công trình thực hiện dự án, thử nghiệm thì phải làm thủ tục hải quan theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p>	<p>6. Trường hợp doanh nghiệp tạm nhập, tạm xuất có văn bản đề nghị bán, cho, tặng hàng hóa thì phải làm thủ tục hải quan nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p>	<p>6. Trường hợp doanh nghiệp tạm nhập, tạm xuất có văn bản đề nghị bán, cho, tặng hàng hóa thì phải làm thủ tục hải quan nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p>	Giữ nguyên nội dung trình Chính phủ	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>7. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu, phát triển sản phẩm khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm; linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu.</i></p> <p><i>8. Trường hợp hết thời hạn tạm nhập mà chủ sở hữu hàng hóa ở nước ngoài chỉ định cho doanh nghiệp khác ở Việt Nam tiếp tục thuê, mượn thì doanh nghiệp tạm nhập ban đầu khai tờ khai tái xuất và giao hàng hóa cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam thuê, mượn lại theo chỉ định của chủ sở hữu nước ngoài. Doanh nghiệp thuê, mượn lại thực hiện thủ tục tạm nhập theo quy định.”</i></p>	<p>7. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu, phát triển sản phẩm khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm; linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu.</p> <p>8. Trường hợp hết thời hạn tạm nhập mà chủ sở hữu hàng hóa ở nước ngoài chỉ định cho doanh nghiệp khác ở Việt Nam tiếp tục thuê, mượn thì doanh nghiệp tạm nhập ban đầu khai tờ khai tái xuất và giao hàng hóa cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam thuê, mượn lại theo chỉ định của chủ sở hữu nước ngoài. Doanh nghiệp thuê, mượn lại thực hiện thủ tục tạm nhập theo quy định.”</p>	Giữ nguyên nội dung trình Chính phủ	
4.	<p><b>Điều 51. Thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng<sup>[41]</sup></b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển,</p>	<p><b>29. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 1, khoản 3 Điều 51 như sau:</b></p> <p>“Điều 51. Thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, <b>tạm xuất, tái nhập</b> để sửa chữa, <b>bảo</b> <b>dưỡng</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan:</p>	<p><b>Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 1, khoản 3 Điều 51 như sau:</b></p> <p>“Điều 51. Thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng</p> <p>1. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p>	<p>- Điểm a khoản 1 Điều 51:</p> <p>Về hồ sơ hải quan trước đây ghi “Tờ khai hải quan”, sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <u>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</u>” để đảm bảo quy định rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tàu bay với đối tác nước ngoài: 01 bản chụp.</p> <p>2. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu.</p> <p>3. <a href="#">[42]</a> Thời hạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập thực hiện theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, tàu bay và đăng ký với Chi cục Hải quan cửa khẩu.</p> <p>4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>5. Kiểm tra, giám sát hải quan:</p> <p>a) Chi cục Hải quan cửa khẩu giám sát việc người khai hải quan đưa tàu biển, tàu bay từ vị trí neo đậu tại cầu cảng, sân đỗ đến khu vực sửa chữa, bảo dưỡng. Khi làm thủ tục tái xuất, Chi cục Hải quan giám sát việc người khai hải quan đưa tàu biển, tàu bay từ khu vực sửa chữa, bảo dưỡng đến vị trí neo đậu tại cầu cảng, sân đỗ đến khi thực xuất ra nước ngoài;</p>	<p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, tàu bay <i>khí làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất:</i> 01 bản chụp.</p> <p>3. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và đăng ký với Chi cục Hải quan <i>nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác nước ngoài về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.”</i></p>	<p>b) Hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, tàu bay khi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất: 01 bản chụp.</p> <p>3. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và đăng ký với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác nước ngoài về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.”</p>	<p>khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p> <p>- Khoản 3: Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	b) Người khai hải quan chịu trách nhiệm quản lý tàu biển, tàu bay tại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng.				
5.	<p><b>Điều 52. Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài [43]</b></p> <p>1. Đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tạm xuất do chính tàu bay, tàu biển mang theo khi nhập cảnh, xuất cảnh hoặc gửi trước hoặc gửi sau thời điểm nhập cảnh, xuất cảnh của tàu bay, tàu biển:</p> <p>a) Người khai hải quan là người điều khiển tàu bay, tàu biển hoặc đại lý của chủ tàu bay, tàu biển;</p> <p>b) Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan:</p>	<p><b>30. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:</b></p> <p>“Điều 52. Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, <b>tái xuất, tạm xuất, tái nhập</b> để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, <b>tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa <b>tạm nhập, tái xuất:</b></p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) <b>Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</b></p> <p><b>b.1)</b> Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp mang theo tàu nhập cảnh): 01 bản chụp;</p> <p><b>b.2)</b> Giấy phép <b>tạm nhập, tái xuất</b>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:</p> <p>“Điều 52. Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p>b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp mang theo tàu nhập cảnh): 01 bản chụp;</p> <p>b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.</p>	<p>Về hồ sơ hải quan trước đây ghi “Tờ khai hải quan”, sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <u>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</u>” để đảm bảo rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp mang theo tàu nhập cảnh): 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p>pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp mang theo tàu nhập cảnh) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp mang theo tàu nhập cảnh) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</p>		
	<p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh.</p>	<p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh.</p>	<p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.</p>	<p>- Về địa điểm làm thủ tục hải quan: Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh thì sửa thành: “Chi cục Hải quan quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh” vì hiện nay một số địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh không thuộc quản lý của Chi cục hải quan chuyển phát nhanh.	
	<p>4. Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sửa chữa hoặc sử dụng cho hoạt động của tàu biển, tàu bay theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế tàu biển, tàu bay ký với đối tác nước ngoài thì địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện tại Chi cục Hải quan thuận tiện. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định đối với loại hình gia công theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p>	<p>4. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và đăng ký với Chi cục Hải quan <i>noi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác nước ngoài về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</i></p> <p>5. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>6. <i>Đối với</i> máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để <i>phục vụ thay thế</i>, sửa chữa tàu biển, tàu</p>	<p>4. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và đăng ký với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác nước ngoài về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</p> <p>5. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>6. Đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa thực hiện theo quy định đối với loại hình gia công theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”</p>	<p>Khoản 4, 5, 6 Điều 52: Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		bay theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa thực hiện theo quy định đối với loại hình gia công theo hướng dẫn của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính.”			
6.	<p><b>Điều 53. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm</b><sup>[44]</sup></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>c) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập - tái xuất để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp;</p> <p>d) Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p><b>31. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:</b></p> <p>“Điều 53. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) <i>Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</i></p> <p><i>b.1)</i> Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p><i>b.2)</i> Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập, tái xuất để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp;</p>	<p>“Điều 53. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p>b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>b.2) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập, tái xuất để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp;</p> <p>b.3) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.</p>	<p>Về hồ sơ hải quan trước đây ghi “Tờ khai hải quan”, sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <u>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</u>” để đảm bảo quy định rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất - tái nhập để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p><b>b.3)</b> Giấy phép <b>tạm nhập, tái xuất</b>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <b>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành</b>: 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất, tái nhập để giới thiệu sản phẩm) <b>khi làm thủ tục tạm xuất</b>: 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép <b>tạm xuất, tái nhập</b>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <b>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất</b>: 01 bản chính;</p> <p>d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt <b>khi làm thủ tục tái nhập</b>: 01 bản chụp;</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</b>;</p> <p>b) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất, tái nhập để giới thiệu sản phẩm) khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính;</p> <p>d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp;</p>		
	<p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục</p>	<p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi</p>	<p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi có hội chợ, triển lãm, giới</p>	<p>- Về địa điểm làm thủ tục hải quan: Chi cục Hải quan</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>Hải quan nơi có hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh hoặc Chi cục quản lý doanh nghiệp chế xuất đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất đưa hàng hóa vào nội địa hoặc ra nước ngoài để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.</i></p>	<p>có hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh hoặc Chi cục quản lý doanh nghiệp chế xuất đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất đưa hàng hóa vào nội địa hoặc ra nước ngoài để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.</p>	<p>thiệu sản phẩm hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan <b>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính</b> chuyển phát nhanh hoặc Chi cục quản lý doanh nghiệp chế xuất đưa hàng hóa vào nội địa hoặc ra nước ngoài để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.</p>	<p>chuyển phát nhanh thì sửa thành: “Chi cục Hải quan <u>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính</u>, chuyển phát nhanh” vì hiện nay một số địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh không thuộc quản lý của Chi cục hải quan chuyển phát nhanh.</p>	
	<p>4. Thời hạn tái xuất, tái nhập: a) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan; b) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm, kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó</p>	<p>4. Thời hạn tái xuất, tái nhập: a) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan; b) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa</p>	<p>4. Thời hạn tái xuất, tái nhập: a) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan; b) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.”</p>	<p>Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i>	vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.”			
7.	<p><b>Điều 54. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định</b></p> <p>1. [45] Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: Hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành; Trường hợp thực hiện khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 25 Nghị định này, người</p>	<p><b>32. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:</b></p> <p>“Điều 54. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định</p> <p>1. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: Hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) <i>Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</i></p> <p><i>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không,</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:</p> <p>“Điều 54. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định</p> <p>1. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: Hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p>b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp hàng hóa do người nhập cảnh mang theo đường hành lý): 01 bản chụp;</p>	<p>- Khoản 1: Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ;</p> <p>- Khoản 2, khoản 3: sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <i>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</i>” để đảm bảo quy định rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>khai hải quan phải nộp 02 bản chính tờ khai hải quan;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp hàng hóa do người nhập cảnh mang theo đường hành lý): 01 bản chụp;</p> <p>c) Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại Khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;</p> <p>d) Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p> <p>3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành; Trường hợp thực hiện khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 25 Nghị định này, người khai hải quan phải nộp 02 bản chính tờ khai hải quan;</p> <p>b) Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại Khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;</p>	<p>đường sắt (trừ trường hợp hàng hóa do người nhập cảnh mang theo đường hành lý): 01 bản chụp;</p> <p><i>b.2)</i> Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;</p> <p><i>b.3)</i> Giấy phép <i>tạm nhập, tái xuất</i>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <i>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành</i>: 01 bản chính;</p> <p>3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại khoản 1 Điều này <i>khi làm thủ tục tạm xuất</i>: 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép <i>tạm xuất, tái nhập</i>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <i>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất</i>: 01 bản chính.</p> <p><i>d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không,</i></p>	<p>b.2) Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;</p> <p>b.3) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính;</p> <p>3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</b>;</p> <p>b) Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại khoản 1 Điều này khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính.</p> <p>d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp hàng hóa do người nhập cảnh mang theo đường hành lý) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	c) Giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.	<i>đường sắt (trừ trường hợp hàng hóa do người nhập cảnh mang theo đường hành lý) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</i>			
	4. <u>[46]</u> Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh.	4. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh <i>hoặc Chi cục Hải quan nơi diễn ra các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này.</i>	4. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan <b>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính</b> , chuyển phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi diễn ra các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này.	- Về địa điểm làm thủ tục hải quan: Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh thì sửa thành: “Chi cục Hải quan <u>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính</u> , chuyển phát nhanh” vì hiện nay một số địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh không thuộc quản lý của Chi cục hải quan chuyển phát nhanh.	
	5. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phải đăng ký với cơ quan hải quan. 6. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập <i>theo thời hạn thực tế phát sinh công việc và</i> phải đăng ký với cơ quan hải quan. <i>Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp giấy tờ chứng</i>	5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo thời hạn thực tế phát sinh công việc và phải đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp giấy tờ chứng minh việc kéo dài thời hạn	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>minh việc kéo dài thời hạn phát sinh công việc cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.”</i>	phát sinh công việc cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.”		
8.	<p><b>Điều 55. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế [47]</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy</p>	<p><b>33. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:</b></p> <p><b>Điều 55. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p><i>b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</i></p> <p>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>b.2) Giấy phép <i>tạm nhập, tái xuất</i>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <i>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành</i>: 01 bản chính;</p> <p><i>b.3) Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để bảo hành, có ghi rõ</i></p>	<p>“Điều 55. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b><i>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</i></b>;</p> <p>b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</p> <p>b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính;</p> <p>b.3) Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để bảo hành, có ghi rõ điều khoản thay thế trong trường hợp thay thế) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để sửa chữa): 01 bản chụp.</p>	<p>- Khoản 1, khoản 2 Điều 55: Về hồ sơ hải quan trước đây ghi “Tờ khai hải quan”, sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <i>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</i>” để đảm bảo quy định rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p><i>điều khoản thay thế trong trường hợp thay thế) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để sửa chữa): 01 bản chụp.</i></p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) <i>Khi làm thủ tục tạm xuất nộp bổ sung các chứng từ sau:</i></p> <p><i>b.1) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính;</i></p> <p><i>b.2) Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để bảo hành) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để sửa chữa) khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp;</i></p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt <i>khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</i></p>	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p>b) Khi làm thủ tục tạm xuất nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p>b.1) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính;</p> <p>b.2) Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để bảo hành) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để sửa chữa) khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	3. [48] Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. Đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế của doanh nghiệp chế xuất, gia công, sản xuất hàng xuất khẩu thì thực hiện thủ tục tại Chi cục Hải quan thuận tiện.	3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. Đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế của doanh nghiệp chế xuất, gia công, sản xuất hàng xuất khẩu thì thực hiện thủ tục tại Chi cục Hải quan thuận tiện.	3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan <b>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng buro chính</b> , chuyển phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. Đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế của doanh nghiệp chế xuất, gia công, sản xuất hàng xuất khẩu thì thực hiện thủ tục tại Chi cục Hải quan thuận tiện.	- Về địa điểm làm thủ tục hải quan: Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh thì sửa thành: “Chi cục Hải quan <u>quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng buro chính</u> , chuyển phát nhanh” vì hiện nay một số địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng buro chính, chuyển phát nhanh không thuộc quản lý của Chi cục hải quan chuyển phát nhanh.	
	4. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập: Thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với Chi cục Hải quan khi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. 5. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	4. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập: Thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với Chi cục Hải quan khi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. <i>Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn</i>	4. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập: Thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với Chi cục Hải quan khi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</i></p> <p>5. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p>	<p>Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</p> <p>5. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.”</p>		
9.	<p><b>Điều 55a. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập khác</b><sup>[49]</sup></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>c) Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;</p>	<p><b>34. Bổ sung Điều 55a như sau:</b></p> <p><b>Điều 55a. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) <i>Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</i></p> <p><i>b.1)</i> Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p><i>b.2)</i> Giấy phép tạm nhập, tái xuất; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.</p>	<p>“Điều 55a. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác</p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</p> <p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p>b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</p> <p>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p>	<p>- Khoản 1, khoản 2 Điều 55a: Về hồ sơ hải quan trước đây ghi “Tờ khai hải quan”, sửa lại thành: “Tờ khai hải quan <i>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành</i>” để đảm bảo quy định rõ các chỉ tiêu thông tin của tờ khai thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.</p> <p>- Khoản 3, 4, 5 Điều 55a: Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p> <p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án.</p> <p>4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>5. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần kéo dài thời hạn tạm nhập, tái xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì người khai hải quan có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp quá thời hạn tạm nhập, tái xuất mà người khai hải quan chưa tái xuất, tái nhập thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</p> <p>a) Tờ khai hải quan;</p> <p>b) Giấy phép <i>tạm xuất, tái nhập</i>, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật <i>về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất</i>: 01 bản chính;</p> <p>c) <i>Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</i></p> <p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án.</p> <p>4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì <i>trước khi hết thời hạn</i></p>	<p>a) Tờ khai hải quan <b>theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</b></p> <p>b) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính;</p> <p>c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp.</p> <p>3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án.</p> <p>4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</i>			
10.	<p><b>Điều 58. Định mức hành lý được miễn thuế</b></p> <p>1. Định mức hành lý được miễn thuế của người nhập cảnh thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>2. Định mức hành lý miễn thuế của người nhập cảnh được quy định</p> <p>a) Cho từng lần nhập cảnh;</p> <p>b) Không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều lần nhập cảnh để tính miễn thuế một lần nhập cảnh;</p> <p>c) Không được gộp định mức hành lý miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để giải quyết miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia</p>	Bãi bỏ Điều 58 <b>Định mức hành lý được miễn thuế</b>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>đình mang theo trong cùng chuyến đi.</p> <p>3. Hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức được miễn thuế thì phần vượt này được coi là hàng hóa nhập khẩu, phải thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hóa nhập khẩu, pháp luật về thuế. Người nhập cảnh được chọn vật phẩm để nộp thuế trong trường hợp hành lý mang theo gồm nhiều vật phẩm.</p> <p>4. Trường hợp phần vượt định mức hành lý miễn thuế của người nhập cảnh phải nộp thuế, nhưng nếu tổng số thuế phải nộp dưới 100.000 đồng Việt Nam thì cũng được miễn thuế.</p> <p>5. Người nhập cảnh thường xuyên theo tính chất công việc không được hưởng định mức hành lý miễn thuế cho từng lần nhập cảnh mà cứ 90 ngày được hưởng định mức miễn thuế một lần. Người nhập cảnh thường xuyên theo</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tính chất công việc gồm:</p> <p>a) Người điều khiển tàu bay và nhân viên phục vụ trên các chuyến bay quốc tế;</p> <p>b) Người điều khiển tàu hỏa và nhân viên phục vụ trên tàu hỏa liên vận quốc tế;</p> <p>c) Sĩ quan, thuyền viên làm việc trên tàu biển;</p> <p>d) Lái xe, người lao động Việt Nam làm việc ở các nước láng giềng có chung biên giới đường bộ với Việt Nam.</p> <p>Việc hưởng định mức miễn thuế đối với người nhập cảnh thường xuyên thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>6. Không hạn chế định mức hành lý được miễn thuế của người xuất cảnh. Người xuất cảnh không được mang theo hành lý các vật phẩm thuộc trong Danh mục hàng cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật.</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11.	<p><b>Điều 59. Thủ tục đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh</b></p> <p>1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.</p> <p>2. <u>[51]</u> Người xuất cảnh, nhập cảnh không phải khai hải quan nếu không có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, không có hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi. Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hàng hóa vượt định mức hành lý miễn thuế qua khu vực kiểm tra hải quan mà không khai hải quan đều coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>Khi khai hải quan, người khai hải quan không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi.</p>	<p><b>35. Sửa đổi các khoản 2, 5, 6 và bổ sung khoản 7 Điều 59 như sau:</b></p> <p>“2. Người xuất cảnh, nhập cảnh không phải khai hải quan nếu không có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, không có hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.</p> <p>Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hàng hóa vượt định mức hành lý miễn thuế qua khu vực kiểm tra hải quan mà không khai hải quan <b>đều coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp</b> và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>Khi khai hải quan, người khai hải quan không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh.</p>	<p><b>Sửa đổi các khoản 2, 5, 6 và bổ sung khoản 7 Điều 59 như sau:</b></p> <p>“2. Người <del>xuất cảnh</del>, nhập cảnh không phải khai hải quan nếu không có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, không có hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.</p> <p><del>Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hàng hóa vượt định mức hành lý miễn thuế qua khu vực kiểm tra hải quan mà không khai hải quan đều coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</del></p> <p>Khi khai hải quan, Người <b>nhập cảnh</b> khai hải quan không <b>được</b> gộp chung định mức <b>hành lý</b> miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh.</p>	<p><b>- Khoản 2 Điều 59:</b> Theo ý kiến của Vụ Pháp chế, cụm từ bất hợp pháp chỉ áp dụng đối với những hàng hóa bị cấm XK, NK có yếu tố hình sự. Theo đó, nội dung tại khoản 2 Điều 59 cần sửa lại.</p>	P3

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh.</i></p> <p>3. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh được kiểm tra qua hệ thống máy soi hàng hóa và các trang thiết bị khác. Trên cơ sở phân tích thông tin và quá trình giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, cơ quan hải quan quyết định lựa chọn hành lý có rủi ro để kiểm tra thực tế.</p> <p>4. Trường hợp có căn cứ xác định người xuất cảnh, nhập cảnh có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới thì thực hiện việc khám người theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.</p>				
	<p>5. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của Hải quan cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho của Hải quan.</p>	<p>5. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của <i>doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại</i> cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho.</p>	<p>5. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho. Khách xuất cảnh chỉ được gửi hành lý vào kho trước khi vào khu cách ly.</p>	<p>- Khoản 5 Điều 59: Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>Khách xuất cảnh chỉ được gửi hành lý vào kho trước khi vào khu cách ly.</i>  <i>Trước khi kết thúc ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng gửi thông tin về hành lý gửi kho cho Chi cục Hải quan cửa khẩu theo mẫu số 01/TBHLGK/GSQL tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.</i>	Trước khi kết thúc ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng gửi thông tin về hành lý gửi kho cho Chi cục Hải quan cửa khẩu theo mẫu số 01/TBHLGK/GSQL tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.		
	6. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại Khoản 5 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại, thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.	6. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 5 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại <i>hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ</i> thì xử lý theo quy định của pháp luật. <u>Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.</u>	6. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 5 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ thì xử lý <b>như đối với hàng hóa tồn đọng</b> , theo quy định của pháp luật. <b>Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.</b>	- Khoản 6 Điều 59: Việc xử lý theo quy định của pháp luật đã đảm bảo tính bao quát, theo đó, đề xuất bỏ đoạn “Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.” Tuy nhiên trường hợp này đề xuất quy định rõ là xử lý như đối với hàng tồn đọng để đảm bảo minh bạch, rõ ràng trong việc thực hiện.	
		<i>7. Trong trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thể hành lý, không xác</i>	7. Trong trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thể hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm xác minh thông tin người xuất cảnh, nhập cảnh. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật.”</i>	không có trách nhiệm xác minh thông tin người xuất cảnh, nhập cảnh. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật.”		
12.	<p><b>Điều 60. Thủ tục hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi</b></p> <p>1. Hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế, hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi phải làm thủ tục hải quan theo quy định tại Mục 5 Chương này.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 02 bản chính;</p> <p>b) Hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu có dấu xác nhận của cơ quan xuất cảnh, nhập</p>	<p><b>36. Sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 60 như sau:</b></p> <p>“4. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hành lý đến cửa khẩu.</p> <p><i>Đối với hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế, người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi làm thủ tục nhập cảnh.</i></p> <p>5. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>cảnh đối với người nhập cảnh: 01 bản chụp;</p> <p>c) Tờ khai xuất nhập cảnh có xác nhận của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập cảnh đối với người nhập cảnh: 01 bản chính;</p> <p>d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hành lý của người nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyên đi: 01 bản chụp.</p> <p>3. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa để áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chính sách thuế theo quy định của pháp luật</p> <p>4. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyên đi trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hành lý về đến cửa khẩu.</p> <p>5. <a href="#">[52]</a> <i>Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính</i></p>	<p>hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu.</p> <p>6. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 5 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định.</p> <p>7. Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại điểm c khoản</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu hoặc thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành.</i></p> <p>6.<a href="#">[53]</a> Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu hoặc thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 5 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng</p>	<p>2 Điều này thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều này.”</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hóa hoặc văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định.</p> <p>7.[54] Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại Khoản 5 Điều này.</p>				
13.		<b>37. Bổ sung Mục 10 Chương III như sau: “Mục 10</b>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.		P3

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<b>THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA CUNG ỨNG CHO TÀU BAY, TÀU BIỂN XUẤT CẢNH</b>			
14.	Hàng hoá cung ứng cho tàu bay, tàu biển xuất cảnh Chưa có quy định cụ thể tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP	<p><b>Điều 60a. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh</b></p> <p>1. Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất suất ăn và cung ứng (xuất khẩu) cho tàu bay xuất cảnh gồm: dụng cụ, vật tư, đồ uống, thực phẩm và suất ăn.</p> <p>2. Trách nhiệm của người khai hải quan</p> <p>a) Thực hiện thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu quy định tại Mục 6 Chương V Nghị định này;</p> <p>b) Khi xuất khẩu hàng hóa để cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, doanh nghiệp làm thủ tục hải quan cho từng lô hàng cung ứng cho một chuyến bay hoặc thực hiện đăng ký tờ khai hải quan một lần, xuất khẩu</p>	<p>- Sửa khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Hàng hóa nhập khẩu <b>và hàng hóa có nguồn gốc trong nước</b> để sản xuất suất ăn và cung ứng (xuất khẩu) cho tàu bay xuất cảnh gồm: dụng cụ, vật tư, đồ uống, thực phẩm và suất ăn.”</p> <p>- Sửa điểm a khoản 2 như sau:</p> <p>“2. Trách nhiệm của người khai hải quan</p> <p>a) Thực hiện thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu quy định tại Mục 6 Chương V Nghị định này; <b>không phải nộp hợp đồng gia công, không thực hiện thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;</b>”</p> <p>- Sửa điểm a khoản 3 như sau:</p> <p>“3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:</p> <p>a) Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Mục 6 Chương V Nghị định này, <b>không kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;</b>”</p>	<p><b>- Lý do sửa đổi khoản 1 Điều 60a?????</b></p> <p><b>- Lý do sửa điểm a Khoản 2: Thủ tục hải quan áp dụng tương tự như đối với hàng hóa gia công tuy nhiên do đặc thù hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh không có hợp đồng gia công hay cơ sở sản</b></p>	P3

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>nhiều lần theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Nghị định này;</p> <p>c) Việc giao nhận hàng hóa cung ứng lên tàu bay giữa doanh nghiệp và đại diện hãng hàng không thực hiện bằng phiếu giao nhận hàng hóa hoặc phiếu xuất kho. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm lưu giữ các chứng từ này trong thời hạn 5 năm và xuất trình khi cơ quan hải quan có yêu cầu;</p> <p>d) Báo cáo quyết toán về tình hình xuất - nhập - tồn kho dụng cụ, vật tư, đồ uống, thực phẩm để cung ứng lên tàu bay xuất cảnh trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp theo mẫu số 02/BCQT-NVL/GSQL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>Cung cấp hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, phiếu giao nhận hàng hóa hoặc phiếu xuất kho và các giấy tờ khác (nếu có) để phục vụ công tác kiểm tra báo cáo quyết toán về tình hình xuất - nhập - tồn kho dụng cụ, vật tư, đồ uống, thực phẩm để cung ứng lên tàu bay xuất cảnh;</p>	<p>- Các nội dung còn lại đề nghị giữ nguyên như nội dung đã trình Chính phủ.</p>	<p>xuất hàng gia công, sản xuất xuất khẩu, đề xuất không yêu cầu hợp đồng gia công hay thông báo cơ sở gia công, sản xuất xuất khẩu.</p> <p>- Lý do sửa điểm a Khoản 3: Để phù hợp với nội dung sửa tại điểm a Khoản 2</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>đ) Quản lý, sử dụng đúng mục đích hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu để cung ứng trên các chuyến bay xuất cảnh và dụng cụ, vật tư thu hồi từ tàu bay nhập cảnh.</p> <p>3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:</p> <p>a) Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Mục 6 Chương V Nghị định này;</p> <p>b) Thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán về tình hình xuất - nhập - tồn kho dụng cụ, vật tư, đồ uống, thực phẩm để cung ứng lên tàu bay xuất cảnh theo quy định tại Điều 41 Nghị định này.</p>			
15.	Hàng hoá cung cấp cho tàu bay, tàu biển xuất cảnh Chưa có quy định cụ thể tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP	<p><b>Điều 60b. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu để cung ứng cho tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam</b></p> <p><i>1. Doanh nghiệp tạm nhập khẩu hàng hóa để cung ứng cho tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam theo hợp đồng với các hãng tàu biển nước ngoài.</i></p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>2. Hàng hóa tạm nhập khẩu để cung ứng cho tàu biển nước ngoài được lưu giữ tại các địa điểm sau:</p> <p>a) Kho ngoại quan;</p> <p>b) Kho của doanh nghiệp đáp ứng điều kiện giám sát hải quan;</p> <p>c) Khu vực cửa khẩu nhập.</p> <p>3. Đối với hàng hóa tạm nhập khẩu đưa vào, đưa ra kho ngoại quan</p> <p>Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan thực hiện theo quy định đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan quy định tại Luật Hải quan, Mục 1 Chương V Nghị định này.</p> <p>4. Đối với hàng hóa tạm nhập khẩu lưu giữ tại kho của doanh nghiệp, khu vực cửa khẩu nhập:</p> <p>a) Địa điểm làm thủ tục hải quan:</p> <p>a.1) Hàng hóa tạm nhập khẩu: tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập;</p> <p>a.2) Hàng hóa tái xuất khẩu: tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất.</p> <p>b) Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 55a Nghị định này.</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>5. Điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với kho lưu giữ hàng hóa quy định tại điểm b khoản 2 Điều này:</p> <p>a) Kho lưu giữ hàng hóa phải có hàng rào cứng ngăn cách với khu vực xung quanh; có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được các vị trí trong kho lưu giữ hàng hóa vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng;</p> <p>b) Trách nhiệm của doanh nghiệp: Nộp 01 bản chính văn bản đề nghị theo mẫu số 03/XNDKKTGS-KHO/GSQL tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này và 01 bản chụp sơ đồ kho trong đó thể hiện kho có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa và thể hiện các vị trí lắp đặt ca-mê-ra giám sát kho;</p> <p>c) Trách nhiệm của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố nơi quản lý kho:</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>Tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.</p> <p>Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố kiểm tra thực tế tại kho và có văn bản thông báo đủ điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan. Trường hợp không đủ điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”</p>			
16.	<p><b>Điều 61. Hồ sơ hải quan đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh</b></p> <p>1. [55] Hồ sơ hải quan đối với tàu bay nhập cảnh:</p> <p>a) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;</p> <p>b) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of</p>	<p><b>38. Sửa đổi, bổ sung Điều 61 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 61. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b></p> <p>1. Đối với tàu bay nhập cảnh:</p> <p><b>a) Hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>a.1)</b> Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong</p>	<p>- Đề xuất sửa đổi điểm c.1 khoản 1 Điều 61 về thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan như sau:</p> <p>“c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước thời điểm tàu bay đến cảng <b>hoặc khi có biên bản chứng nhận sai khác về tên hàng; thừa, thiếu về số</b></p>	<p>Thực tế phát sinh yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung về tên hàng, số lượng, trọng lượng, tuy nhiên pháp luật hải quan hiện hành chưa có quy định rõ đối với trường hợp này. Do vậy, để đảm bảo cơ sở pháp lý và tránh việc tùy tiện khai sai về tên hàng, số lượng, trọng lượng để gian lận thương mại thì dự thảo Nghị định cần bổ sung quy định làm rõ trường</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>lading</i>), vận đơn thứ cấp (<i>house bill of lading</i>) trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;</p> <p>c) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p> <p>d) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay;</p> <p>đ) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p> <p>e) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);</p> <p>g) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian nhập cảnh.</p> <p>2. [56] Hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh:</p> <p>a) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu;</p> <p>b) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p>	<p>trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;</p> <p><b>a.2)</b> Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (<i>master bill of lading</i>), vận đơn thứ cấp (<i>house bill of lading</i>) trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;</p> <p><b>a.3)</b> Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p> <p><b>a.4)</b> Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay;</p> <p><b>a.5)</b> Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p> <p><b>a.6)</b> Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);</p> <p><b>a.7)</b> Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian nhập cảnh.</p> <p><b>b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>b.1) Chậm nhất 03 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối</b></p>	<p><b>lượng, trọng lượng có xác nhận của cơ quan hải quan;”</b></p> <p>- Các nội dung khác giữ nguyên như đã trình Chính phủ.</p>	<p>hợp người khai hải quan được phép khai sửa đổi, bổ sung.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>c) Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay;</p> <p>d) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p> <p>đ) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);</p> <p>e) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh.</p> <p>3. Hồ sơ hải quan đối với tàu bay quá cảnh</p> <p>Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan theo quy định tại Khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan phải nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh.</p> <p>Tàu bay quá cảnh khi dừng kỹ thuật không phải làm thủ tục kê khai hải quan, nhưng phải chịu sự giám sát hải quan.</p>	<p>với các chuyến bay có thời gian dài hơn 03 giờ bay;</p> <p><b>b.2) Chậm nhất 30 phút trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay ngắn hơn 03 giờ bay;</b></p> <p><b>b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR).</b></p> <p><b>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước thời điểm tàu bay đến cảng;</b></p> <p><b>c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.3, a.4, a.5, a.7 khoản 1 Điều này được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định;</b></p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	4. <a href="#">[57]</a> (được bãi bỏ)	<p><i>c.3) Chứng từ quy định tại điểm a.6 khoản 1 Điều này được thực hiện chậm nhất 08 giờ trước thời gian tàu bay dự kiến nhập cảnh.</i></p> <p>2. Đối với tàu bay xuất cảnh:</p> <p><i>a) Hồ sơ hải quan:</i></p> <p><i>a.1)</i> Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không, trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu;</p> <p><i>a.2)</i> Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p> <p><i>a.3)</i> Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay;</p> <p><i>a.4)</i> Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;</p> <p><i>a.5)</i> Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);</p> <p><i>a.6)</i> Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh.</p> <p><i>b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:</i></p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>b.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;</i></p> <p><i>b.2) Chậm nhất 01 giờ sau thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;</i></p> <p><i>b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.</i></p> <p><i>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:</i></p> <p><i>c.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;</i></p> <p><i>c.2) Trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;</i></p> <p><i>c.3) Chậm nhất 08 giờ trước thời điểm chuyển bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.</i></p> <p><b>3. Đối với tàu bay quá cảnh</b></p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan <b>thực hiện</b> theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh <b>theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.</b></p> <p>Tàu bay quá cảnh khi dừng kỹ thuật không phải làm thủ tục kê khai hải quan, nhưng phải chịu sự giám sát hải quan.”</p>			
17.	<p><b>Điều 62. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan [58]</b>  <b>1. Đối với tàu bay nhập cảnh:</b>  a) Chậm nhất 03 giờ trước khi tàu bay nhập cảnh tại sân bay đầu tiên của Việt Nam đối với các chuyến bay có thời gian dài hơn 03 giờ bay;  b) Chậm nhất 30 phút trước khi tàu bay nhập cảnh tại sân bay đầu tiên của Việt Nam đối với các chuyến bay có thời gian bay ngắn hơn 03 giờ bay;  c) Thời hạn cung cấp thông tin đặt chỗ của hành khách</p>	<p><b>Bãi bỏ Điều 62 (Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan)</b></p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>(PNR) chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh.</i></p> <p><i>2. Đối với tàu bay xuất cảnh:</i></p> <p><i>a) Ngay sau khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh đến trước thời điểm tàu bay xuất cảnh, riêng bản khai hàng hóa xuất khẩu và vận đơn chủ phải nộp trong thời hạn 01 giờ sau khi tàu bay đã xuất cảnh;</i></p> <p><i>b) Thời hạn cung cấp thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR) chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến xuất cảnh.</i></p> <p><i>3. Đối với tàu bay quá cảnh</i> <i>Khi nhập cảnh, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi xuất cảnh, nếu phải khai hải quan thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.</i></p> <p><i>4. Thời hạn nộp hồ sơ giấy</i></p> <p><i>a) Đối với tàu bay nhập cảnh, người khai hải quan nộp cho cơ quan Hải quan, ngay sau khi và chậm nhất 30 phút kể từ</i></p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>khi tàu bay dừng đỗ tại vị trí quy định;</i></p> <p><i>b) Đối với tàu bay xuất cảnh, người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan ngay sau khi và chậm nhất 30 phút kể từ khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh;</i></p> <p><i>c) Đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.</i></p> <p><i>5. Người khai hải quan nộp hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo định dạng điện tử gửi đến cơ quan Hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; chỉ tiêu thông tin của các chứng từ khai báo nêu trên được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; trường hợp người khai hải quan không có đầy đủ thông tin về vận đơn thứ cấp thì người phát hành vận đơn thứ cấp gửi thông tin của vận đơn thứ cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trong</i></p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>Trường hợp gặp sự cố không thực hiện được các giao dịch điện tử thì người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan hồ sơ giấy theo mẫu chứng từ do Bộ Tài chính quy định, ngay sau khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>6. Thông tin, hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh khi có thay đổi phải được người khai hải quan gửi bổ sung, sửa đổi thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thời hạn gửi thông tin sửa đổi bổ sung:</p> <p>a) Trước hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định đối với chứng từ quy định khoản 1 Điều 61 Nghị định này, trừ thông tin tại điểm b khoản 1 Điều 61 Nghị định này phải gửi trước hoặc sau khi tàu bay nhập cảnh và thông tin tại điểm e</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>khoản 1 Điều 61 Nghị định này phải gửi chậm nhất 08 giờ trước thời điểm tàu bay nhập cảnh;</i></p> <p><i>Người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan các giấy tờ giải trình, chứng minh việc sửa đổi, bổ sung chứng từ tại điểm b khoản 1 Điều 61 Nghị định này;</i></p> <p><i>b) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định này, trừ thông tin tại điểm a khoản 2 Điều 61 Nghị định này phải được gửi trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh và thông tin tại điểm đ khoản 2 Điều 61 Nghị định này phải gửi chậm nhất 08 giờ trước thời điểm chuyển bay xuất cảnh;</i></p> <p><i>Người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan các giấy tờ giải trình, chứng minh việc sửa đổi, bổ sung chứng từ tại điểm a khoản 2 Điều 61 Nghị định này;</i></p> <p><i>c) Đối với tàu bay quá cảnh thực hiện theo quy định tại</i></p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>điểm a khoản này khi nhập cảnh, thực hiện theo điểm b khoản này khi xuất cảnh.</p> <p>7. Xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung đối với hồ sơ tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</p> <p>a) Công thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung và phân hồi tự động cho người khai hải quan đối với các chứng từ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 61 Nghị định này;</p> <p>b) Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh khai thác các thông tin được sửa đổi, bổ sung trên Công thông tin một cửa quốc gia để áp dụng các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra đối với phương tiện, hàng hóa theo quy định và cung cấp thông tin cho các đơn vị, cơ quan chức năng để thực hiện nghiệp vụ có liên quan.</p>				
18.	<b>Điều 63. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan</b>	<b>39. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau:</b>	<b>“Điều 63. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b>	Nội dung sửa đổi mang tính chất kỹ thuật để đảm bảo quy	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>1. [59] Tiếp nhận xử lý hồ sơ đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</p> <p>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai và phản hồi tự động thông báo chấp nhận nội dung khai hải quan trong trường hợp thông tin khai hải quan đầy đủ hoặc yêu cầu người khai hải quan bổ sung hồ sơ trong trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ.</p> <p>Trường hợp người khai không bổ sung hồ sơ, thông tin theo yêu cầu, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý sân bay xử lý theo quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>b) Chi cục Hải quan quản lý sân bay khai thác thông tin khai hải quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, hoặc thông tin từ hồ sơ giấy, các thông tin khác để kiểm tra, tổng hợp, phân tích.</p> <p>Trường hợp người khai hải quan không bổ sung hồ sơ thông tin đầy đủ theo quy định hoặc có cơ sở xác định trên</p>	<p><b>“Điều 63. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b></p> <p><b>1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:</b></p> <p>a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người phát hành vận đơn thứ cấp có trách nhiệm cung cấp đủ thông tin vận đơn thứ cấp đối với tàu bay nhập cảnh cho hãng hàng không để khai báo trong thời hạn quy định tại Điều 61 Nghị định này và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p>	<p>1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:</p> <p>a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và <del>nộp trên</del> <b>gửi đến</b> Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người phát hành vận đơn thứ cấp có trách nhiệm cung cấp đủ thông tin vận đơn thứ cấp đối với tàu bay nhập cảnh cho hãng hàng không để khai báo trong thời hạn quy định tại Điều 61 Nghị định này và <del>nộp trên</del> <b>gửi đến</b> Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu bay không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan <del>khai</del> <b>nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh</b> 01 bản chính chứng từ giấy <del>liên quan</del> quy định tại khoản 1,</p>	<p>định rõ ràng, thống nhất trong quá trình thực hiện.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý sân bay quyết định hình thức, biện pháp giám sát đối với tàu bay, kiểm tra thực tế tàu bay, quyết định mức độ kiểm tra hàng hóa, hành lý hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ quan Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý sân bay phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Thời hạn làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình đủ hồ sơ hải quan theo</p>	<p>c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu bay không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan khai 01 bản chính chứng từ giấy liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p>Ngay sau khi sự cố được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử</p>	<p>khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi làm giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p>Ngay sau khi sự cố được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quy định tại Điều 61 Nghị định này.</p> <p>2. [60] Giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</p> <p>a) Căn cứ thông tin do doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không thông báo theo quy định tại Điều 64 Nghị định này, cơ quan hải quan thực hiện giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay;</p> <p>b) Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, tạm giữ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p>			
		<p><b>2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:</b></p> <p><b>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn</b></p>	<p>2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:</p> <p>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Công thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;</i></p> <p><i>b) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.</i></p>	<p>không hợp lệ, Công thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>b) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.</p>		
		<p><i>3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</i></p> <p><i>a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Công thông tin một cửa quốc gia.</i></p> <p><i>Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa</i></p>	<p>3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</p> <p>a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Công thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh</p>	<p>Thực tế hiện nay khi cơ quan hải quan có thông tin về lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng chưa có quy định trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng để các bên có biện pháp xử lý. Do đó, để làm rõ biện pháp xử lý trong trường hợp hàng hóa có dấu hiệu vi phạm, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.</i></p> <p><i>Đối với tàu bay thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu bay không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;</i></p> <p><i>b) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho người khai hải quan;</i></p> <p><i>c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ quan Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ</i></p>	<p>doanh cảng, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; <b>trường hợp hàng hóa có dấu hiệu vi phạm, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng để xếp dỡ vào khu vực riêng hoặc vận chuyển đến khu vực có lắp đặt máy soi để kiểm tra trước.</b></p> <p>Đối với tàu bay thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu bay không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;</p> <p>b) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho người khai hải quan;</p> <p>c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ quan Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>điểm a khoản 3 Điều 63 nội dung cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng để xếp dỡ vào khu vực riêng hoặc vận chuyển đến khu vực có lắp đặt máy soi để cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra trước.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.</i>			
		<p><b>4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b></p> <p><b>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.</b></p> <p><b>Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận;</b></p> <p><b>b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</b></p>	<p>4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</p> <p>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận;</p> <p>b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</i></p> <p><b>5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b></p> <p><i>Cơ quan hải quan có trách nhiệm thực hiện việc giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay.</i></p> <p><i>Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông tin do doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không cung cấp theo quy định tại Điều 61 Nghị định này và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.</i></p>	<p>5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</p> <p>Cơ quan hải quan có trách nhiệm thực hiện việc giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay.</p> <p>Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông tin do doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không cung cấp theo quy định tại Điều 61 Nghị định này và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.</p> <p>Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn theo quy định của pháp luật.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn theo quy định của pháp luật.</i>			
	3. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử từ người khai hải quan và chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan tại cảng hàng không.	6. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử từ người khai hải quan và chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan tại cảng hàng không.”	<del>6. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử từ người khai hải quan và chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan tại cảng hàng không.”</del>	Tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định: “2. Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin.”  Do vậy, đề xuất bỏ quy định tại khoản 6 Điều 63 dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện theo quy định nêu trên.	
19.	<b>Điều 64. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh</b>	<b>40. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:</b>	<b>“Điều 64. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không, Hãng hàng</b>	- Tại điểm a khoản 1 Điều 64 bổ sung và quy định cụ thể thời điểm nộp hồ sơ hải quan	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>cảng hàng không</b></p> <p>1. [61] Chậm nhất 24 giờ đối với chuyến bay thường lệ hoặc chậm nhất 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ trước khi tàu bay nhập cảnh và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không có trách nhiệm cung cấp cho Chi cục Hải quan quản lý sân bay các thông tin sau đây:</p> <p>a) Quốc tịch tàu bay;</p> <p>b) Loại tàu bay;</p> <p>c) Hành trình bay;</p> <p>d) Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay;</p> <p>đ) Vị trí đỗ của tàu bay;</p> <p>e) Cửa vào của hành khách;</p> <p>g) Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay.</p> <p>2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không có trách nhiệm thông báo chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan</p>	<p><b>“Điều 64. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không, Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền</b></p> <p>1. <b>Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không:</b></p> <p>a) Chậm nhất 24 giờ đối với chuyến bay thường lệ hoặc chậm nhất 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ trước khi tàu bay nhập cảnh và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu <b>trên chuyến bay xuất cảnh và quá cảnh</b>, cung cấp cho Chi cục Hải quan quản lý sân bay <b>gồm</b> các thông tin sau:</p> <p><b>a.1)</b> Quốc tịch tàu bay;</p> <p><b>a.2)</b> Loại tàu bay;</p> <p><b>a.3)</b> Hành trình bay;</p> <p><b>a.4)</b> Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay;</p> <p><b>a.5)</b> Vị trí đỗ của tàu bay;</p> <p><b>a.6)</b> Cửa vào của hành khách;</p> <p><b>a.7)</b> Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay.</p>	<p><b>không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền</b></p> <p>1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không:</p> <p>a) Chậm nhất 24 giờ <b>trước khi tàu bay nhập cảnh</b> đối với chuyến bay thường lệ hoặc <b>chậm nhất</b> 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu trên chuyến bay xuất cảnh và <b>quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia</b> cung cấp cho Chi cục Hải quan quản lý sân bay gồm các thông tin sau:</p> <p>a.1) Quốc tịch tàu bay;</p> <p>a.2) Loại tàu bay;</p> <p>a.3) Hành trình bay;</p> <p>a.4) Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay;</p> <p>a.5) Vị trí đỗ của tàu bay;</p> <p>a.6) Cửa vào của hành khách;</p> <p>a.7) Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay.</p> <p><b>Thông báo cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin tại điểm a khoản 1 Điều này trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh;</b></p>	<p>“trước khi tàu bay nhập cảnh” và địa chỉ “thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia” gửi thông tin khai báo hải quan cho cơ quan hải quan; bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không trong việc thông báo cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 64 bổ sung điểm e quy định trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh khai thác mặt đất thay mặt hãng hàng không để cung cấp thông tin liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan.</p> <p>- Ngoài ra, một số nội dung sửa đổi khác mang tính chất kỹ thuật để đảm bảo quy định rõ ràng, thống nhất trong quá trình thực hiện.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hải quan khi có thay đổi về các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này.</p> <p>3. [62] Cơ quan kinh doanh cảng hàng không có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra với cơ quan Hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.</p> <p>4. [63] Trách nhiệm của Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền:</p> <p>a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Công thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh</p>	<p>b) Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, <b>thông báo</b> cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Chia sẻ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, hệ <b>thống máy soi tại nhà ga quốc tế</b> với cơ quan hải quan để phục vụ việc <b>kiểm tra</b>, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và <b>hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b>.</p> <p>2. Trách nhiệm của Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền:</p> <p>a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Công thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ</p>	<p><del>b) Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</del></p> <p><b>b)-e)</b> Chia sẻ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế với cơ quan hải quan để phục vụ việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.</p> <p>2. Trách nhiệm của Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền:</p> <p>a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Công thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;</p> <p>c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>ngành với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan.</i>	lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;  <i>c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh;</i>  <i>d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay.”</i>	nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh;  d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay;  <i>e) Cung cấp cho cơ quan hải quan thông tin hàng hóa đã bàn giao cho doanh nghiệp kinh doanh kho hàng không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.”</i>		
20.	Điều 65, 66, 67, 68 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung từ khoản 36 đến khoản 39 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP <b>Điều 65. Hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b> <sup>[64]</sup> 1. Đối với tàu biển nhập cảnh: a) Bản khai chung;	<b>41. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau:</b> <b>“Điều 65. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</b> 1. Đối với tàu biển nhập cảnh: <b>a) Hồ sơ hải quan:</b> <b>a.1)</b> Bản khai chung;	<b>“Điều 65. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng</b> 1. Đối với tàu biển nhập cảnh: a) Hồ sơ hải quan: a.1) Bản khai chung; a.2) Danh sách thuyền viên;	- Lý do sửa đổi, bổ sung điểm a.10, b.4 Khoản 1 Điều 65: Quy định hiện hành chưa có quy định về việc người khai hải quan phải nộp “ <i>Thông tin kế hoạch (sơ đồ) xếp hàng lên tàu đối với tàu biển có vận chuyển container</i> ” tại hồ sơ hải quan đối với tàu biển nhập cảnh; theo đó, qua rà soát nội dung khuyến nghị của Tổ chức	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p>c) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p>d) Danh sách thuyền viên;</p> <p>đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;</p> <p>e) Bản khai dự trữ của tàu;</p> <p>g) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;</p> <p>h) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.</p> <p>2. Đối với tàu biển xuất cảnh:</p> <p>a) Bản khai chung;</p> <p>b) Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p>c) Danh sách thuyền viên;</p> <p>d) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;</p>	<p><b>a.2)</b> Danh sách thuyền viên;</p> <p><b>a.3)</b> Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;</p> <p><b>a.4)</b> Bản khai dự trữ của tàu;</p> <p><b>a.5)</b> Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;</p> <p><b>a.6)</b> Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p><b>a.7)</b> Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p><b>a.8)</b> Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm;</p> <p><b>a.9) Thông tin lệnh giao hàng.</b></p> <p><b>b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>b.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 08 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng;</b></p> <p><b>b.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 12 giờ trước khi</b></p>	<p>a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;</p> <p>a.4) Bản khai dự trữ của tàu;</p> <p>a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;</p> <p>a.6) Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p>a.7) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p>a.8) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm;</p> <p>a.9) Thông tin lệnh giao hàng.</p> <p><b>a.10) Thông tin kế hoạch (sơ đồ) xếp hàng lên tàu đối với tàu biển có vận chuyển container .</b></p> <p>b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:</p> <p>b.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 08 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng;</p> <p>b.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 12 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày hoặc chậm nhất 24 giờ trước</p>	<p>Hải quan Thế giới (WCO) tại Khung Tiêu chuẩn an ninh và tạo thuận lợi thương mại toàn cầu (SAFE) thì đây là thông tin cần có để góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hải quan cũng như đảm bảo an ninh, an toàn khu vực cảng biển. Do vậy, đề xuất bổ sung tại khoản 1 Điều 65 dự thảo Nghị định việc người khai hải quan sẽ phải nộp Thông tin kế hoạch xếp hàng lên tàu đối với tàu biển nhập cảnh chậm nhất 48h sau khi tàu biển rời cảng hoặc trước khi tàu dự kiến cập cảng (đối với tàu biển có hành trình dưới 48h) theo khuyến nghị của WCO.</p> <p>- Lý do sửa đổi, bổ sung điểm c.2 khoản 1 Điều 65: Thực tế phát sinh yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung về tên hàng, số lượng, trọng lượng, tuy nhiên pháp luật hải quan hiện hành chưa có quy định rõ đối với trường hợp này. Do vậy, để đảm bảo cơ sở pháp lý và tránh việc tùy tiện khai sai về tên hàng, số</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>đ) Bản khai dự trữ của tàu; e) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách. g) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a khoản này. 3. Đối với tàu biển quá cảnh Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh. 4. Hồ sơ tàu chuyển cảng Người khai hải quan gửi hồ sơ, chứng từ theo quy định tại</p>	<p><b>tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày hoặc chậm nhất 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình khác;</b></p> <p><b>b.3) Chứng từ quy định tại điểm a.9 khoản 1 Điều này: sau khi phát hành lệnh giao hàng cho người nhận hàng.</b></p> <p><b>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng;</b></p> <p><b>c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.6, a.7, a.8, a.9 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng hoặc khi có biên bản chứng nhận về hàng hóa thừa, thiếu có xác nhận của cơ quan hải quan.</b></p> <p>2. Đối với tàu biển xuất cảnh:</p>	<p>khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình khác;</p> <p>b.3) Chứng từ quy định tại điểm a.9 khoản 1 Điều này: sau khi phát hành lệnh giao hàng cho người nhận hàng.</p> <p><b>b.4) Chứng từ quy định tại điểm a.10 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 48 giờ sau khi tàu biển rời cảng; đối với tàu biển có hành trình dưới 48 giờ thì nộp trước khi tàu dự kiến cập cảng.</b></p> <p>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:</p> <p>c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng;</p> <p>c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.6, a.7, a.8, a.9, a.10 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng hoặc khi có biên bản chứng nhận <b>sai khác</b> về <b>tên</b> hàng <b>hóa</b>; thừa, thiếu <b>sau khi khai thác tại địa điểm thu gom hàng lẻ về số lượng, trọng lượng</b> có xác nhận của cơ quan hải quan.</p> <p>2. Đối với tàu biển xuất cảnh:</p> <p>a) Hồ sơ hải quan:</p> <p>a.1) Bản khai chung;</p>	<p>lượng, trọng lượng để gian lận thương mại thì dự thảo Nghị định cần bổ sung quy định làm rõ trường hợp người khai hải quan được phép khai sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 63: Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>Điều 95, Điều 97 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 thông qua Công thông tin một cửa quốc gia.</p>	<p><b>a) Hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>a.1)</b> Bản khai chung;</p> <p><b>a.2)</b> Danh sách thuyền viên;</p> <p><b>a.3)</b> Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;</p> <p><b>a.4)</b> Bản khai dự trữ của tàu;</p> <p><b>a.5)</b> Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;</p> <p><b>a.6)</b> Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p><b>a.7)</b> Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.</p> <p>Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm <b>a.1</b> khoản <b>2 Điều</b> này.</p> <p><b>b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu dự kiến rời cảng;</b></p>	<p>a.2) Danh sách thuyền viên;</p> <p>a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;</p> <p>a.4) Bản khai dự trữ của tàu;</p> <p>a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;</p> <p>a.6) Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;</p> <p>a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.</p> <p>Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu dự kiến rời cảng;</p> <p>c) Thời hạn sửa đổi hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng.</p> <p>3. Đối với tàu biển quá cảnh</p> <p>Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><b><i>c) Thời hạn sửa đổi hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng.</i></b></p> <p>3. Đối với tàu biển quá cảnh</p> <p>Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan <b><i>thực hiện</i></b> theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh <b><i>theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.</i></b></p> <p>4. <b><i>Đối với</i></b> tàu <b><i>biển</i></b> chuyển cảng</p> <p><b><i>Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng và chứng từ liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng đến tiếp theo.</i></b></p>	<p>lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Đối với tàu biển chuyển cảng</p> <p>Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng và chứng từ liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng đến tiếp theo.”</p>		
21.	<p><b>Điều 66. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan</b></p> <p><i>1.[65] Đối với tàu biển nhập cảnh:</i></p> <p><i>a) Bản khai hàng hóa, thông tin về vận đơn: Chậm nhất là 12 giờ trước khi dự kiến cập</i></p>	<p><b>Bãi bỏ Điều 66. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan</b></p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày; chậm nhất 24 giờ trước khi dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình khác;</i></p> <p><i>b) Các chứng từ nêu tại các Điểm a, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 65 Nghị định này: Chậm nhất 08 giờ trước khi dự kiến cập cảng.</i></p> <p>2. Đối với tàu biển xuất cảnh: Thời hạn cung cấp các thông tin về các chứng từ quy định tại Khoản 2 Điều 65 Nghị định này chậm nhất là 01 giờ trước khi xuất cảnh.</p> <p>3. Đối với tàu biển quá cảnh: Khi nhập cảnh, thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này; khi xuất cảnh, nếu phải khai hải quan thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>4. <a href="#">[66]</a> Người khai hải quan nộp các chứng từ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định này thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính quy</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>định. Trường hợp người khai hải quan không có đầy đủ thông tin về vận đơn thư cấp thì người phát hành vận đơn thư cấp gửi thông tin của vận đơn thư cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.</i></p> <p><i>Trường hợp hệ thống gặp sự cố không thực hiện được các giao dịch điện tử và trường hợp nộp hồ sơ giấy thì người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan các chứng từ giấy tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65 Nghị định này theo quy định của Bộ Tài chính trong thời hạn chậm nhất 02 giờ kể từ khi tàu biển đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại các trí khác trong vùng nước cảng theo kế hoạch điều động.</i></p> <p><i>Ngay sau khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</i></p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	5. <del>[67]</del> (được bãi bỏ)				
22.	<p><b>Điều 67.<del>[68]</del> Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan</b></p> <p>1. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh</p> <p>a) Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.</p> <p>Trường hợp thông tin khai đầy đủ các chỉ tiêu theo quy định thì cơ quan Hải quan gửi thông báo chấp nhận nội dung khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>Trường hợp thông tin khai hải quan chưa đầy đủ thì cơ quan Hải quan thông báo lý do chưa tiếp nhận và yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Trường hợp có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái</p>	<p>42. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:</p> <p><b>“Điều 67. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng</b></p> <p><b>1. Đăng ký thông tin chung về tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</b></p> <p>a) Người khai hải quan thực hiện đăng ký thông tin chung về tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu gồm các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trước khi khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh và nộp đến Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin đăng ký, cấp số quản lý tàu biển duy nhất cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai báo đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan hải quan phản hồi kết quả từ chối chấp nhận và nêu rõ lý do trong</p>	<p><b>“Điều 67. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng</b></p> <p><b>1. Đăng ký thông tin về tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</b></p> <p>a) Người khai hải quan thực hiện đăng ký thông tin chung về tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu gồm các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trước khi khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh và nộp đến Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin đăng ký, cấp số quản lý tàu biển duy nhất cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai báo đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan hải quan phản hồi kết quả từ chối chấp nhận và nêu rõ lý do trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin đăng ký;</p> <p>c) Thông tin chung về tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã đăng ký khi có sửa đổi, bổ sung, hủy phải được người khai hải quan khai và nộp đến Cổng thông tin một cửa quốc gia. Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, cập nhật thông tin thay đổi.</p>	<p>- Để thống nhất việc quản lý thông tin phương tiện vận tải thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, đồng bộ các quy định pháp lý có liên quan, đề xuất đưa nội dung bổ sung khoản 1 Điều 67 nêu trên sang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế tàu biển hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Trường hợp người khai hải quan nộp hồ sơ giấy: Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra các chứng từ thuộc bộ hồ sơ quy định tại Điều 65 Nghị định này, thông báo cho cơ quan cảng vụ để làm thủ tục cho phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì yêu cầu người khai hải quan bổ sung theo quy định;</p> <p>d) Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch, cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.</p>	<p><b>thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin đăng ký;</b></p> <p><b>c) Thông tin chung về tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã đăng ký khi có sửa đổi, bổ sung, hủy phải được người khai hải quan khai và nộp đến Cổng thông tin một cửa quốc gia. Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, cập nhật thông tin thay đổi.</b></p> <p><b>Quy định tại khoản 1 Điều này chỉ thực hiện khi Cổng thông tin một cửa quốc gia có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định này.</b></p>	<p><del>Quy định tại khoản 1 Điều này chỉ thực hiện khi Cổng thông tin một cửa quốc gia có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định này.</del></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng</p> <p>a) Tại nơi tàu biển nhập cảnh, cơ quan Hải quan thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 Điều này; kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để nắm thông tin tàu biển đến cảng, rời cảng. Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập cảnh hoặc Chi cục Hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do cảng vụ hàng hải, hãng tàu/đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ Tài chính gửi đến Chi cục hải quan nơi tàu dự kiến đến.</p> <p>b) Tại nơi tàu đến hoặc nơi tàu biển xuất cảnh: Tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho Chi cục hải quan nơi lập phiếu và thực</p>	<p>2. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p>a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp người khai hải quan không có thông tin vận đơn thứ cấp thì cung cấp số tiếp nhận hồ sơ tàu biển nhập cảnh cho người phát hành vận đơn thứ cấp để khai đầy đủ thông tin vận đơn thứ cấp trong thời hạn quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung đối với chứng từ quy định tại điểm a.6, điểm a.7, điểm a.8 khoản 1; điểm a.6, điểm a.7 khoản 2 Điều 65 Nghị định này</p>	<p>1.2. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p>a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, <b>hoặc</b> khoản 2 Điều 65 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và <b>nộp trên gửi đến</b> Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp người khai hải quan không có thông tin vận đơn thứ cấp thì cung cấp số tiếp nhận hồ sơ tàu biển nhập cảnh <b>được cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia</b> cho người phát hành vận đơn thứ cấp để khai đầy đủ thông tin vận đơn thứ cấp trong thời hạn quy định và <b>gửi đến nộp trên</b> Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan <b>đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh</b> đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và <b>gửi kèm bản chụp giấy tờ</b> nộp chứng từ giải trình, chứng minh <b>việc nội dung</b> sửa đổi, bổ sung <b>đối với</b> chứng từ quy định tại điểm a.6, điểm a.7, điểm a.8 khoản 1; <b>hoặc</b> điểm a.6, điểm a.7 khoản 2 Điều 65 Nghị định này <b>đến trên</b> Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu biển không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai <b>thông tin</b> và <b>gửi</b> đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài</p>	<p>TCHQ nhận được báo cáo vướng mắc của Cục hải quan địa phương (Hải Phòng, Quảng Ninh) nơi có hoạt động giám sát hải quan đặc thù là xếp dỡ, giao nhận hàng hóa từ PTVT XNC xuống PTVT nội địa và ngược lại, PTVT XNC neo đậu tại khu vực cảng nổi (như khu vực Hòn Nét, Hòn Gai...) cách xa khu vực đất liền (có vị trí cách xa đến 10 hải lý) dẫn đến phát sinh khó khăn trong quá trình giám sát hải quan, cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành chưa có quy định người khai hải quan phải thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải để cơ quan hải quan có thông tin thực hiện giám sát theo quy định.</li> <li>- Do đặc thù loại hình hàng hóa chuyển tải, sang mạn là hàng rời, hàng lỏng (không thể giám sát trực quan bằng mắt thường) hay tàu XNC và tàu nội địa khi chuyển tải thực</li> </ul>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>c) Trong trường hợp tàu biển tiếp tục có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng khác tiếp theo tại Việt Nam thì thực hiện theo điểm a khoản này.</p> <p>d) Trường hợp hệ thống gặp sự cố không thực hiện được các giao dịch điện tử và trường hợp người khai hải quan nộp hồ sơ giấy: Cơ quan Hải quan nơi tàu nhập cảnh hoặc nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan Hải quan nơi tàu đến hoặc nơi tàu xuất cảnh. Cơ quan Hải quan nơi tàu xuất cảnh hoặc nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do Cơ quan Hải quan nơi tàu nhập cảnh/nơi tàu rời đi</p>	<p><b>trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</b></p> <p><b>c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu biển không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</b></p> <p><b>d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.</b></p> <p><b>Ngay sau khi sự cố Hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</b></p> <p><b>Đối với chứng từ quy định tại điểm a.9 khoản 1 Điều 65 Nghị định này, người khai hải quan chỉ khai và</b></p>	<p>chính quy định <b>và gửi đến</b> trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p>Ngay sau khi sự cố Hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>Đối với chứng từ quy định tại điểm a.9, <b>điểm a.10</b> khoản 1 Điều 65 Nghị định này, người khai hải quan chỉ khai và nộp khi Cổng thông tin một cửa quốc gia có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan vẫn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p><b>đ) Trường hợp tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh có hoạt động chuyển tải, sang mạn tại khu neo</b></p>	<p>hiện việc chuyển tải thông qua các trang thiết bị (cần cầu chuyên dùng, đường ống) nên công chức hải quan không thể trực tiếp lên tàu để kiểm tra hoặc thực hiện phương thức giám sát như niêm phong hải quan và cũng không thể di chuyển theo các tàu chuyển tải do số lượng tàu chuyển tải nhiều trong khi lực lượng giám sát của hải quan ít.</p> <p>Do vậy, để cơ quan hải quan có cơ sở pháp lý, có đầy đủ thông tin và có biện pháp giám sát phù hợp để đảm bảo công tác giám sát hàng hóa, đề xuất:</p> <p>+ Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 67 dự thảo Nghị định theo hướng:</p> <p><b>“đ) Trường hợp tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh có hoạt động chuyển tải, sang mạn tại khu neo đậu, chuyển tải do cơ quan có thẩm quyền công bố thì trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải, người khai hải quan thông báo kế hoạch chuyển</b></p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ và thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh theo quy định.</p> <p>3. Trách nhiệm của người khai hải quan:</p> <p>Khai báo thông tin theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 65, Điều 66 Nghị định này khi tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh.</p> <p>Khi tàu biển chuyển cảng nộp cho cơ quan hải quan các chỉ tiêu thông tin thuộc chứng từ theo quy định tại Điều 95, Điều 97 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 thông qua Công thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>4. Thông tin, hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh khi có thay đổi phải được người khai hải quan gửi sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>nộp khi Công thông tin một cửa quốc gia có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định này.</b></p> <p><b>Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.</b></p> <p>3. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p><b>a) Công thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Công thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;</b></p>	<p><b>đậu, chuyển tải do cơ quan có thẩm quyền công bố thì trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải, người khai hải quan thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh để cơ quan hải quan thực hiện giám sát theo quy định.</b></p> <p><b>2. 3.</b> Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p>a) Công thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Công thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>b) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.</p> <p><b>3. 4.</b> Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p>a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập</p>	<p><b>tải, sang mạn cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh để cơ quan hải quan thực hiện giám sát theo quy định. ”</b></p> <p>+ Bổ sung điểm c khoản 6 Điều 67 dự thảo Nghị định theo hướng:</p> <p><b>c) Trên cơ sở thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn, cơ quan hải quan thực hiện giám sát trên nguyên tắc quản lý rủi ro. Hàng hóa vận chuyển từ khu vực neo đậu, chuyển tải đến cảng dỡ hàng phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan. ”</b></p> <p><b>- Lý do bổ sung “trường hợp có dấu hiệu vi phạm...” tại điểm a khoản 3 Điều 67:</b></p> <p>Thực tế hiện nay khi cơ quan hải quan có thông tin về lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng chưa có quy định trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng để các bên có biện pháp xử lý.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thời hạn gửi thông tin sửa đổi, bổ sung:</p> <p>a) Trước hoặc ngay sau khi tàu biển nhập cảnh vào vị trí neo đậu đối với các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định này trừ thông tin quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 65 phải gửi trước hoặc sau khi tàu biển nhập cảnh và nộp cho cơ quan hải quan các giấy tờ giải trình, chứng minh việc sửa đổi, bổ sung.</p> <p>b) Trước thời điểm tàu biển xuất cảnh đối với thông tin quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định này trừ thông tin tại điểm b khoản 2 Điều 65 phải gửi trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu xuất cảnh và nộp cho cơ quan hải quan các giấy tờ giải trình, chứng minh việc sửa đổi, bổ sung.</p> <p>c) Đối với tàu biển quá cảnh hoặc chuyển cảng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này khi nhập cảnh và</p>	<p><b>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.</b></p> <p>4. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p>a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p><b>Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.</b></p>	<p>cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; <b>trường hợp hàng hóa có dấu hiệu vi phạm, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng để xếp dỡ vào khu vực riêng hoặc vận chuyển đến khu vực có lắp đặt máy soi để kiểm tra trước.</b></p> <p>Đối với tàu biển thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu biển không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;</p> <p>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Cảng vụ hàng hải để làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh;</p> <p>c) Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu biển vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường của Hãng tàu không thực</p>	<p>Do đó, để làm rõ biện pháp xử lý trong trường hợp hàng hóa có dấu hiệu vi phạm, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 67 nội dung cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng để xếp dỡ vào khu vực riêng hoặc vận chuyển đến khu vực có lắp đặt máy soi để cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra trước.</p> <p>- Ngoài ra, tại Điều này sửa đổi một số nội dung mang tính chất kỹ thuật để đảm bảo quy định rõ ràng, thống nhất trong quá trình thực hiện.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>thực hiện theo điểm b khoản này khi xuất cảnh.</p> <p>d) Trường hợp người khai hải quan sửa đổi bổ sung hồ sơ giấy đã nộp cho cơ quan hải quan thì thời điểm khai báo sửa đổi bổ sung thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này.</p> <p>5. Xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc chuyển cảng</p> <p>Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, nơi tàu đến cảng hoặc tàu rời cảng căn cứ giấy tờ giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra thông tin khai sửa đổi, bổ sung và thực hiện:</p> <p>a) Cập nhật vào hệ thống, hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp không chấp nhận;</p> <p>b) Áp dụng các biện pháp quản lý, giám sát theo quy định và cung cấp thông tin cho các đơn vị, cơ quan chức</p>	<p><b>Đối với tàu biển thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu biển không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;</b></p> <p><b>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Cảng vụ hàng hải để làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh;</b></p> <p><b>c) Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu biển vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường của Hãng tàu không thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 68 Nghị định này.</b></p> <p><b>Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch và cơ quan có thẩm quyền khác thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ</b></p>	<p>hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 68 Nghị định này.</p> <p>Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch và cơ quan có thẩm quyền khác thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.</p> <p><b>4.5.</b> Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng:</p> <p>a) Đối với tàu biển quá cảnh</p> <p>Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này ngay tại cơ quan hải quan tại nơi tàu biển nhập cảnh.</p> <p>Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam năm 2012; thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng;</p> <p>b) Đối với tàu biển chuyển cảng:</p> <p>b.1) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>năng để thực hiện nghiệp vụ có liên quan.</p> <p>6. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình đủ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.</p>	<p><b>quan chức năng xử lý theo quy định.</b></p> <p><b>5. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng:</b></p> <p><b>a) Đối với tàu biển quá cảnh</b></p> <p><b>Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này ngay tại cơ quan hải quan tại nơi tàu biển nhập cảnh.</b></p> <p><b>Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam năm 2012; thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng;</b></p> <p><b>b) Đối với tàu biển chuyển cảng:</b></p> <p><b>b.1) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do Cảng vụ hàng hải, Hãng tàu/Đại lý hãng</b></p>	<p>tàu chuyển cảng do Cảng vụ hàng hải, Hãng tàu/Đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi đến cơ quan hải quan nơi tàu dự kiến đến;</p> <p>b.2) Cơ quan hải quan tại nơi tàu đến tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho hải quan nơi lập phiếu và thực hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này;</p> <p>b.3) Trường hợp Hệ thống gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến.</p> <p>Cơ quan hải quan nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do cơ quan hải quan nơi tàu rời đi chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ.</p> <p><b>5. 6.</b> Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:</p> <p>a) Công thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi đến cơ quan hải quan nơi tàu dự kiến đến;</i></p> <p><i>b.2) Cơ quan hải quan tại nơi tàu đến tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho hải quan nơi lập phiếu và thực hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này;</i></p> <p><i>b.3) Trường hợp Hệ thống gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến.</i></p> <p><i>Cơ quan hải quan nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do cơ quan hải quan nơi tàu rời đi chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ.</i></p>	<p>cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Công thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận;</p> <p>b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Công thông tin một cửa quốc gia;</p> <p>c) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p><b>6.7</b> Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:</p> <p>a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><b>6. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:</b></p> <p><b>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.</b></p> <p><b>Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận;</b></p> <p><b>b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</b></p> <p><b>c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải</b></p>	<p>pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;</p> <p>b) Trong quá trình giám sát tàu biển neo đậu, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý địa bàn giám sát, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội điều tra hình sự, Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền quyết định việc kiểm tra thực tế tàu biển, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có) hoặc thực hiện dừng, tạm hoãn việc khởi hành tàu biển theo quy định của pháp luật;</p> <p><b>c) Trên cơ sở thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn, cơ quan hải quan thực hiện giám sát trên nguyên tắc quản lý rủi ro. Hàng hóa vận chuyển từ khu vực neo đậu, chuyển tải đến cảng dỡ hàng phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.”</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</i></p> <p><i>7. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:</i></p> <p><i>a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;</i></p> <p><i>b) Trong quá trình giám sát tàu biển neo đậu, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý địa bàn giám sát, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá</i></p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>cảnh, chuyển cảng, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội điều tra hình sự, Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền quyết định việc kiểm tra thực tế tàu biển, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có) hoặc thực hiện dừng, tạm hoãn việc khởi hành tàu biển theo quy định của pháp luật.”</i>			
23.	<p><b>Điều 68. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, Thuyền trưởng và Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền</b><sup>[69]</sup></p> <p>1. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải</p> <p>a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, Cảng vụ hàng hải phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý tại cảng biển biết để phối hợp;</p>	<p><b>43. Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau:</b></p> <p>“Điều 68. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, Thuyền trưởng và Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền</p> <p>1. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải:</p> <p>a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, Cảng vụ hàng hải phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản</p>	<p>“Điều 68. Trách nhiệm của <b>Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, Thuyền trưởng và Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền</b></p> <p>1. Trách nhiệm của <b>Cảng vụ hàng hải</b>:</p> <p>a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, <b>Cảng vụ hàng hải</b> phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết để phối hợp;</p> <p>b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu <b>(bao gồm trường hợp để tránh trú</b></p>	<p>TCHQ nhận được báo cáo vướng mắc của Cục hải quan địa phương (Hải Phòng, Quảng Ninh) nơi có hoạt động giám sát hải quan đặc thù là xếp dỡ, giao nhận hàng hóa từ PTVT XNC xuống PTVT nội địa và ngược lại, PTVT XNC neo đậu tại khu vực cảng nổi (như khu vực Hòn Nét, Hòn Gai...) cách xa khu vực đất liền (có vị trí cách xa đến 10 hải lý) dẫn đến phát sinh khó khăn trong quá trình giám sát hải quan, cụ thể như:</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý khác tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển;</p> <p>c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan Hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì cảng vụ hàng hải gửi 01 bản sao cho cơ quan Hải quan.</p> <p>2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển:</p> <p>a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan Hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối</p>	<p>lý <b>nhà nước chuyên ngành khác</b> tại cảng biển biết để phối hợp;</p> <p>b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý <b>nhà nước chuyên ngành khác</b> tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển;</p> <p>c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản chụp cho cơ quan hải quan.</p> <p>2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển:</p> <p>a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu biển và hàng</p>	<p><b>bão</b> của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển;</p> <p>c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản chụp cho cơ quan hải quan.</p> <p><b>d) Chia sẻ thông tin hệ thống nhận dạng tự động tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát hải quan.</b></p> <p>2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển:</p> <p>a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu biển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được <b>đưa vào</b>, lưu giữ, <b>đưa ra</b> tại khu vực cảng biển;</p> <p>b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng <b>hoặc trước khi đưa hàng vào cảng</b>, doanh nghiệp kinh doanh cảng <b>cung cấp</b> phải thông báo cho cơ quan hải quan <b>sơ đồ kho, bãi</b>, vị trí <b>kho, bãi</b> dự</p>	<p>- Quy định hiện hành chưa có quy định người khai hải quan phải thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải để cơ quan hải quan có thông tin thực hiện giám sát theo quy định.</p> <p>- Do đặc thù loại hình hàng hóa chuyển tải, sang mạn là hàng rời, hàng lỏng (không thể giám sát trực quan bằng mắt thường) hay tàu XNC và tàu nội địa khi chuyển tải thực hiện việc chuyển tải thông qua các trang thiết bị (cần cầu chuyên dùng, đường ống) nên công chức hải quan không thể trực tiếp lên tàu để kiểm tra hoặc thực hiện phương thức giám sát như niêm phong hải quan và cũng không thể đi chuyển theo các tàu chuyển tải do số lượng tàu chuyển tải nhiều trong khi lực lượng giám sát của hải quan ít.</p> <p>Do vậy, để cơ quan hải quan có cơ sở pháp lý, có đầy đủ thông tin và có biện pháp giám</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>với tàu biển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ tại khu vực cảng biển;</p> <p>b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng, doanh nghiệp kinh doanh cảng phải thông báo cho cơ quan hải quan vị trí kho, bãi dự kiến lưu giữ hàng hóa nhập khẩu;</p> <p>c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng</p> <p>a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có thẩm quyền quy định. Trường hợp</p>	<p>hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ tại khu vực cảng biển;</p> <p>b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng, doanh nghiệp kinh doanh cảng phải thông báo cho cơ quan hải quan vị trí kho, bãi dự kiến lưu giữ hàng hóa nhập khẩu;</p> <p>c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:</p> <p>a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có thẩm quyền quy định. Trường hợp phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép;</p>	<p>kiến lưu giữ hàng hóa <b>xuất khẩu</b>, nhập khẩu <b>và thông tin phương tiện vận tải dự kiến vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông qua hệ thống</b>;</p> <p>c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan <b>và cung cấp thông tin</b> đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, <b>phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</b> đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:</p> <p>a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có thẩm quyền quy định. Trường hợp phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép;</p> <p>b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền <b>cấp phép công bố</b>;</p> <p>c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ</p>	<p>sát phù hợp để đảm bảo công tác giám sát hàng hóa bao gồm trường hợp giám sát đối với tàu xuất nhập cảnh có yêu cầu di chuyển để tránh trú bão, đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và điểm d khoản 1 (trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải) Điều 68 dự thảo Nghị định theo hướng:</p> <p><b>d) Chia sẻ thông tin hệ thống nhận dạng tự động tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát hải quan.</b></p> <p>- Một số sửa đổi mang tính chất kỹ thuật tại điểm b, c khoản 3 và điểm c khoản 4 để đảm bảo nội dung được rõ ràng.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép;</p> <p>b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>4. Trách nhiệm của Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền</p> <p>a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Công thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan.</p>	<p>b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền cấp phép;</p> <p><b>c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</b></p> <p>4. Trách nhiệm của Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền:</p> <p>a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Công thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ</p>	<p>điều kiện tập kết tại cảng, <b>kho, bãi</b> do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo <b>khi tàu nhập cảnh</b> ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</p> <p>4. Trách nhiệm của Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền:</p> <p>a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Công thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;</p> <p>c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng, <b>kho, bãi</b> do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo <b>khi tàu nhập cảnh</b> ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;</p> <p><i>c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.”</i></p>			
24.	<p><b>Điều 70. Hồ sơ hải quan đối với tàu xuất cảnh</b></p> <p><i>1.[70] Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa:</i></p> <p><i>a) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa: 01 bản chính;</i></p> <p><i>b) Vận đơn (nếu có): 01 bản chụp;</i></p> <p><i>c) Bản trích lược khai hàng hóa xuất khẩu tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</i></p> <p><i>d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách</i></p>	<p><b>44. Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 70. Hồ sơ hải quan đối với tàu xuất cảnh</b></p> <p>1. Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa:</p> <p>a) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: 01 bản chính;</p> <p>b) Vận đơn (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>c) Bản trích lược khai hàng hóa tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do <b>Bộ trưởng</b> Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;</p>	<p><b>“Điều 70. Hồ sơ hải quan đối với tàu <b>hỏa</b> xuất cảnh</b></p> <p>1. Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa:</p> <p>a) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: <b>01 bản chính;</b></p> <p>b) Vận đơn (nếu có): <b>01 bản chụp;</b></p> <p>c) Bản trích lược khai hàng hóa tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: <b>01 bản chính;</b></p> <p>d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có): <b>01 bản chính.</b></p> <p>2. Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:</p>	<p>Phù hợp với quy định về việc khai thủ tục hải quan tàu XNC trên Cổng thông tin một cửa quốc gia</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có): 01 bản chính.</p> <p>2. [71] Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:</p> <p>a) Chứng từ nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Giấy giao tiếp hàng hóa: 01 bản chính;</p> <p>c) Vận đơn (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>d) Bản xác báo thứ tự lập tàu: 01 bản chính;</p> <p>đ) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có): 01 bản chính.</p>	<p>d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có): 01 bản chính.</p> <p>2. Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:</p> <p>a) Chứng từ nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Giấy giao tiếp hàng hóa: 01 bản chính;</p> <p>e) Vận đơn (nếu có): 01 bản chụp;</p> <p>c) Bản xác báo thứ tự lập tàu: 01 bản chính;</p> <p>d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có): 01 bản chính.”</p>	<p>a) Chứng từ nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Giấy giao tiếp hàng hóa: <del>01 bản chính;</del></p> <p>c) Bản xác báo thứ tự lập tàu: <del>01 bản chính;</del></p> <p>d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có): <del>01 bản chính.”</del></p>		
25.	<p><b>Điều 71. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan</b></p> <p>1. Đối với tàu nhập cảnh: Ngay sau khi tàu nhập cảnh đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa Trường ga hoặc</p>	<p><b>45. Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 71. Thời hạn cung cấp thông tin và tiếp nhận hồ sơ hải quan</b></p> <p><b>1. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>1. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan:</b></p>	<p><b>“Điều 71. Thời hạn cung cấp thông tin và tiếp nhận hồ sơ hải quan</b></p> <p>1. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Đối với tàu nhập cảnh:</p> <p><b>Chậm nhất 30 phút trước khi tàu đến ga đường sắt liên vận quốc tế, người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại Điều 69 Nghị</b></p>	<p>Để đảm bảo cơ sở pháp lý, cụ thể hóa mục tiêu số hóa các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan theo yêu cầu tại Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030 và đảm bảo cơ</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp cho Hải quan chứng từ quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 69 Nghị định này.</p> <p>2. Đối với tàu xuất cảnh: Chậm nhất 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng trước khi tàu xuất cảnh rời ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới, Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp cho Hải quan các chứng từ quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 70 Nghị định này.</p> <p>3. Trước khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh, Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp được thực hiện khai bổ sung trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu có sự sai lệch như tên hàng, trọng lượng, số lượng (tăng hay giảm) giữa hàng hóa thực tế chuyên chở so với</p>	<p><b>a) Đối với tàu nhập cảnh:</b></p> <p><b>a.1) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 69 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới;</b></p> <p><b>a.2) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Nộp các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.</b></p> <p><b>Trưởng hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì người khai hải quan nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 69 Nghị định khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới và nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị</b></p>	<p><b>định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia.</b></p> <p>b) Đối với tàu xuất cảnh:</p> <p><b>b) Đối với tàu xuất cảnh: Chậm nhất 01 giờ đối với tàu hàng hoặc chậm nhất 30 phút đối với tàu khách trước khi tàu rời ga đường sắt liên vận quốc tế, người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại Điều 70 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia.</b></p> <p>c) Trưởng hợp <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia</b> gặp sự cố; thì người khai hải quan nộp, xuất trình:</p> <p><b>c.1) Đối với tàu nhập cảnh: Ngay sau khi tàu nhập cảnh đến ga đường sắt liên vận quốc tế, người khai hải quan nộp 01 bản chính</b> chứng từ giấy quy định tại <del>khoản 1</del> Điều 69 Nghị định cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới và các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa;</p> <p><b>c.2) Đối với tàu xuất cảnh: Chậm nhất 01 giờ đối với tàu hàng hoặc chậm nhất 30 phút đối với tàu khách trước khi tàu rời ga đường sắt liên vận quốc tế, người khai hải quan nộp 01</b></p>	<p>quan hải quan có thời gian phân tích, đánh giá rủi ro trước, đề xuất bổ sung quy định làm rõ thời hạn cung cấp và phương thức cung cấp thông tin hồ sơ hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc trực tiếp trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố.</p> <p>Ngoài ra, tại Nghị định thư Hội nghị đường sắt biên giới Việt Nam – Trung Quốc quy định trách nhiệm trưởng ga biên giới quy định: "30 phút trước khi tàu xuất phát, cứ thứ tự lập tàu tiến hành xác báo loại toa xe, số hiệu toa xe, số lượng và số hiệu toa xe có phủ bạt, số lượng bạt trả, xe nặng, xe rỗng, tên hàng, ga đến, người nhận hàng, loại đầu máy, số hiệu đầu máy phụ đẩy và hàng quá khổ giới hạn.". Do vậy, tại khoản 1 Điều 61 bổ sung thời hạn khai hồ sơ hải quan trước 30 phút khi tàu nhập cảnh.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>chứng từ vận đơn, bản trích lược khai, giấy giao tiếp hàng hóa, đã nộp cho Hải quan;</p> <p>b) Những thay đổi khác so với chứng từ đã nộp về phương tiện, hàng hóa, hành lý xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ trong kho, bãi, xuất kho, nhập kho.</p> <p>4. [72] Trưởng ga hoặc trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp các chứng từ quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành.</p>	<p><b><i>định này khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.</i></b></p> <p><b><i>b) Đối với tàu xuất cảnh:</i></b></p> <p><b><i>b.1) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng;</i></b></p> <p><b><i>b.2) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Nộp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.</i></b></p> <p><b><i>Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì người khai hải quan nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định</i></b></p>	<p><b><i>bản chính</i></b> chứng từ giấy quy định tại <del>khoản 1 Điều 70</del> Nghị định này cho hải quan ga liên vận quốc tế <del>trong nội địa trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng; các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này nộp</del> cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới <del>trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.</del></p> <p><b><i>a) Đối với tàu nhập cảnh:</i></b></p> <p><b><i>a.1) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 69 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới;</i></b></p> <p><b><i>a.2) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Nộp các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.</i></b></p> <p><b><i>Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì người khai hải quan nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 69 Nghị định khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới</i></b></p>	<p>Đề xuất bỏ khoản 3 Điều 71 về tiếp nhận hồ sơ hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, lý do: nội dung khoản 3 này được đưa vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. Nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.</i></p> <p><i>2. Thời hạn sửa đổi bổ sung thông tin hồ sơ hải quan</i></p> <p><i>Người khai hải quan khai bổ sung các chứng từ, chỉ tiêu thông tin trước và sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng tại Giấy giao tiếp hàng hóa và Bản trích lược khai hàng hóa đối với tàu nhập cảnh thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam.</i></p> <p><i>3. Tiếp nhận hồ sơ hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:</i></p>	<p>và nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.</p> <p><b>b) Đối với tàu xuất cảnh:</b></p> <p><b>b.1) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa:</b> Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng;</p> <p><b>b.2) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới:</b> Nộp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.</p> <p>Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì người khai hải quan nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. Nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>a) Ngay sau khi người khai hải quan cung cấp thông tin hồ sơ hải quan tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phân hồi kết quả khai báo thành công cho người khai hải quan khi thông tin khai báo đầy đủ các chứng từ quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này.</i></p> <p><i>Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ phân hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;</i></p> <p><i>b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới và ga liên vận quốc tế ở nội địa thực hiện tiếp nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.”</i></p>	<p><del>Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.</del></p> <p>2. Thời hạn sửa đổi bổ sung thông tin hồ sơ hải quan</p> <p><i>Trước khi hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế hoàn thành kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh, người khai hải quan được khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ, chỉ tiêu thông tin đã khai báo trước và sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng tại Giấy giao tiếp hàng hóa và Bản trích lược khai hàng hóa đối với tàu nhập cảnh được thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam hoặc khi có biên bản chứng nhận sai khác về tên hàng; thừa, thiếu về số lượng, trọng lượng có xác nhận của cơ quan hải quan.</i></p> <p>3. Tiếp nhận hồ sơ hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p><del>a) Ngay sau khi người khai hải quan cung cấp thông tin hồ sơ hải quan tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phân hồi kết quả khai báo thành công cho người khai hải quan khi thông tin khai báo đầy</del></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			<p><del>đủ các chứng từ quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này.</del></p> <p>Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ phản hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;</p> <p>b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới và ga liên vận quốc tế ở nội địa thực hiện tiếp nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.”</p>		
26.	<p><b>Điều 72. Trách nhiệm của cơ quan hải quan</b></p> <p>1. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ hải quan do người khai nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này như sau:</p> <p>a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng hàng,... với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi,...; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi;</p>	<p><b>46. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 72 như sau:</b></p> <p>“1. Xử lý hồ sơ hải quan do người khai nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, <b>Điều 71</b> Nghị định này như sau:</p> <p>a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng <b>toa xe hoặc container, số niêm phong (nếu có)</b> với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung <b>khoản 1, khoản 3</b> Điều 72 như sau:</p> <p>“<b>Điều 72. Trách nhiệm của cơ quan hải quan</b></p> <p>1. <b>Tiếp nhận, xử lý hồ sơ hải quan do người khai nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này như sau:</b></p> <p><b>a) Công thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Công thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ và thông báo rõ lý do cho người khai hải quan biết;</b></p>	<p>Để đảm bảo cơ sở pháp lý, cụ thể hóa mục tiêu số hóa các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan theo yêu cầu tại Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030 và đảm bảo cơ quan hải quan có thời gian phân tích, đánh giá rủi ro trước, đề xuất bổ sung quy định làm rõ thời hạn cung cấp và phương thức cung cấp thông tin hồ sơ hải quan thông qua Công thông tin một cửa</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời,... thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định;</p> <p>c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>d) Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trưởng ga</p>	<p>b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định;</p> <p>c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của <b>Bộ trưởng</b> Bộ Tài chính;</p> <p>d) Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện</p>	<p><b>b) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ</b> do người khai nộp và xuất trình theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định này như sau:</p> <p><b>b.1)</b> a)-Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng toa xe hoặc container, số niêm phong (nếu có) với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi;</p> <p><b>b.2)</b> b)- Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định;</p> <p><b>b.3)</b> e)-Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội</p>	<p>quốc gia hoặc trực tiếp trong trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp; niêm phong hồ sơ hải quan các chứng từ bàn giao cho Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định;</p> <p>đ) Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo quy định.</p> <p>e) <sup>[73]</sup> Trưởng hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện</p>	<p>hợp pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định;</p> <p>đ) Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo quy định;</p> <p>e) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu liên vận nhập cảnh, xuất cảnh: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình <b>đầy đủ</b> hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 69, Điều 70, <b>Điều 71</b> Nghị định này.”</p>	<p>địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p><b>b.4)</b> <del>đ)</del> Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp; niêm phong hồ sơ hải quan các chứng từ bàn giao cho Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định;</p> <p><b>b.5)</b> <del>đ)</del> Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo quy định;</p> <p><b>b.6)</b> <del>e)</del> Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu liên vận nhập cảnh, xuất cảnh: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình đầy đủ hồ sơ hải quan <b>theo quy</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>2. Tổ chức giám sát, kiểm soát đối với tàu nhập cảnh, tàu xuất cảnh trong phạm vi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan như sau:</p> <p>a) Giám sát phương tiện (bao gồm container rỗng, toa rỗng, xe rỗng) chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát hàng hóa xuất khẩu cho đến khi hàng hóa ra khỏi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan, giám sát hàng hóa nhập khẩu cho đến khi thông quan, giải phóng hàng và đưa ra khỏi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan;</p> <p>b) Giám sát hành lý, hàng hóa của người nhập cảnh, tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu ngay khi họ rời khỏi tàu để vào khu vực nhập cảnh hoặc khu vực cách ly;</p> <p>c) Giám sát hành lý, hàng hóa của người xuất cảnh, tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu ngay khi họ rời khu vực xuất</p>		<p>định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>cảnh hoặc khu vực cách ly để lên tàu xuất cảnh;</p> <p>d) Giám sát hàng hóa, hành lý ký gửi được vận chuyển từ kho lưu giữ, từ khu vực xuất cảnh đến tàu để xếp lên tàu và hàng hóa, hành lý ký gửi dỡ từ tàu được vận chuyển đến kho lưu giữ, đến khu vực nhập cảnh;</p> <p>đ) Giám sát túi ngoại giao, túi lãnh sự nếu nhận, gửi túi tại khu vực sân đỗ tàu;</p> <p>e) Trên cơ sở kết quả thu thập và xử lý các thông tin về tàu nhập cảnh tàu xuất cảnh, bố trí lực lượng tuần tra, kiểm soát phù hợp với đặc điểm từng chuyến tàu.</p> <p>3. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu liên vận nhập cảnh, xuất cảnh: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này.</p>				
27.	<b>Điều 73. Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu Ga đường sắt liên vận quốc</b>	<b>47.Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 1 Điều 73 như sau:</b>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>tế</b></p> <p>1. Trách nhiệm của Trưởng ga:</p> <p>a) Thông báo trước qua mạng máy tính, văn bản, điện fax cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế thông tin về hành trình tàu nhập cảnh, xuất cảnh gồm: số hiệu đầu tàu, toa xe; vị trí, thời gian tàu đến, dừng, rời ga liên vận; thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, hành lý của hành khách nhập cảnh, xuất cảnh gồm: Vị trí, thời gian xếp, dỡ lên xuống tàu và các thông tin thay đổi có liên quan đến tàu, hàng hóa, hành lý;</p> <p>b) Xác nhận và đóng dấu lên những chứng từ do Trưởng tàu nộp để làm thủ tục hải quan;</p> <p>c) Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định;</p> <p>d) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các</p>	<p><b>“Điều 73. Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu <del>Ga đường sắt</del> liên vận quốc tế</b></p> <p>1. Trách nhiệm của Trưởng ga:</p> <p>a) Thông báo trước qua mạng máy tính, văn bản, điện fax cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế thông tin về hành trình tàu nhập cảnh, xuất cảnh gồm: số hiệu đầu tàu, toa xe; vị trí, thời gian tàu đến, dừng, rời ga liên vận; thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, hành lý của hành khách nhập cảnh, xuất cảnh gồm: Vị trí, thời gian xếp, dỡ lên xuống tàu và các thông tin thay đổi có liên quan đến tàu, hàng hóa, hành lý;</p> <p>b) Xác nhận và đóng dấu lên những chứng từ do Trưởng tàu nộp để làm thủ tục hải quan;</p> <p>c) Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định;</p> <p>d) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan;</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	chứng từ nộp cho cơ quan hải quan; đ) Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên tàu và tại các ga đường sắt liên vận quốc tế.	đ) <b>Bố trí kho, bãi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu tách biệt với khu vực khai thác hàng hóa nội địa, đảm bảo việc giám sát hải quan đối với tàu liên vận quốc tế và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</b> Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên tàu và tại các ga đường sắt liên vận quốc tế.”			
28.	<b>Mục 4. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI Ô TÔ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH</b>	<b>48. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương IV như sau:</b> “Mục 4 THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI Ô TÔ, MÔ TÔ, XE GẮN MÁY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH”	Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương IV như sau: “Mục 4 THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI Ô TÔ, MÔ TÔ, XE GẮN MÁY PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐƯỜNG BỘ”	Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương IV để đảm bảo tính bao quát, làm rõ loại hình PTVT xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu biên giới đường bộ phù hợp quy định tại mục này.	P5
29.	<b>Điều 74. Hồ sơ hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh [74]</b> 1. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh (ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập; ô tô, mô tô, xe gắn máy	<b>49. Sửa đổi, bổ sung Điều 74 như sau:</b> “Điều 74. Hồ sơ, <b>thời hạn, phương thức khai</b> hải quan nhập cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước	“Điều 74. Hồ sơ, thời hạn, phương thức khai hải quan nhập cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập	Để đảm bảo cơ sở pháp lý, cụ thể hóa mục tiêu số hóa các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan theo yêu cầu tại Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>Việt Nam tái nhập) người khai hải quan nộp hoặc xuất trình:</i></p> <p>a) Giấy phép liên vận của cơ quan có thẩm quyền cấp: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính;</p> <p>d) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất theo mẫu quy định của Bộ Tài chính: Nộp 01 bản chính; hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính.</p> <p>đ) Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy của tổ chức, cá nhân nước thứ 3 không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam tham gia ký kết khi nhập cảnh, ngoài các chứng từ quy định tại các điểm a, b,</p>	<p><b>ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập</b></p> <p>1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh:</p> <p>a) Giấy phép liên vận đối với ô tô <b>hoặc văn bản chấp thuận</b> của cơ quan có thẩm quyền cấp <b>đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy;</b></p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập;</p> <p>c) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách;</p> <p>d) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập <b>(đối với trường hợp phương tiện tái nhập);</b></p> <p><b>đ) Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu.</b></p> <p><b>2. Thời hạn nộp hồ sơ, phương thức khai hải quan:</b></p> <p>a) <b>Người khai hải quan nộp các chứng từ tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nộp</b></p>	<p>1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh:</p> <p>a) Giấy phép liên vận đối với ô tô hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập;</p> <p>c) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách;</p> <p>d) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập (đối với trường hợp phương tiện tái nhập);</p> <p>đ) Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>2. Thời hạn nộp hồ sơ, phương thức khai hải quan:</p> <p>a) <b>Trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới,</b> người khai hải quan nộp các chứng từ tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này theo <b>các chỉ tiêu thông tin do quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định</b> và nộp bản đính kèm các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thông qua <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới.</b> Xuất</p>	<p>Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030 và đảm bảo cơ quan hải quan có thời gian phân tích, đánh giá rủi ro trước, đề xuất bổ sung quy định làm rõ thời hạn cung cấp và phương thức cung cấp thông tin hồ sơ hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc trực tiếp trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>c, d khoản này phải có văn bản cho phép hoặc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p> <p>2. Đối với ô tô nhập cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS), thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>3. Đối với ô tô nước ngoài có tay lái ở bên phải quy định tại Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam và phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch quy định tại Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch:</p>	<p><b>bản đính kèm các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới. Xuất trình bản chính cho hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;</b></p> <p><b>b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố:</b></p> <p><b>Nộp cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới 01 bản chính các chứng từ tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</b></p> <p><b>Xuất trình bản chính cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu;</b></p> <p><b>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này thực hiện trước hoặc sau khi đến cửa khẩu biên giới. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng của chứng từ quy định tại điểm đ</b></p>	<p><del>trình bản chính cho hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;</del></p> <p><b>b) Trường hợp <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia</b> Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, người khai hải quan kê khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản giấy cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới.</b></p> <p><del>Nộp cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới 01 bản chính các chứng từ tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</del></p> <p><b>b) Người khai hải quan</b> xuất trình bản chính cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu;</p> <p>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này thực hiện trước hoặc sau khi đến cửa khẩu biên giới. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng của chứng từ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>3. Đối với ô tô nhập cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất: Nộp 01 bản chính.</p>	<p><b><i>khoản 1 Điều này thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam.</i></b></p> <p>3. Đối với ô tô nhập cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.”</p>	(Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.”		
30.	<p><b>Điều 75. Hồ sơ hải quan đối với ô tô xuất cảnh</b></p> <p>1. [75] Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh (ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất; ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất) người khai hải quan nộp hoặc xuất trình:</p> <p>a) Giấy phép liên vận hoặc văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền cấp: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất: Xuất trình bản chính;</p>	<p><b>50. Sửa đổi, bổ sung Điều 75 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 75. Hồ sơ, thời hạn, phương thức khai hải quan xuất cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất</b></p> <p>1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh:</p> <p>a) Giấy phép liên vận <b>đối với ô tô</b> hoặc văn bản <b>chấp thuận</b> của cơ quan có thẩm quyền cấp <b>đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy;</b></p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất (<b>trường hợp tổ chức tín dụng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính giữ bản chính giấy đăng ký phương tiện giao thông thì người khai hải quan xuất trình bản sao công chứng hoặc</b> chứng thực giấy đăng ký</p>	<p><b>Điều 75. Hồ sơ, thời hạn, phương thức khai hải quan xuất cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất</b></p> <p>1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh:</p> <p>a) Giấy phép liên vận đối với ô tô hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất. (Trường hợp tổ chức tín dụng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính <b>chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài</b> giữ bản chính giấy đăng ký phương tiện giao thông thì <b>người khai hải quan</b> xuất trình bản sao <b>công chứng hoặc</b> chứng thực giấy đăng ký</p>	<p>- Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 49/CV-BVTN ngày 21/6/2024 của Hiệp hội bệnh viện tư nhân trung ương gửi Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ và nội dung kiến nghị của Bộ Tư pháp tại công văn số 2663/BTP-KTrVB ngày 24/5/2024 về việc kiểm tra, rà soát Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 đối với nội dung vướng mắc của các doanh nghiệp vận tải đường bộ về</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>c) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính;</p> <p>d) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ Tài chính: Nộp 01 bản chính; hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp bản chính.</p> <p>2. Đối với ô tô xuất cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>3. [76] Đối với ô tô nước ngoài có tay lái ở bên phải quy định tại Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam và phương</p>	<p><b>đăng ký phương tiện giao thông thì xuất trình bản sao chứng thực giấy đăng ký phương tiện giao thông kèm bản gốc giấy biên nhận còn hiệu lực);</b></p> <p>c) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách;</p> <p>d) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất <b>(đối với trường hợp phương tiện tái xuất).</b></p> <p><b>2. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:</b></p> <p><b>a) Người khai hải quan nộp các chứng từ tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nộp bản đính kèm các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới. Xuất trình bản chính cho hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;</b></p> <p><b>b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố;</b></p>	<p>phương tiện giao thông <del>kèm bản gốc giấy biên nhận còn hiệu lực)</del> <b>kèm xác nhận về việc tài sản đang được thế chấp và bản chính văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đồng ý cho phương tiện được xuất cảnh.</b></p> <p>c) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách;</p> <p>d) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất (đối với trường hợp phương tiện tái xuất).</p> <p>2. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:</p> <p>a) Người khai hải quan <del>nộp các</del> <b>khai</b> chứng từ <b>quy định</b> tại điểm c, điểm d khoản 1 <b>tại</b> Điều này theo <b>các chỉ tiêu thông tin do</b> quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính <b>quy định</b> và nộp bản đính kèm các chứng từ <b>quy định</b> tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này <b>gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia</b> thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới. <b>Xuất trình bản chính cho hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;</b></p> <p><b>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, người khai hải quan kê khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính</b></p>	<p>việc thực hiện thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đang thế chấp tại ngân hàng và nội dung đề xuất của một số Cục hải quan các tỉnh thành phố (Thanh Hóa, Quảng Trị); nội dung kiến nghị của các doanh nghiệp vận tải đường bộ và doanh nghiệp vận tải thủy nội địa về việc cho phép sử dụng bản sao có xác nhận của ngân hàng liên quan Giấy đăng ký phương tiện trong hồ sơ hải quan khi thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh.</p> <p>Do vậy, để cơ quan hải quan có cơ sở pháp lý thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 75 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Lý do sửa đổi, bổ sung <b>khoản 2 Điều 75:</b> Để đảm bảo cơ sở pháp lý, cụ thể hóa mục tiêu số hóa các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan theo yêu cầu tại Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch quy định tại Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch:</p> <p>a) Văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính.</p>	<p><b>Nộp cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới 01 bản chính các chứng từ tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</b></p> <p><b>Xuất trình bản chính cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu;</b></p> <p><b>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện trước hoặc sau khi phương tiện đến cửa khẩu biên giới.</b></p> <p>3. Đối với ô tô xuất cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.”</p> <p><del>3. Đối với ô tô nước ngoài có tay lái ở bên phải quy định tại Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam và phương tiện cơ giới do</del></p>	<p><b>quy định và nộp bản giấy cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới.</b></p> <p><del>Nộp cho cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới 01 bản chính các chứng từ tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</del></p> <p><b>b) Người khai hải quan</b> xuất trình bản chính cho <del>cơ quan</del> hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này; <b>và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu;</b></p> <p>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện trước hoặc sau khi phương tiện đến cửa khẩu biên giới.</p> <p>3. Đối với ô tô xuất cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.”</p>	<p>của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030 và đảm bảo cơ quan hải quan có thời gian phân tích, đánh giá rủi ro trước, đề xuất bổ sung quy định làm rõ thời hạn cung cấp và phương thức cung cấp thông tin hồ sơ hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc trực tiếp trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><del>người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch quy định tại Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch:</del></p> <p><del>a) Văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải: Xuất trình bản chính;</del></p> <p><del>b) Giấy đăng ký phương tiện: Xuất trình bản chính;</del></p> <p><del>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính.</del></p>			
31.	<p><b>Điều 76. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan<sup>[77]</sup></b></p> <p>1. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh: Khi ô tô, mô tô, xe gắn máy đến cửa khẩu biên giới, người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp nộp hoặc xuất trình cho Chi cục Hải quan cửa khẩu những giấy tờ nêu tại Điều 74 Nghị định này.</p> <p>2. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh: Khi ô tô, mô</p>	<p><b>Bãi bỏ Điều 76</b></p> <p><b>Điều 76. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan</b></p> <p>1. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh: Khi ô tô, mô tô, xe gắn máy đến cửa khẩu biên giới, người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp nộp hoặc xuất trình cho Chi cục Hải quan cửa khẩu những giấy tờ nêu tại Điều 74 Nghị định này.</p> <p>2. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh: Khi ô tô, mô tô, xe gắn</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tô, xe gắn máy đến cửa khẩu biên giới, người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp nộp hoặc xuất trình cho Chi cục Hải quan cửa khẩu những giấy tờ nêu tại Điều 75 Nghị định này.	<del>máy đến cửa khẩu biên giới, người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp nộp hoặc xuất trình cho Chi cục Hải</del>			
32.	<p><b>Điều 77. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh [78]</b></p> <p>1. Trách nhiệm người khai hải quan:</p> <p>a) Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; nộp và xuất trình bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76 Nghị định này. Đưa phương tiện vào vị trí kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan;</p> <p>b) Trường hợp khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái</p>	<p><b>51. Sửa đổi, bổ sung Điều 77 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 77. Thủ tục hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh</b></p> <p><b>1. Người khai hải quan khai báo đầy đủ đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin chứng từ quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này.</b></p> <p><b>Đưa phương tiện vào vị trí kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan hoặc đưa phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan.</b></p>	<p><b>“Điều 77. Thủ tục hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh</b></p> <p>1. Người khai hải quan khai báo đầy đủ đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin chứng từ quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này.</p> <p>Đưa phương tiện vào vị trí kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan hoặc đưa phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan.</p> <p>2. Ngay sau khi người khai hải quan khai và nộp đủ bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này, <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia</b> Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phản hồi kết quả khai báo thành công và cấp số tờ khai để người khai hải quan sử dụng khi làm thủ tục tại cửa khẩu biên giới.</p>	<p>- Sửa Hệ thống điện tử hải quan thành Công thông tin một cửa quốc gia để phù hợp với HQ số.</p> <p>- Tại điểm c khoản 3 Điều 77 bổ sung nội dung việc đóng dấu lên tờ khai phương tiện tạm nhập - tái xuất hoặc tờ khai phương tiện tạm xuất - tái nhập. Nội dung này được kế thừa tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. Ngoài ra, theo quy định tại các Hiệp định vận tải đường bộ thì tờ khai phương tiện xuất nhập cảnh thuộc bộ hồ sơ phương tiện mang theo khi lưu thông trên đường. Theo đó, việc bổ sung nội dung việc đóng dấu lên tờ khai phương tiện đảm bảo phù hợp quy định hiện hành.</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>nhập có xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập.</i></p> <p><i>2. Trách nhiệm cơ quan hải quan:</i></p> <p><i>a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ;</i></p> <p><i>b) Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra nội dung các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này và theo quy định của Chính phủ về quản lý xe cơ giới nước ngoài đưa vào Việt Nam;</i></p> <p><i>c) Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan;</i></p> <p><i>d) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai tờ khai phương tiện tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện tạm</i></p>	<p><b><i>2. Ngay sau khi người khai hải quan khai và nộp đủ bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phân hồi kết quả khai báo thành công và cấp số tờ khai để người khai hải quan sử dụng khi làm thủ tục tại cửa khẩu biên giới.</i></b></p> <p><b><i>Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ phân hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định.</i></b></p> <p><b><i>3. Cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới khai thác thông tin khai báo của người khai hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; tiếp nhận số tờ khai và chứng từ do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này; đối chiếu các thông tin khai báo với thực tế phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới và thực hiện:</i></b></p>	<p>Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan</b> sẽ phân hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định.</p> <p>3. Cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới khai thác thông tin khai báo của người khai hải quan trên <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan</b>; tiếp nhận số tờ khai và chứng từ do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này; đối chiếu các thông tin khai báo với thực tế phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới và thực hiện:</p> <p>a) Đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính giấy phép liên vận hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc sổ liên vận, giao cho người khai hải quan để làm chứng từ lưu thông.</p> <p>Xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh trên <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan</b>;</p> <p>b) Từ chối làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo rõ lý do không làm thủ tục và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan nếu hồ sơ, chứng từ không đầy đủ, không chính</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>xuất - tái nhập từ hệ thống, đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận và dấu “VIETNAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên tờ khai, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục khi tái nhập hoặc tái xuất; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;</p> <p>đ) Trường hợp không sử dụng được phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ, cơ quan hải quan cấp phát miễn phí tờ khai phương tiện vận tải cho người khai hải quan; hướng dẫn người khai hải quan khai thông tin vào tờ khai phương tiện vận tải;</p> <p>e) Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p>	<p><b>a) Đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính giấy phép liên vận hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc sổ liên vận, giao cho người khai hải quan để làm chứng từ lưu thông.</b></p> <p><b>Xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;</b></p> <p><b>b) Từ chối làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo rõ lý do không làm thủ tục và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan nếu hồ sơ, chứng từ không đầy đủ, không chính xác, không phù hợp với thực tế phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới;</b></p> <p><b>c) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì tiếp nhận hồ sơ chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình; đối chiếu các thông tin khai báo với thực tế phương tiện xuất</b></p>	<p>xác, không phù hợp với thực tế phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới;</p> <p>c) Trường hợp <b>Cổng thông tin một cửa quốc gia Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan</b> gặp sự cố thì tiếp nhận hồ sơ chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình; đối chiếu các thông tin khai báo với thực tế phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới và thực hiện:</p> <p>c.1) Đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính giấy phép liên vận hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc sổ liên vận <b>và tờ khai phương tiện tạm nhập – tái xuất hoặc tờ khai phương tiện tạm xuất – tái nhập</b>, giao cho người khai hải quan để <b>xác nhận hoàn thành thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh hoặc nhập cảnh và</b> làm chứng từ lưu thông.</p> <p><del>Nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ hoặc</del> <b>Ghi nhận thông tin hoàn thành thủ tục hải quan cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh trên</b> Sổ theo dõi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định.</p> <p>c.2) Từ chối làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo rõ lý do không làm thủ tục và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>3. Kiểm tra hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh</p> <p>Trên cơ sở thực hiện quản lý rủi ro, hoặc trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Giám sát hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh</p> <p>a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chủ trì và sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p>	<p><b>cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới và thực hiện:</b></p> <p><b>c.1) Đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính giấy phép liên vận hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc sổ liên vận, giao cho người khai hải quan để làm chứng từ lưu thông. Nhập thông tin vào hệ thống phân mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ hoặc Sổ theo dõi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định;</b></p> <p><b>c.2) Từ chối làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo rõ lý do không làm thủ tục và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan nếu hồ sơ, chứng từ không đầy đủ, không chính xác, không phù hợp với thực tế phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới.</b></p> <p><b>4.</b> Kiểm tra hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh</p> <p>Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p>	<p>nếu hồ sơ, chứng từ không đầy đủ, không chính xác, không phù hợp với thực tế phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới.</p> <p>4. Kiểm tra hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh</p> <p>Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p> <p>Trên cơ sở thực hiện quản lý rủi ro hoặc trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Giám sát hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p>a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chủ trì và sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>5. Trường hợp thực hiện kiểm tra một cửa, một lần dừng thực hiện theo quy định thủ tục hải quan một cửa, một điểm dừng; hoặc cơ chế một cửa quốc gia</p>	<p>thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p> <p>Trên cơ sở thực hiện quản lý rủi ro hoặc trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>5.</b> Giám sát hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh:</p> <p>a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chủ trì và sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p> <p><b>6.</b> Trường hợp thực hiện kiểm tra một cửa, một lần dừng thực hiện</p>	<p>6. Trường hợp thực hiện kiểm tra một cửa, một lần dừng thực hiện theo quy định thủ tục hải quan một cửa, một điểm dừng.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		theo quy định thủ tục hải quan một cửa, một điểm dừng.”			
33.	<p><b>Điều 77a. Thủ tục hải quan đối với một số trường hợp đặc thù [79]</b></p> <p>1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan Hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc bằng máy tính và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng.</p> <p>2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp không có giấy phép thì thủ tục như sau:</p> <p>a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương</p>	<p><b>52. Bổ sung Điều 77a như sau:</b></p> <p><b>“Điều 77a. Thủ tục hải quan đối với một số trường hợp đặc thù</b></p> <p>1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc bằng máy tính và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng.</p> <p>2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục như sau:</p> <p>a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ</p>	<p><b>“Điều 77a. Thủ tục hải quan đối với một số trường hợp đặc thù</b></p> <p>1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách, <b>hàng hóa</b> tuyến cố định, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc bằng máy tính và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng.</p> <p>2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp <b>không có giấy phép</b> theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục như sau:</p> <p>a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;</p>	<p>Khoản 1 Điều 69 Luật Hải quan quy định:</p> <p>“Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền phải khai hải quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục hải quan; cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải.</p> <p>Trường hợp các chứng từ liên quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiểm tra hải quan thì chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải.”</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;</i></p> <p><i>b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.</i></p> <p><i>3. Đối với ô tô mang biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu:</i></p> <p><i>a) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu vào nội địa phải làm thủ tục hải quan tạm nhập - tái xuất theo quy định;</i></p> <p><i>b) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu nếu được cấp giấy phép liên vận ra nước ngoài phải làm thủ tục tạm xuất - tái nhập theo quy định.</i></p>	<p>khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;</p> <p>b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.</p> <p><b>3.</b> Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 77 Nghị định này.</p> <p><b>4.</b> Phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân của một nước láng giềng ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam đã làm thủ tục tạm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, khi tái xuất sang lãnh thổ của một nước láng giềng khác có ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p>	<p>b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào <b>hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ</b> và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.</p> <p><b>3.</b> Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 77 Nghị định này.</p> <p><b>4.</b> Phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân của một nước láng giềng ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam đã làm thủ tục tạm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, khi tái xuất sang lãnh thổ của một nước láng giềng khác có ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p> <p><b>5.</b> Đối với phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam du lịch và tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam và <b>Nghị định số 30/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đăng ký tại nước ngoài, do người nước ngoài đưa vào Việt Nam</b></p>	<p>Hiện nay, Nghị định 08 quy định cho phép phương tiện chở khách thường xuyên XNC qua cùng một cửa khẩu đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan được thực hiện khai hải quan 01 lần thời hạn 30 ngày</p> <p>Do đó bổ sung cho phép phương tiện vận chuyển hàng hóa thường xuyên vận chuyển một loại hàng hóa (ví dụ than) xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu, đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hải quan</p> <p>- Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04/11/2013 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 57/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 đã được thay thế bởi Nghị định số 30/2024/NĐ-CP ngày 07/3/2024. Do đó, sửa đổi cho phù hợp với quy định của văn bản pháp luật hiện hành</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>4. Đối với phương tiện vận tải gồm ô tô, mô tô, xe gắn máy của tổ chức, cá nhân nước thứ 3 không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam tham gia ký kết khi xuất cảnh hay nhập cảnh phải có văn bản cho phép hoặc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mới được giải quyết thủ tục hải quan.</p> <p>5. Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76 và Điều 77 Nghị định này.</p> <p>6. Phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân của một nước láng giềng ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam đã làm thủ tục tạm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, khi tái xuất sang lãnh thổ của một nước láng giềng khác có ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p>	<p><b>5. Đối với phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam du lịch và tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam và Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 57/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2015 tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ, tái xuất qua cửa khẩu đường biển, đường hàng không, đường sắt và ngược lại thì thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện tạm nhập tái xuất theo quy định tại Điều 77 Nghị định này.”</b></p>	<p><b>du lịch</b> Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 57/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2015 tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ, tái xuất qua cửa khẩu đường biển, đường hàng không, đường sắt và ngược lại thì thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện tạm nhập tái xuất theo quy định tại Điều 77 Nghị định này.</p> <p><b>6. Trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có chung biên giới, tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm cung cấp thông tin hàng hóa, thời gian vận chuyển cho cơ quan hải quan để thực hiện giám sát theo quy định.”</b></p>	<p>- Khoản 2 kế thừa quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, bổ sung thêm việc nhập dữ liệu của phương tiện vào phần mềm quản lý phương tiện trong trường hợp thủ tục với PTVT được thực hiện trên công thông tin một cửa do loại PT quy định tại khoản này không có giấy phép liên vận/ giấy phép vận tải thì cần quản lý trên một phần mềm quản lý tại cửa khẩu.</p> <p>- Bổ sung khoản 6: Bổ sung cơ sở pháp lý cho phương tiện vận tải hàng hóa mới như hệ thống băng tải than, xe tự vận hành... theo thỏa thuận Việt Nam và các nước chung biên giới</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34.	<p><b>Điều 78. Thủ tục hải quan đối với ô tô không nhằm mục đích thương mại khi xuất cảnh, nhập cảnh</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với ô tô nhập cảnh (ô tô nước ngoài tạm nhập, ô tô Việt Nam tái nhập) theo hiệp định song phương giữa Việt Nam với các nước có chung biên giới, người khai hải quan nộp và xuất trình các giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy phép liên vận của cơ quan có thẩm quyền cấp: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô nước ngoài tạm nhập: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất: Xuất trình 01 bản chính; hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với ô tô nước ngoài có tay lái ở bên</p>	<p><b>Bãi bỏ Điều 78</b></p>	<p>Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>phải quy định tại Nghị định số <a href="#">80/2009/NĐ-CP</a> ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ và phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch quy định tại Nghị định số <a href="#">152/2013/NĐ-CP</a> ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ:</p> <p>a) Văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất: Xuất trình bản chính.</p> <p>3. Hồ sơ hải quan đối với ô tô xuất cảnh (ô tô Việt Nam tạm xuất, ô tô nước ngoài tái xuất), người khai hải quan nộp hoặc xuất trình các giấy tờ sau:</p> <p>a) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền cấp: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô Việt Nam tạm xuất: Xuất trình bản chính;</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập: Xuất trình 01 bản chính; hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính.</p> <p>4. Cơ quan hải quan thực hiện thủ tục kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 77 Nghị định này.</p>				
35.	<b>Mục 5. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH</b>	<b>53. Sửa tên Mục V như sau:</b>  <b>Mục 5. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH VÀ PHƯƠNG TIỆN QUA LẠI KHU VỰC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐỂ GIAO NHẬN HÀNG HÓA”</b>			
36.	<b>Điều 79. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy xuất cảnh, nhập</b>	<b>54. Sửa đổi, bổ sung Điều 79 như sau:</b>	<b>“Điều 79. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đối với phương tiện vận tải</b>	- Bổ sung quy định việc sử dụng bản sao giấy đăng ký phương tiện có xác nhận của tổ chức tín dụng ngân hàng đối	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>cảnh qua cửa khẩu biên giới đường sông [81]</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nhập cảnh (thuyền xuống, ca nô nước ngoài tạm nhập; thuyền xuống, ca nô Việt Nam tái nhập), người khai hải quan nộp hoặc xuất trình các giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy phép vận tải đường thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với phương tiện vận tải thủy nước ngoài tạm nhập: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất: Nộp 01 bản chính hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính;</p> <p>d) Danh sách người trên phương tiện vận tải đường</p>	<p>“Điều 79. <b>Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ</b>; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đối với <b>phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan <b>nhập cảnh</b> đối với phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> nước ngoài tạm nhập và <b>phương tiện vận tải đường thủy nội địa</b> Việt Nam tái nhập:</p> <p>a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> nước ngoài tạm nhập;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường <b>thủy nội địa</b> tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm <b>xuất</b> của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất;</p> <p>d) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b>;</p>	<p><b>đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan nhập cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tạm nhập và phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tái nhập:</p> <p>a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tạm nhập;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất;</p> <p>d) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa;</p> <p>đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa;</p> <p>e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyên hàng hóa;</p> <p>g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyên hành khách.</p>	<p>với tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng phù hợp với thực tiễn thế chấp tài sản của doanh nghiệp cũng như nội dung kiến nghị của Hiệp hội các doanh nghiệp vận tải thủy nội địa</p> <p>- <b>Điểm a khoản 3 Điều 75:</b> Thực tế phát sinh yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung về tên hàng, số lượng, trọng lượng, tuy nhiên pháp luật hải quan hiện hành chưa có quy định rõ đối với trường hợp này. Do vậy, để đảm bảo cơ sở pháp lý và tránh việc tùy tiện khai sai về tên hàng, số lượng, trọng lượng để gian lận thương mại thì dự thảo Nghị định cần bổ sung quy định làm rõ trường hợp người khai hải quan được phép khai sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Ngoài ra, tại Điều 75 sửa đổi một số nội dung khác mang tính chất kỹ thuật để đảm bảo quy định rõ ràng.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>thủy (nếu có): Nộp 01 bản chính;</p> <p>đ) Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy: Nộp 01 bản chính;</p> <p>e) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy: Nộp 01 bản chính;</p> <p>g) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính;</p> <p>h) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy xuất cảnh (thuyền xuống, ca nô nước ngoài tái xuất; thuyền xuống, ca nô Việt Nam tạm xuất), người khai hải quan nộp hoặc xuất trình các giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy phép vận tải đường thủy qua biên giới của cơ</p>	<p>đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b>;</p> <p>e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> vận chuyển hàng hóa;</p> <p>g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> vận chuyển hành khách.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan xuất cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> nước ngoài tái xuất <b>và phương tiện vận tải đường thủy nội địa</b> Việt Nam tạm xuất:</p> <p>a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> Việt Nam tạm xuất (<b>trường hợp tổ chức tín dụng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính giữ bản chính giấy đăng ký phương tiện giao thông thì xuất trình bản sao chứng thực giấy đăng ký phương tiện giao thông</b>);</p>	<p>2. Hồ sơ hải quan xuất cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tái xuất và phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tạm xuất:</p> <p>a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tạm xuất.</p> <p><b>Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giữ bản chính giấy đăng ký phương tiện vận tải đường thủy nội địa thì người khai hải quan xuất trình bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy đăng ký phương tiện giao thông kèm xác nhận về việc tài sản đang được thế chấp và bản chính văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đồng ý cho phương tiện được xuất cảnh.</b></p> <p><b>Trường hợp phương tiện là tài sản cho thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính thì không cần kèm theo xác nhận về việc tài sản đang được thế chấp;</b></p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập;</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>quan có thẩm quyền: Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với phương tiện vận tải đường thủy Việt Nam tạm xuất: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập: Nộp 01 bản chính hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập;</p> <p>d) Danh sách người trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có): Nộp 01 bản chính;</p> <p>đ) Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy theo mẫu quy định của Bộ Tài chính: Nộp bản chính.</p> <p>e) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy: Nộp 01 bản chính;</p> <p>g) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận</p>	<p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập;</p> <p>d) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên <b>phương tiện thủy nội địa</b>;</p> <p>đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b>;</p> <p>e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> vận chuyển hàng hóa;</p> <p>g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> vận chuyển hành khách.</p> <p><b>3. Thời hạn nộp hồ sơ:</b></p> <p>a) Người khai hải quan nộp các chứng từ quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 và điểm d, đ, e, g khoản 2 Điều này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm các chứng từ quy định tại điểm a, b, e khoản 1, điểm a, b, e khoản 2 Điều này <b>thông qua gửi đến</b> Công thông tin một cửa quốc gia <b>trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng tại Bản khai hàng hóa đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh được thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam hoặc khi có biên bản chứng nhận sai khác về tên hàng;</b></p>	<p>d) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện thủy nội địa;</p> <p>đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa;</p> <p>e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa;</p> <p>g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách.</p> <p>3. Thời hạn nộp hồ sơ:</p> <p>a) <b>Trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới</b>, người khai hải quan <b>khai</b> nộp các chứng từ <b>liên quan</b> quy định tại điểm c, d, đ, e, g khoản 1 và điểm c, d, đ, e, g khoản 2 Điều này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm các chứng từ quy định tại điểm a, b, e khoản 1, điểm a, b, e khoản 2 Điều này <b>thông qua gửi đến</b> Công thông tin một cửa quốc gia <b>trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng tại Bản khai hàng hóa đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh được thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam hoặc khi có biên bản chứng nhận sai khác về tên hàng;</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tải đường thủy vận chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính; h) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính.</p> <p>3. Trách nhiệm của người khai hải quan: Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải đường thủy (thuyền xuồng, ca nô) xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.</p> <p>Trường hợp khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai tạm</p>	<p><b>khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều này thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi phương tiện đến cửa khẩu biên giới.</b></p> <p><b>Xuất trình bản chính cho hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 Điều này và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu.</b></p> <p><b>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì người khai hải quan khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nộp cho cơ quan hải quan khi đến cửa khẩu biên giới; xuất trình bản chính các chứng từ quy định tại điểm a, b khoản 1 hoặc điểm a, b khoản 2 Điều này và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu; nộp bản chính các chứng từ quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 hoặc điểm d, đ, e, g khoản 2 Điều này theo mẫu số 43, 48, 50, 51 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị</b></p>	<p><b>thừa, thiếu về số lượng, trọng lượng có xác nhận của cơ quan hải quan.</b></p> <p>Xuất trình bản chính cho hải quan cửa khẩu biên giới các chứng từ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 Điều này và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu.</p> <p>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì người khai hải quan khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nộp cho cơ quan hải quan khi đến cửa khẩu biên giới; xuất trình bản chính các chứng từ quy định tại điểm a, b khoản 1 hoặc điểm a, b khoản 2 Điều này và nộp 01 bản chụp khi xuất cảnh, nhập cảnh lần đầu; nộp bản chính các chứng từ quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 hoặc điểm d, đ, e, g khoản 2 Điều này theo mẫu số 43, 48, 50, 51 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ; chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.</p> <p>c) Khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập.            Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.</p> <p>4. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:            a) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan; thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với phương tiện vận tải đường thủy nhập cảnh, xuất cảnh.            Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan.            Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện tạm xuất - tái nhập từ hệ thống, đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận</p>	<p><b>định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;</b> chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.</p> <p>c) Khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập.</p> <p>4. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:  <b>a) Ngay sau khi người khai hải quan khai và nộp đủ bộ hồ sơ hải quan theo quy định, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phản hồi kết quả khai báo thành công và cấp số tờ khai để người khai hải quan sử dụng khi làm thủ tục tại cửa khẩu biên giới.</b></p> <p><b>Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia sẽ phản hồi và yêu cầu người khai hải quan thực</b></p>	<p>và khai báo lại trên tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập.</p> <p>4. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:            a) Ngay sau khi người khai hải quan khai và nộp <b>đủ bộ</b> hồ sơ hải quan theo quy định, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, <b>xử lý thông tin khai báo</b> và phản hồi kết quả khai báo thành công và cấp số tờ khai để người khai hải quan sử dụng khi làm thủ tục tại cửa khẩu biên giới.</p> <p>Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia <b>tự động</b> sẽ phản hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;</p> <p>b) Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận trên Hệ thống khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới, đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính Giấy phép vận tải thủy qua biên giới khi người khai hải quan xuất trình.</p> <p>Từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, nếu hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan;</p> <p>c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì hải quan cửa khẩu biên giới tiếp</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>và dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên tờ khai, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục khi tái nhập hoặc tái xuất; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;</p> <p>b) Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, tạm giữ, khám xét theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hồ hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 66, Điều 67 và Điều 68 Nghị định này.</p>	<p><b>hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;</b></p> <p><b>b) Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận trên Hệ thống khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới, đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính Giấy phép vận tải thủy qua biên giới khi người khai hải quan xuất trình.</b></p> <p><b>Từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, nếu hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan;</b></p> <p><b>c) Trường hợp Công thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì hải quan cửa khẩu biên giới tiếp nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và đóng dấu “ĐÃ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN” lên tờ khai và đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính Giấy phép vận tải thủy qua biên giới, giao cho người khai hải quan</b></p>	<p>nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và đóng dấu “ĐÃ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN” lên tờ khai và đóng dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên bản chính Giấy phép vận tải thủy qua biên giới, giao cho người khai hải quan để làm chứng từ lưu thông và làm thủ tục khi tái nhập hoặc tái xuất; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;</p> <p>d) Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>đ) Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, tạm giữ, khám xét theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hồ hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>6. Giám sát hải quan phương tiện vận tải đường thủy:</p> <p>a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát phương tiện vận tải đường thủy nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát phương tiện vận tải đường thủy nhập cảnh, xuất cảnh.</p>	<p><b>đề làm chứng từ lưu thông và làm thủ tục khi tái nhập hoặc tái xuất;</b> lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;</p> <p><b>d)</b> Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p><b>đ)</b> Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, tạm giữ, khám xét theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hồ hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 67 và Điều 68 Nghị định này.</p>	<p>Điều 65, Điều 67 và Điều 68 Nghị định này.</p> <p>6. Giám sát hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa:</p> <p>a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, các phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>6. Giám sát hải quan phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b>:</p> <p>a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa</b> nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, <b>các</b> phương tiện vận tải đường thủy <b>nội địa xuất</b> cảnh, <b>nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.</b>”</p>			
37.	<p><b>Điều 80. Thủ tục hải quan đối với mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh</b></p> <p>1. Hồ sơ hải quan đối với xe mô tô, xe gắn máy nhập cảnh (xe mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập; xe mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập), người khai hải quan nộp hoặc xuất trình các giấy tờ sau:</p> <p>a) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với mô tô, xe máy nước</p>	<p><b>Bãi bỏ Điều 80. Thủ tục hải quan đối với mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh</b></p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>ngoài tạm nhập: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất: Xuất trình bản chính hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính.</p> <p>2. Hồ sơ hải quan đối với xe mô tô, xe gắn máy xuất cảnh (xe mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất; xe mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất), người khai hải quan nộp hoặc xuất trình các giấy tờ sau:</p> <p>a) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): Xuất trình bản chính;</p> <p>b) Giấy đăng ký phương tiện đối với mô tô, xe máy Việt Nam tạm xuất: Xuất trình bản chính;</p> <p>c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>chính hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập: Xuất trình 01 bản chính.</p> <p>3. Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan; thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với xe mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p> <p>4. Giám sát hải quan xe mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh</p> <p>a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát xe mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh;</p> <p>b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát xe mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.</p>				
38.	<b>Điều 81. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải của cá nhân, tổ</b>	<b>55. Sửa đổi, bổ sung Điều 81 như sau:</b>	<b>“Điều 81. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức qua</b>	- Bổ sung thêm quy định đối phương tiện tự vận hành phù hợp với mô hình quản lý cửa	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>chức qua lại khu vực biên giới</b></p> <p>1. Phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân qua lại biên giới để giao, nhận hàng hóa tại khu vực biên giới phải đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của hàng hóa, hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của phương tiện vận tải và các điều ước quốc tế giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới.</p> <p>2. [77] Phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức vào khu vực biên giới để giao nhận hàng gồm:</p> <p>a) Xe ô tô tải của nước ngoài vào khu vực cửa khẩu, địa điểm tập kết kiểm tra giám sát hàng hóa ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu để giao hàng nhập khẩu hoặc nhận hàng xuất khẩu;</p> <p>b) Xe ô tô tải của Việt Nam đi qua biên giới để giao hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu sau đó quay trở lại Việt Nam;</p>	<p><b>“Điều 81. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức qua lại khu vực cửa khẩu biên giới</b></p> <p>1. Phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân qua lại <b>cửa khẩu</b> biên giới để giao, nhận hàng hóa tại khu vực biên giới gồm:</p> <p>a) Xe ô tô tải của nước ngoài vào khu vực cửa khẩu, địa điểm tập kết kiểm tra giám sát hàng hóa ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu để giao hàng nhập khẩu hoặc nhận hàng xuất khẩu;</p> <p>b) Xe ô tô tải của Việt Nam đi qua <b>cửa khẩu</b> biên giới để giao hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu sau đó quay trở lại Việt Nam;</p> <p>c) <b>Phương tiện thủy nội địa</b> của nước ngoài vào khu vực cửa khẩu, địa điểm tập kết kiểm tra giám sát hàng hóa ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu để giao hàng nhập khẩu hoặc nhận hàng xuất khẩu;</p> <p>d) <b>Phương tiện thủy nội địa</b> của Việt Nam đi qua biên giới để giao</p>	<p><b>lại khu vực cửa khẩu biên giới</b></p> <p>1. Phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân qua lại cửa khẩu biên giới để giao, nhận hàng hóa tại khu vực biên giới gồm:</p> <p>a) Xe ô tô tải của nước ngoài vào khu vực cửa khẩu, địa điểm tập kết kiểm tra giám sát hàng hóa ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu để giao hàng nhập khẩu hoặc nhận hàng xuất khẩu;</p> <p>b) Xe ô tô tải của Việt Nam đi qua cửa khẩu biên giới để giao hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu sau đó quay trở lại Việt Nam;</p> <p>c) Phương tiện thủy nội địa của nước ngoài vào khu vực cửa khẩu, địa điểm tập kết kiểm tra giám sát hàng hóa ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu để giao hàng nhập khẩu hoặc nhận hàng xuất khẩu;</p> <p>d) Phương tiện thủy nội địa của Việt Nam đi qua biên giới để giao hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu sau đó quay trở lại Việt Nam;</p> <p>đ) Phương tiện vận tải thô sơ và các phương tiện giao thông khác theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật Giao thông đường bộ qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa chỉ được phép hoạt động trong khu vực cửa khẩu và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.</p>	<p>khẩu thông minh giữa Việt Nam – Trung Quốc.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>c) Thuyền, xuồng của nước ngoài vào khu vực cửa khẩu địa điểm tập kết kiểm tra giám sát hàng hóa ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu để giao hàng nhập khẩu hoặc nhận hàng xuất khẩu;</p> <p>d) Thuyền, xuồng của Việt Nam đi qua biên giới để giao hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu sau đó quay trở lại Việt Nam.</p> <p>Thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ.</p> <p>Đối với các phương tiện thuộc khoản này, người điều khiển xuất trình giấy tờ tùy thân (giấy phép lái xe hoặc chứng minh thư nhân dân (căn cước công dân) hoặc hộ chiếu hoặc giấy thông hành, ngày cấp của giấy tờ này), giấy tờ phương</p>	<p>hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu sau đó quay trở lại Việt Nam;</p> <p><b><i>d) Phương tiện vận tải thô sơ và các phương tiện giao thông khác theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật Giao thông đường bộ qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa chỉ được phép hoạt động trong khu vực cửa khẩu và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.</i></b></p> <p>Thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm a, điểm b khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm c, điểm d khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ; <b><i>thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm d khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 12 giờ.</i></b></p> <p><b><i>2. Đối với các phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ phương tiện hoặc người điều khiển nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan các giấy tờ sau:</i></b></p>	<p><b><i>e) Phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động, không có người điều khiển qua lại cửa khẩu trong phạm vi cố định theo thỏa thuận giữa Việt Nam và quốc gia có chung đường biên giới.</i></b></p> <p>Thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm a, điểm b khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm c, điểm d khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ; thời gian cho phép phương tiện vận tải quy định tại điểm d khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 12 giờ.</p> <p><b><i>2. Đối với các phương tiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này khi vào khu vực cửa khẩu để giao hoặc nhận hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài, chủ phương tiện hoặc người điều khiển nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan các giấy tờ sau:</i></b></p> <p>a) Xuất trình giấy tờ phương tiện khi qua lại cửa khẩu biên giới;</p> <p>b) Nộp 01 Bảng kê thông tin hàng hóa nhập khẩu chở trên phương tiện vận tải theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc cơ quan hải quan cửa khẩu nơi phương tiện vận tải nhập cảnh trong trường hợp hệ thống gặp sự cố;</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tiện cho cơ quan hải quan để kiểm tra, giám sát theo quy định.</p> <p>3.[78] Phương tiện vận tải thô sơ là phương tiện di chuyển bằng sức người (xe kéo, xe lôi). Phương tiện vận tải thô sơ hoạt động trong khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới. Người khai hải quan phương tiện vận tải thô sơ nộp cho cơ quan hải quan tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (hoặc chứng từ chứng minh là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) trường hợp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm giám sát phương tiện vận tải thô sơ trong thời gian hoạt động tại khu vực cửa khẩu.</p> <p>4. Đối với các phương tiện nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị,</p>	<p>a) Xuất trình giấy tờ phương tiện khi qua lại cửa khẩu biên giới (<i>trừ phương tiện vận tải thô sơ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này</i>);</p> <p><b><i>b) Nộp 01 Bảng kê thông tin hàng hóa nhập khẩu chở trên phương tiện vận tải theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc cơ quan hải quan cửa khẩu nơi phương tiện vận tải nhập cảnh trong trường hợp hệ thống gặp sự cố;</i></b></p> <p><b><i>c) Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện chở hàng hóa nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan.</i></b></p> <p><b><i>3. Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra các chứng từ do người điều khiển phương tiện nộp, xuất trình theo quy định tại khoản 2 Điều này; cập nhật vào Sổ theo dõi theo quy định.</i></b></p>	<p>c) Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện chở hàng hóa nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan.</p> <p>3. Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra các chứng từ do người điều khiển phương tiện nộp, xuất trình theo quy định tại khoản 2 Điều này; cập nhật vào Sổ theo dõi theo quy định.</p> <p>Trường hợp các chứng từ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không cho phép phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh và thông báo rõ lý do cho người điều khiển phương tiện.</p> <p>4. Đối với các phương tiện nêu tại khoản 1 Điều này, nếu có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét gia hạn, thời gian gia hạn thêm không quá thời gian quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt, công việc hàng ngày và các phương tiện quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được phép hoạt động trong</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét gia hạn, thời gian gia hạn thêm không quá 48 giờ.</p> <p>5.[79] Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phải đăng ký với cơ quan hải quan (01 năm một lần) để kiểm tra, giám sát theo quy định. Trong thời gian đăng ký khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải thực hiện thủ tục hải quan đối với phương tiện.</p> <p>6.[80] Các loại phương tiện quy định tại Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Cơ quan hải quan cửa khẩu có trách nhiệm giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế</p>	<p><b><i>Trường hợp các chứng từ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không cho phép phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh và thông báo rõ lý do cho người điều khiển phương tiện.</i></b></p> <p>4. Đối với các phương tiện nêu tại khoản 1 Điều này, nếu có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét gia hạn, thời gian gia hạn thêm không quá <b><i>thời gian quy định tại khoản 1 Điều này.</i></b></p> <p>5. Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt, <b><i>công việc</i></b> hàng ngày <b><i>và các phương tiện quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được phép hoạt động trong khu vực biên giới và phải xuất trình giấy tờ tùy thân (giấy phép lái xe hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy thông hành), giấy tờ phương tiện</i></b> để đăng ký với cơ quan hải quan (01 năm một lần) theo quy</p>	<p>khu vực biên giới và phải xuất trình giấy tờ tùy thân (giấy phép lái xe hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy thông hành), giấy tờ phương tiện để đăng ký với cơ quan hải quan (01 năm một lần) theo quy định. Trong thời gian đăng ký, khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải khai hải quan; cơ quan hải quan thực hiện giám sát, đối chiếu phương tiện đã đăng ký với cơ quan hải quan khi phương tiện qua lại biên giới.</p> <p>6. Các loại phương tiện quy định tại Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Cơ quan hải quan cửa khẩu có trách nhiệm giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế phương tiện và xử lý theo quy định.</p> <p><b><i>7. Đối với phương tiện quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, chủ phương tiện phải cung cấp cho cơ quan hải quan danh sách các phương tiện qua lại cửa khẩu và không phải làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện. Cơ quan hải quan cập nhật danh sách phương tiện vào sổ theo dõi và thực hiện việc giám sát phương tiện từ khi đến lãnh thổ Việt Nam đến</i></b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	phương tiện và xử lý theo quy định.	<p>định. Trong thời gian đăng ký, khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải <b>khai hải quan; cơ quan hải quan thực hiện giám sát, đối chiếu phương tiện đã đăng ký với cơ quan hải quan khi phương tiện qua lại biên giới.</b></p> <p>6. Các loại phương tiện quy định tại Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Cơ quan hải quan cửa khẩu có trách nhiệm giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế phương tiện và xử lý theo quy định.”</p>	<b>khí vào địa điểm tập kết, kiểm tra tại cửa khẩu và quay lại ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.”</b>		
39.	<p><b>Điều 84. Thuê kho ngoại quan</b></p> <p>1. Đối tượng được phép thuê kho ngoại quan:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam được phép kinh doanh xuất nhập khẩu thuộc các thành phần kinh tế;</p>	<p><b>Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 84. Thuê kho ngoại quan</b></p> <p><del>e) Quá thời hạn thuê kho ngoại quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan nếu chủ hàng hóa hoặc người được chủ hàng hóa ủy quyền không đưa hàng ra khỏi kho ngoại quan hoặc trong thời hạn thuê</del></p>	<b>Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ</b>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài.</p> <p>2. Hợp đồng thuê kho ngoại quan:</p> <p>a) Hợp đồng thuê kho ngoại quan do chủ kho ngoại quan và chủ hàng thỏa thuận theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp chủ hàng vừa là chủ kho ngoại quan;</p> <p>b) Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại quan do chủ hàng và chủ kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan, nhưng không quá thời hạn hàng hóa được gửi kho ngoại quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan;</p> <p>c) Quá thời hạn thuê kho ngoại quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan nếu chủ hàng hóa hoặc người được chủ hàng hóa ủy quyền không đưa hàng ra khỏi kho ngoại quan hoặc trong thời hạn thuê kho ngoại quan nhưng chủ hàng hóa hoặc người được chủ hàng hóa ủy quyền có văn bản đề nghị</p>	<p><del>kho ngoại quan nhưng chủ hàng hóa hoặc người được chủ hàng hóa ủy quyền có văn bản đề nghị thanh lý thì Cục Hải quan tổ chức thanh lý hàng hóa gửi kho ngoại quan theo quy định của pháp luật.</del></p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	thanh lý thì Cục Hải quan tổ chức thanh lý hàng hóa gửi kho ngoại quan theo quy định của pháp luật.				
40.	<p><b>Điều 85. Hàng hóa gửi kho ngoại quan</b></p> <p>1. Hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan xuất khẩu, hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba của các đối tượng được phép thuê kho ngoại quan quy định tại Khoản 1 Điều 84 Nghị định này được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan.</p> <p>2. Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan gồm:</p> <p>a) Hàng hóa của chủ hàng nước ngoài chưa ký hợp đồng bán hàng cho doanh nghiệp ở Việt Nam;</p> <p>b) Hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài chờ đưa vào thị trường trong nước hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba;</p>	<p><b>Nội dung trình Chính phủ không sửa đổi Điều này.</b></p>	<p><b>Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 85 như sau:</b></p> <p><b>“a) Hàng hóa chờ làm thủ tục xuất khẩu hoặc đã làm xong thủ tục hải quan chờ xuất khẩu;”</b></p>	<p>Phù hợp với thực tiễn hàng hóa gửi KNQ: hiện nay nhiều trường hợp doanh nghiệp ưu tiên gom gửi hàng hóa vào KNQ nhiều lần sau đó mới mở tờ khai hải quan để xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào nội địa.</p>	P5

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>c) Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan để chờ xuất khẩu sang nước thứ ba.</p> <p>3. Hàng hóa từ nội địa Việt Nam đưa vào kho ngoại quan bao gồm:</p> <p>a) Hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan chờ xuất khẩu;</p> <p>b) Hàng hóa hết thời hạn tạm nhập phải tái xuất.</p> <p>4. Hàng hóa sau đây không được gửi kho ngoại quan:</p> <p>a) Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc tên gọi xuất xứ Việt Nam;</p> <p>b) Hàng hóa gây nguy hiểm cho người hoặc ô nhiễm môi trường;</p> <p>c) Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép.</p> <p>Ngoài hàng hóa quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 4 Điều này, căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong</p>				

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định Danh mục hàng hóa nhập khẩu không được gửi kho ngoại quan.				
41.	<p><b>Điều 86. Quản lý lưu giữ, bảo quản hàng hóa gửi kho ngoại quan</b></p> <p>4. Trong trường hợp muốn tiêu hủy những lô hàng đồ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình lưu kho, chủ kho ngoại quan phải có văn bản thỏa thuận với chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng về việc đồng ý tiêu hủy hàng hóa. Văn bản thỏa thuận được gửi cho Cục Hải quan nơi có kho ngoại quan để theo dõi. Chủ hàng hóa hoặc chủ kho ngoại quan phải chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán các khoản chi phí tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>56. Sửa đổi khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 86 như sau:</b></p> <p>“4. Trong trường hợp muốn tiêu hủy những lô hàng đồ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình <b>lưu giữ tại Việt Nam</b>, chủ kho ngoại quan phải có văn bản thỏa thuận với chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng về việc đồng ý tiêu hủy hàng hóa. Văn bản thỏa thuận được gửi cho Cục Hải quan nơi có kho ngoại quan để theo dõi. Chủ hàng hóa hoặc chủ kho ngoại quan phải chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán các khoản chi phí tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>5. Hàng hóa đã đưa ra khỏi kho ngoại quan chỉ được phép lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất không quá 15 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu xuất. Trong thời hạn nêu trên nếu hàng hóa không xuất được và còn thời</b></p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>hạn lưu giữ trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều 61 Luật Hải quan, chủ hàng phải có văn bản đề nghị cơ quan hải quan cho phép đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực cửa khẩu, biên giới và thực hiện thủ tục vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.</i></p> <p><i>Trường hợp chủ hàng không có văn bản đề nghị đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực cửa khẩu, biên giới thì cơ quan hải quan xử lý vi phạm theo quy định và buộc đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại cửa khẩu nhập ban đầu trong thời hạn 15 ngày, nếu chủ hàng không đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.”</i></p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
42.	<b>Điều 91. Quản lý, giám sát hải quan</b>  1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ quá thời hạn theo quy định tại Khoản Điều 61 Luật Hải quan, nếu hàng hóa không được đưa ra khỏi địa điểm thu gom hàng lẻ thì xử lý theo quy định tại Điều 57 Luật Hải quan.	<b>57. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 91 như sau:</b>  “1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ quá thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Hải quan, nếu hàng hóa không được đưa ra khỏi địa điểm thu gom hàng lẻ thì xử lý theo quy định tại Điều <del>57</del> 58 Luật Hải quan.”	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		
43.	<b>Điều 97. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan</b>  1. Đối với hồ sơ hải quan theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan. Trường hợp khối lượng hàng hóa lớn, chủng loại hàng hóa phức tạp, có rủi ro về thuế, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện	<b>58. Sửa đổi, bổ sung Điều 97 như sau:</b> <b>“Điều 97. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan</b>  1. Đối với hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan. Trường hợp khối lượng hàng hóa lớn, chủng loại hàng hóa phức tạp, có rủi ro về thuế, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố thực hiện ban hành Quyết định kiểm	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.</p> <p>2. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan.</p>	<p>tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.</p> <p><i>Trường hợp người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế không thuộc địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố khác, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra.</i></p> <p><i>2. Thông báo kết quả kiểm tra</i></p> <p><i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở cơ quan hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ký quyết định kiểm tra ký ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.</i></p> <p><i>3. Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thực hiện kiểm tra sau</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan.”			
44.	<p><b>Điều 98. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan</b></p> <p>1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được thực hiện đối với các trường hợp quy định tại Điều 78 Luật Hải quan, trừ các hồ sơ hải quan đã được kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 97 Nghị định này.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan để đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan:</p> <p>a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan để đánh giá tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia, các tập đoàn, tổng công ty có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chi nhánh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại nhiều địa bàn;</p>	<p><b>59. Sửa đổi, bổ sung Điều 98 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 98. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan</b></p> <p>1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan:</p> <p><i>a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc:</i></p> <p><i>a.1) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các tập đoàn, tổng công ty có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chi nhánh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại nhiều địa bàn;</i></p> <p><i>a.2) Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc. Đối</i></p>	<p><b>“Điều 98. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan</b></p> <p>1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan:</p> <p>a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc:</p> <p>a.1) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các tập đoàn, tổng công ty có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chi nhánh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại nhiều địa bàn;</p> <p>a.2) Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phân công.</p> <p>b) Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc có mã số thuế thuộc địa bàn quản lý. Đối với trường</p>	<p>- Bỏ nội dung các tập đoàn, tổng công ty có chi nhánh tại nhiều địa bàn vì thực tiễn mô hình các công ty có nhiều chi nhánh là rất bình thường trong thời điểm hiện nay. Điều này đã được Cục KTSTQ tham mưu Lãnh đạo TCHQ về phân công KTSTQ tránh trùng lặp.</p> <p>- Bổ sung tại điểm 2.a.2 “Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, ... về các nội dung liên quan đến <b>kết quả kiểm tra</b>, dự thảo kết luận.” để tránh trường hợp 10 ngày mà công ty chưa nhận được dự thảo do ngày lễ dài, ảnh hưởng đến quyền giải trình của Công ty.</p> <p>- Viết lại cho rõ nghĩa nội dung tại điểm 2.b.2 để tránh hiểu nhầm trường hợp nào cũng phải ban hành kết luận bổ sung.</p>	STQ

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>b) Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiểm tra sau thông quan để đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp có trụ sở thuộc địa bàn quản lý;</p> <p>c) Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra để đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp, trừ các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.</p> <p>3. <u>[90]</u> <i>Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật hải quan:</i></p> <p>a) <i>Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định kiểm tra đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc doanh nghiệp có mã số thuế thuộc địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố;</i></p> <p>b) <i>Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định</i></p>	<p><i>với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan phân công.</i></p> <p>b) <i>Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc có mã số thuế thuộc địa bàn quản lý. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan phân công.</i></p> <p><i>Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với người khai hải quan không thuộc địa bàn quản lý, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra;</i></p> <p><i>c) Tổ chức quản lý hoạt động kiểm tra sau thông quan tránh trùng lặp:</i></p> <p><i>Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với nội dung, phạm vi đã được kiểm tra nhưng chưa có kết luận về dấu hiệu vi phạm nêu trên, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét,</i></p>	<p>hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan phân công.</p> <p>Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với người khai hải quan không thuộc địa bàn quản lý, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra;</p> <p>c) Tổ chức quản lý hoạt động kiểm tra sau thông quan tránh trùng lặp:</p> <p>Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với nội dung, phạm vi đã được kiểm tra nhưng chưa có kết luận về dấu hiệu vi phạm nêu trên, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.</p> <p>Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan không được thực hiện trùng lặp về nội dung và phạm vi đã được kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.</p> <p>Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>kiểm tra trong phạm vi toàn quốc.</p>	<p><i>quyết định phân công đơn vị kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.</i></p> <p><i>Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan không được thực hiện trùng lặp về nội dung và phạm vi đã được kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.</i></p> <p><i>Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.</i></p> <p><i>2. Kết luận kiểm tra sau thông quan: Cơ quan hải quan kết luận theo từng nội dung đã thực hiện kiểm tra sau thông quan.</i></p> <p><i>a) Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở để kết luận kiểm tra, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:</i></p> <p><i>a.1) Dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan</i></p>	<p>2. Kết luận kiểm tra sau thông quan: Cơ quan hải quan kết luận theo từng nội dung đã thực hiện kiểm tra sau thông quan.</p> <p>a) Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở để kết luận kiểm tra, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:</p> <p>a.1) Dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ban hành quyết định kiểm tra hoàn thành dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan và gửi người khai hải quan;</p> <p>a.2) Giải trình của người khai hải quan</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người khai hải quan có quyền giải trình bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp với người ký ban hành quyết định kiểm tra về các nội dung liên quan đến <b>kết quả kiểm tra</b>, dự thảo kết luận.</p> <p>Trường hợp người khai hải quan từ chối giải trình bằng văn bản hoặc không giải trình trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan xử lý kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có;</p> <p>a.3) Ký ban hành kết luận kiểm tra: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người ký ban hành quyết định kiểm tra có trách</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ban hành quyết định kiểm tra hoàn thành dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan và gửi người khai hải quan;</i></p> <p><i>a.2) Giải trình của người khai hải quan</i></p> <p><i>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người khai hải quan có quyền giải trình bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp với người ký ban hành quyết định kiểm tra về các nội dung liên quan đến dự thảo kết luận.</i></p> <p><i>Trường hợp người khai hải quan từ chối giải trình bằng văn bản hoặc không giải trình trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan xử lý kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có;</i></p> <p><i>a.3) Ký ban hành kết luận kiểm tra: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người ký ban</i></p>	<p>nhiệm:</p> <p>a.3.1) Xem xét văn bản giải trình của người khai hải quan, kết quả làm việc với đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan trong trường hợp còn vấn đề cần làm rõ để ký ban hành kết luận kiểm tra;</p> <p>a.3.2) Ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan và gửi người khai hải quan (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).</p> <p>b) Đối với trường hợp cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận, cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:</p> <p>b.1) Trường hợp toàn bộ nội dung kết luận phải chờ xin ý kiến: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến. Thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;</p> <p>b.2) Trường hợp kết luận kiểm tra có những nội dung đã đủ cơ sở kết luận và những nội dung cần ý kiến về chuyên môn, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra đối với những nội dung đủ cơ sở kết luận theo thời hạn quy định tại điểm a khoản này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>hành quyết định kiểm tra có trách nhiệm:</i></p> <p><i>a.3.1) Xem xét văn bản giải trình của người khai hải quan, kết quả làm việc với đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan trong trường hợp còn vấn đề cần làm rõ để ký ban hành kết luận kiểm tra;</i></p> <p><i>a.3.2) Ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan và gửi người khai hải quan (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).</i></p> <p><i>b) Đối với trường hợp cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận, cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:</i></p> <p><i>b.1) Trường hợp toàn bộ nội dung kết luận phải chờ xin ý kiến: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến. Thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;</i></p>	<p>ký kết luận kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến; sau khi nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan hải quan xử lý kết quả kiểm tra theo khoản 3 Điều 100 hoặc ban hành kết luận bổ sung. Thời hạn ký ban hành kết luận bổ sung là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này <b>(nếu cần thiết);</b></p> <p>b.3) Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan hải quan.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn 30 ngày, cơ quan hải quan không nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra (theo trình tự quy định tại điểm a khoản này) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>b.2) Trường hợp kết luận kiểm tra có những nội dung đã đủ cơ sở kết luận và những nội dung cần ý kiến về chuyên môn, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra đối với những nội dung đủ cơ sở kết luận theo thời hạn quy định tại điểm a khoản này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến; sau khi nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan hải quan xử lý kết quả kiểm tra theo khoản 3 Điều 100 hoặc ban hành kết luận bổ sung. Thời hạn ký ban hành kết luận bổ sung là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;</i></p> <p><i>b.3) Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan hải quan.</i></p> <p><i>Trường hợp hết thời hạn 30 ngày, cơ quan hải quan không nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thì cơ</i></p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra (theo trình tự quy định tại điểm a khoản này) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có.”</i>			
	4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra ký biên bản kiểm tra. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ký biên bản, người khai hải quan hoàn thành việc giải trình (nếu có).	<del>4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra ký biên bản kiểm tra. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ký biên bản, người khai hải quan hoàn thành việc giải trình (nếu có).</del>			
	5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định kiểm tra phải ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.	<del>5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định kiểm tra phải ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.</del>			
	6. <a href="#">[91]</a> Đối với trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền	<del>6. Đối với trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền phải có ý kiến trong thời</del>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>phải có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan. Trường hợp hết thời hạn 30 ngày cơ quan chuyên môn có thẩm quyền không có ý kiến bằng văn bản thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có.</i></p>	<p><i>hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan. Trường hợp hết thời hạn 30 ngày cơ quan chuyên môn có thẩm quyền không có ý kiến bằng văn bản thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có.</i></p>			
45.	<p><b>Điều 99. Sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan</b> 1. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau: a) Thay đổi thành viên đoàn kiểm tra, thay đổi về thời gian, thay đổi phạm vi, nội dung kiểm tra; b) Quyết định kiểm tra sau thông quan có sai sót về thể thức, nội dung, kỹ thuật trình bày văn bản. 2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>60. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 99 như sau:</b> “2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau: <i>a) Tạm dừng khi cơ quan hải quan chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan:</i> <i>a.1)</i> Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan <b>hải quan</b>, thuế, thanh tra, kiểm toán nhà nước, công an; <i>a.2)</i> Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra.</p>	<p><b>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 99 như sau:</b> “2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau: a) Tạm dừng khi cơ quan hải quan chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan: a.1) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan hải quan, thuế, thanh tra, kiểm toán nhà nước, công an; a.2) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra. b) Tạm dừng khi cơ quan hải quan đang thực hiện kiểm tra sau thông quan: b.1) Trường hợp cơ quan hải quan tạm dừng để thực hiện <b>thu thập thông tin</b> xác minh, điều tra tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạm dừng do sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố</p>	<p>Viết lại để rõ nội dung thu thập thông tin làm rõ trong quá trình KTSTQ, tránh hiểu nhầm dẫn đến phát sinh thủ tục. Trường hợp đề nghị tạm dừng của người khai hải quan được chấp nhận thì Đoàn kiểm tra thông tin bằng nhiều hình thức linh hoạt vì hoạt động KTSTQ đang diễn ra.</p>	STQ

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan thuế, thanh tra, kiểm toán nhà nước, công an;</p> <p>b) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra.</p> <p>3. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành quyết định kiểm tra quyết định hủy trong trường hợp người khai hải quan đã bỏ trốn, giải thể, phá sản, mất tích, ngừng hoạt động và trường hợp khác dẫn đến cơ quan hải quan không thực hiện được quyết định kiểm tra. Quyết định hủy quyết định kiểm tra sau thông quan phải nêu rõ lý do hủy.</p>	<p><i>b) Tạm dừng khi cơ quan hải quan đang thực hiện kiểm tra sau thông quan:</i></p> <p><i>b.1) Trường hợp cơ quan hải quan tạm dừng để thực hiện xác minh, điều tra tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạm dừng do sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo tạm dừng gửi cho người khai hải quan. Thông báo nêu lý do và thời gian tạm dừng.</i></p> <p><i>b.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét. Trường hợp đề nghị tạm dừng được chấp thuận thì người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo thời gian tạm dừng kiểm tra sau thông quan.</i></p>	<p>khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo tạm dừng gửi cho người khai hải quan. Thông báo nêu lý do và thời gian tạm dừng.</p> <p>b.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét, <b>quyết định và thông tin cho người khai hải quan.</b> Trường hợp đề nghị tạm dừng được chấp thuận thì người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo thời gian tạm dừng kiểm tra sau thông quan.</p> <p>Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan.”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan.</i>			
46.	<p><b>Điều 100. Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan</b></p> <p>1. Trường hợp Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan thực hiện:</p> <p>a) Ban hành quyết định ấn định thuế;</p> <p>b) Ban hành các quyết định hành chính về thuế và hải quan theo quy định;</p> <p>c) Thực hiện việc thu thuế, đơn đốc người khai hải quan nộp thuế theo các quyết định ấn định thuế và tiền chậm nộp thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;</p> <p>e) Theo dõi, nhập số liệu vào chương trình kế toán.</p>	<p><b>61. Sửa đổi, bổ sung Điều 100 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 100. Tổ chức hoạt động kiểm tra sau thông quan</b></p> <p><i>1. Thu thập thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan</i></p> <p><i>Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan yêu cầu người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan.</i></p> <p><i>2. Trình tự thực hiện kiểm tra sau thông quan</i></p> <p><i>a) Ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan</i></p> <p><i>Quyết định kiểm tra sau thông quan gửi cho người khai hải quan bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử; thời hạn gửi trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05</i></p>	<p><b>“Điều 100. Tổ chức hoạt động kiểm tra sau thông quan</b></p> <p><b>1. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm tra sau thông quan là việc ứng dụng các nguyên tắc, biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro và các sản phẩm thông tin quản lý rủi ro để quyết định và thực hiện quyết định kiểm tra sau thông quan.</b></p> <p><b>a) Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để lựa chọn đối tượng, phạm vi, nội dung, phương pháp kiểm tra sau thông quan và trong quá trình thực hiện quyết định kiểm tra sau thông quan.</b></p> <p><b>b) Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra theo nội dung, phạm vi trong quyết định kiểm tra đối với những vấn đề đánh giá có rủi ro và ghi nhận các nội dung đã kiểm tra với người khai hải quan bằng các biên bản kiểm tra.</b></p> <p><b>2. <del>1.</del> Thu thập thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan</b></p> <p>Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan yêu cầu người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cung cấp thông</p>	<p>- Bổ sung thêm 01 khoản để làm rõ nguyên tắc áp dụng QLRR trong hoạt động KTSTQ (Điều 17 Luật hải quan, Thông tư 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan)</p> <p>Viết lại khoản 3.đ cho rõ nghĩa.</p>	STQ

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>2. Trường hợp Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan thì Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố thực hiện:</p> <p>a) Ban hành quyết định ấn định thuế;</p> <p>b) Ban hành các quyết định hành chính về thuế và hải quan theo quy định;</p> <p>c) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;</p> <p>đ) Tổ chức thực hiện việc thu thuế, đôn đốc người khai hải quan nộp thuế theo các quyết định ấn định thuế và tiền chậm nộp thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, nhập số liệu vào chương trình kế toán.</p> <p>3. Trường hợp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban</p>	<p><i>ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan;</i></p> <p><i>b) Thực hiện kiểm tra sau thông quan:</i></p> <p><i>b.1) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan</i></p> <p><i>Cơ quan hải quan và người khai hải quan ký biên bản công bố ghi nhận nguyên tắc kiểm tra, phương pháp kiểm tra và xác định thời điểm bắt đầu tiến hành kiểm tra;</i></p> <p><i>b.2) Biên bản kiểm tra</i></p> <p><i>Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra theo nội dung, phạm vi của quyết định kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và ghi nhận các nội dung đã kiểm tra với người khai hải quan bằng các biên bản kiểm tra.</i></p> <p><i>Đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan: Các biên bản kiểm tra được lập, ký trong thời gian thực hiện</i></p>	<p>tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan.</p> <p><b>3. 2-</b>Trình tự thực hiện kiểm tra sau thông quan</p> <p>a) Ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan</p> <p>Quyết định kiểm tra sau thông quan gửi cho người khai hải quan bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử; thời hạn gửi trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan;</p> <p>b) Thực hiện kiểm tra sau thông quan:</p> <p>b.1) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan</p> <p>Cơ quan hải quan và người khai hải quan ký biên bản công bố ghi nhận nguyên tắc kiểm tra, phương pháp kiểm tra và xác định thời điểm bắt đầu tiến hành kiểm tra;</p> <p>b.2) Biên bản kiểm tra</p> <p>Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra theo nội dung, phạm vi của quyết định kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và ghi nhận các nội dung đã kiểm tra với người khai hải quan bằng các biên bản kiểm tra.</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>hành quyết định kiểm tra thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện:</p> <p>a) Ban hành quyết định ấn định thuế;</p> <p>b) Ban hành các quyết định hành chính về thuế và hải quan theo quy định;</p> <p>c) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tổ chức thực hiện việc thu thuế, đôn đốc người khai hải quan nộp thuế theo các quyết định ấn định thuế và tiền chậm nộp thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Chuyển người có thẩm quyền đề khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;</p> <p>e) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, nhập số liệu vào chương trình kế toán.</p> <p>4. Trường hợp Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan ban hành quyết định kiểm tra thì Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện:</p>	<p><i>quyết định kiểm tra. Sau khi kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra phù hợp quy định pháp luật), trường hợp người khai hải quan bổ sung chứng từ, tài liệu, dữ liệu, giải trình bổ sung hoặc trường hợp phức tạp cần làm rõ về nội dung đã kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập, ký biên bản kiểm tra ghi nhận nội dung giải trình, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 80 Luật Hải quan;</i></p> <p><i>b.3) Biên bản làm việc</i></p> <p><i>Cơ quan hải quan ghi nhận nội dung làm việc với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản làm việc;</i></p> <p><i>b.4) Biên bản giao nhận</i></p> <p><i>Cơ quan hải quan ghi nhận việc giao nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản giao nhận;</i></p>	<p>Đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan: Các biên bản kiểm tra được lập, ký trong thời gian thực hiện quyết định kiểm tra. Sau khi kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra phù hợp quy định pháp luật), trường hợp người khai hải quan bổ sung chứng từ, tài liệu, dữ liệu, giải trình bổ sung hoặc trường hợp phức tạp cần làm rõ về nội dung đã kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập, ký biên bản kiểm tra ghi nhận nội dung giải trình, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 80 Luật Hải quan;</p> <p>b.3) Biên bản làm việc</p> <p>Cơ quan hải quan ghi nhận nội dung làm việc với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản làm việc;</p> <p>b.4) Biên bản giao nhận</p> <p>Cơ quan hải quan ghi nhận việc giao nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản giao nhận;</p> <p>c) Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:</p> <p>c.1) Trường hợp người khai hải quan cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Ban hành các quyết định hành chính về thuế và hải quan theo quy định;</p> <p>b) Thực hiện việc thu thuế, đôn đốc người khai hải quan nộp thuế theo các quyết định ấn định thuế và tiền chậm nộp thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;</p> <p>đ) Theo dõi, nhập số liệu vào chương trình kế toán;</p> <p>e) Kiến nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định ấn định thuế.</p>	<p><i>c) Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:</i></p> <p><i>c.1) Trường hợp người khai hải quan cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu và giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan chấp nhận nội dung khai báo;</i></p> <p><i>c.2) Trường hợp người khai hải quan không cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu, không giải trình chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo và xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều này.</i></p> <p><i>Cơ quan hải quan ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và Kết luận kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định này.</i></p> <p><i>3. Tổ chức thực hiện xử lý kiểm tra sau thông quan</i></p> <p><i>Người có thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan tổ chức thực hiện hoặc phân công cho người có thẩm quyền cấp dưới theo quy</i></p>	<p>và giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan chấp nhận nội dung khai báo;</p> <p>c.2) Trường hợp người khai hải quan không cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu, không giải trình chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo và xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>Cơ quan hải quan ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và Kết luận kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định này.</p> <p><b>4. 3.</b> Tổ chức thực hiện xử lý <b>kết quả</b> kiểm tra sau thông quan</p> <p>Người có thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan tổ chức thực hiện hoặc phân công cho người có thẩm quyền cấp dưới theo quy định của pháp luật tổ chức thực hiện:</p> <p>a) Ban hành các quyết định hành chính về thuế và hải quan theo quy định (nếu có);</p> <p>b) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (nếu có);</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>định của pháp luật tổ chức thực hiện:</i></p> <p><i>a) Ban hành các quyết định hành chính về thuế và hải quan theo quy định (nếu có);</i></p> <p><i>b) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (nếu có);</i></p> <p><i>c) Đơn đốc người khai hải quan nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, tiền xử phạt theo các quyết định (nếu có) theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>d) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật (nếu có);</i></p> <p><i>đ) Khởi tố vụ án hình sự đối với các tội danh thuộc thẩm quyền khởi tố của cơ quan hải quan; kiến nghị khởi tố hoặc chuyển tin báo về tội phạm đến cơ quan có thẩm quyền để khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật hình sự (nếu có);</i></p> <p><i>e) Cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan theo quy định (nếu có);</i></p>	<p>c) Đơn đốc người khai hải quan nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, tiền xử phạt theo các quyết định (nếu có) theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật (nếu có);</p> <p><b><i>đ) Xử lý theo trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng hình sự nếu cơ quan hải quan phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự trong quá trình kiểm tra sau thông quan;</i></b></p> <p><b><i>đ) Khởi tố vụ án hình sự đối với các tội danh thuộc thẩm quyền khởi tố của cơ quan hải quan; kiến nghị khởi tố hoặc chuyển tin báo về tội phạm đến cơ quan có thẩm quyền để khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật hình sự (nếu có);</i></b></p> <p>e) Cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan theo quy định (nếu có);</p> <p>g) Kiến nghị những bất cập của chính sách, pháp luật, biện pháp quản lý (nếu có).”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>g) Kiến nghị những bất cập của chính sách, pháp luật, biện pháp quản lý (nếu có)."</i>			
47.	<p><b>Điều 101. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan</b></p> <p>1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm:</p> <p>a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>b) Tuần tra hải quan;</p> <p>c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan;</p> <p>d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài</p>	<p>62. Sửa đổi, bổ sung Điều 101 như sau:</p> <p><b>“Điều 101. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan</b></p> <p>1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm:</p> <p>a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>b) Tuần tra hải quan;</p> <p>c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan;</p> <p>d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước Quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p>e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.</p> <p>2. Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan,</p>	<p>chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p>e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>i) Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng,</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.</p> <p>3.[92] Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan quy định tại Điều này.</p>	<p>chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.</p> <p>2. <b>Bộ trưởng</b> Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan quy định tại Điều này.”</p>			
48.	<p><b>Điều 103. Tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải</b></p> <p>1. Các trường hợp được tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải:</p> <p>a) Cơ quan hải quan nhận được tin tố giác về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và xác định thông tin đó là có cơ sở;</p> <p>b) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ các cơ quan chức năng về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới hoặc yêu</p>	<p><b>63. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 103 như sau:</b></p> <p>“2. Thẩm quyền tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải</p> <p>a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, <b>Đội trưởng đội Điều tra hình sự</b> thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu <b>hoặc cấp phó khi được giao quyền</b> được dừng, tạm hoãn việc khởi hành phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.</p>	<p>Tại điểm a khoản 2 Điều 103: đề xuất thay từ “khám xét” thành “khám” để phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:</p> <p>“a).....Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không dừng ngay phương tiện vận tải thì tang vật, tài liệu, phương tiện vận tải có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được dừng phương tiện vận tải để khám <del>xét</del> và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này;...”</p>	<p>Đề nghị thay từ “khám xét” thành “khám” để phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p>	CBL

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>cầu dừng, hoãn khởi hành phương tiện từ các cơ quan đó;</p> <p>c) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ hải quan các nước về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>d) Trong khi tuần tra, kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;</p> <p>đ) Phương tiện vận tải chờ hàng hóa đang làm thủ tục hải quan, hàng hóa chưa được phép thông quan hoặc giải phóng hàng mà cố tình đưa ra khỏi khu vực kiểm soát hải quan;</p> <p>e) Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật về hải quan.</p> <p>2. Thẩm quyền tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải</p>	<p>Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không dừng ngay phương tiện vận tải thì tang vật, tài liệu, phương tiện vận tải có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được dừng phương tiện vận tải để <u>khám xét</u> và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này;</p> <p>b) Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển, <b><i>Đội trưởng Đội Điều tra hình sự</i></b> thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố <b><i>hoặc cấp phó khi được giao quyền</i></b> được dừng, tạm hoãn việc khởi hành phương tiện tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam.</p> <p>3. <b><i>Việc giao quyền phải thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.</i></b> Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để <b><i>yêu cầu</i></b> phương tiện vận tải <b><i>dừng lại.</i></b></p> <p>Việc <b><i>dừng</i></b>, tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải phải bằng quyết</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu được dừng, tạm hoãn việc khởi hành phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.</p> <p>Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không dừng ngay phương tiện vận tải thì tang vật, tài liệu, phương tiện vận tải có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được dừng phương tiện vận tải để <u>khám xét</u> và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại Khoản này;</p> <p>b) Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố được dừng, tạm hoãn việc khởi hành phương tiện tại vùng nội thủy,</p>	<p>định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp tạm hoãn khởi hành đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa và đường biển, cơ quan hải quan phải thông báo cho cảng vụ hàng hải.”</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam.</p> <p>3. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để dừng phương tiện vận tải.</p> <p>Việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải phải bằng quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp tạm hoãn khởi hành đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa và đường biển, cơ quan hải quan phải thông báo cho cảng vụ hàng hải.</p> <p>4. Người ra quyết định tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.</p>				
49.	<p><b>Điều 104. Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới</b></p> <p>1. Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên</p>	<p><b>64. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 104 như sau:</b></p> <p>“2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		CBL

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>giới, phương tiện vận tải chờ hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi để ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu được quyết định việc truy đuổi.</p> <p>Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với</p>	<p>buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển, <b><i>Đội trưởng đội Điều tra hình sự</i></b> thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu <b><i>hoặc cấp phó khi được giao quyền</i></b> được quyết định việc truy đuổi.</p> <p>Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này.</p> <p>4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới phải được thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. <b><i>Cơ quan nhận được thông báo có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.</i></b>”</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>người có thẩm quyền nêu tại Khoản này.</p> <p>3. Khi thực hiện truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, công chức hải quan quy định tại Khoản 2 Điều này được dùng phương tiện vận tải.</p> <p>4. Việc truy đuổi và dùng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới phải được thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật.</p>				
50.	<p><b><i>Điều 104a.<sup>[93]</sup> Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới</i></b></p> <p><i>1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến</i></p>	<p><b>65. Bổ sung Điều 104a như sau:</b></p> <p><b>“Điều 104a. Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới</b></p> <p>1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến đường bộ, đường biển, đường</p>	<p>Tại khoản 2 Điều 104 đề xuất thay từ “khám xét” thành “khám” để phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:</p> <p>“2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám <del>xét</del> phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa</p>	<p>Đề nghị thay từ “khám xét” thành “khám” để phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, canô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi.</i></p> <p><i>2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám xét phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.</i></p>	<p>thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, canô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi.</p> <p>2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, <u>khám xét</u> phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.”</p>	<p>qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật....”</p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
51.	<p><b>Điều 106. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan</b></p> <p>1.[94] Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin hải quan, bao gồm:</p> <p>a) Tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan thông qua hoạt động cung cấp, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực hải quan;</p> <p>b) Cử công chức hải quan ra nước ngoài để thực hiện nghiệp vụ thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 96 Luật hải quan.</p> <p>Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc cử công chức hải quan ra nước ngoài để thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan quy định tại điểm này.</p> <p>c) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để thu thập thông tin liên quan về hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân liên quan</p>	<p><b>66. Sửa đổi, bổ sung Điều 106 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 106. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan</b></p> <p>1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin hải quan, bao gồm:</p> <p>a) Tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan thông qua hoạt động cung cấp, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực hải quan;</p> <p>b) Cử công chức hải quan ra nước ngoài để thực hiện nghiệp vụ thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 96 Luật Hải quan.</p> <p><b>Bộ trưởng</b> Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan quy định tại điểm này;</p> <p>c) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để thu thập thông</p>	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ		CBL

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><i>đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.</i></p> <p>2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:</p> <p>a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan;</p> <p>c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước khác;</p> <p>d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê;</p> <p>đ) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người</p>	<p>tin liên quan về hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.</p> <p>2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:</p> <p>a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan;</p> <p>c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước khác;</p> <p>d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê;</p> <p>đ) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người</p>			

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan.	khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan;  <i>e) Cung cấp thông tin hải quan cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết.”</i>			
52.		<b>Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan</b>  Bãi bỏ Điều 7, Điều 8, Điều 31, cụm từ “sau thông quan” tại khoản 2 Điều 40, Điều 58, khoản 4 Điều 61, Điều 62, Điều 66, Điều 76, Điều 78, Điều 80, điểm c khoản 2 Điều 84 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát	<b>Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan</b>  Bãi bỏ Điều 7, Điều 8, Điều 31, <b>Điều 35</b> , cụm từ “sau thông quan” tại khoản 2 Điều 40, Điều 58, khoản 4 Điều 61, Điều 62, Điều 66, Điều 76, Điều 78, Điều 80, <b>Điều 82</b> , điểm c khoản 2 Điều 84, <b>Điều 89, Điều 92</b> Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.	- Bổ sung nội dung bãi bỏ Điều 35;  - Bổ sung nội dung bãi bỏ Điều 82, Điều 89, Điều 92 – Kế thừa nội dung bãi bỏ tại Điều 39 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP.	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		hải quan.			
53.		<p><b>Điều 3. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Hiệu lực thi hành</p> <p>Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2023.</p>	<p><b>Điều 3. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Hiệu lực thi hành</p> <p><b>Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .....</b></p>		
		<p>2. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>Các doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, phải hoàn thiện điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 10 và điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị định này trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.</p>	<p>2. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p><b>a) Các doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, phải hoàn thiện điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 10 và điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị định này trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.</b></p> <p><b>b) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam được tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và phải đáp ứng điều kiện thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương.</b></p>		

STT	Quy định hiện hành	Nội dung dự thảo Nghị định (đã trình Chính phủ)	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung/bãi bỏ (so với dự thảo ND đã trình Chính phủ)	Lý do sửa đổi bổ sung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		3. Nghị định này bãi bỏ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.	3. Nghị định này bãi bỏ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.	Giữ nguyên nội dung đã trình Chính phủ	

UNI CUSTOMS  
CONSULTING

**(1. CV số 30/GQ1 ngày 08/01/2024 và công văn số 112/GQ1 ngày 30/01/2024** đề nghị các đơn vị: Cục TXNK, Cục QLRR, Cục KĐHQ, Cục KTSTQ, Cục ĐTCBL, Cục CNTT, Vụ PC rà soát nội dung sửa ND, TT.

- Công văn trả lời của các đơn vị: CV 108/PC ngày 21/02/2024 của Vụ PC; 30/ĐTCBL-P4 ngày 30/01/2024 của Cục ĐTCBL; CV 54/QLRR-P3 ngày 25/01/2024; CVNB ngày 21/01/2024 của Phòng 2; CVNB của Phòng 3;

- Nhận qua email: tờ trình LĐTC soso/TTr-KTSTQ-P2 ngày 29/01/2024 của Cục KTSTQ; Dự thảo tờ trình LĐTC ngày 21/02/24 của Cục TXNK

**2. CV số 153/GQ1 ngày 19/02/2024** đề nghị các đơn vị: Cục TXNK, Cục QLRR, Cục KĐHQ, Cục KTSTQ, Cục ĐTCBL, Cục CNTT, Vụ PC **báo cáo tóm tắt nội dung sửa ND, TT.**

- Công văn trả lời của các đơn vị:

+ CV số: 86/Cục QLRR-P3 ngày 21/02/2024 của Cục QLRR; 299/KTSTQ-P2 ngày 21/02/2024 của Cục KTSTQ (kèm theo tờ trình LĐTC số 14/TTr-KTSTQ-P2 ngày 29/01/2024); 185/ĐTCBL-P4 ngày 22/02/2024; 188/TH ngày 21/02/2024; CV Phòng 5 ngày 20/02/2024; CV Phòng 3 ngày 21/02/2024;

+ Nhận qua email: Dự thảo tờ trình LĐTC của Cục KĐHQ)

**3. CV số 186/GQ1 ngày 23/02/2024** đề nghị các đơn vị: Cục TXNK, Cục QLRR, Cục KĐHQ, Cục KTSTQ, Cục ĐTCBL, Cục CNTT, Vụ PC, Văn phòng, Vụ TTKT rà soát nội dung sửa ND, TT và các văn bản liên quan đến triển khai HQ số.

- Công văn trả lời của các đơn vị: 355/KTSTQ-P5 ngày 01/3/2024 của Cục KTSTQ; 443/KTSTQ-P2 ngày 27/3/2024; 82/TTKT-TMTH ngày 28/02/2024 của Vụ TTKT; 214/TH ngày 28/02/2024 của Cục CNTT; 212/ĐTCBL-P4(NB) ngày 28/02/2024 của Cục ĐTCBL; 229/ĐTCBL-P4(NB) ngày 01/3/2024 của Cục ĐTCBL; 355/KTSTQ-P5 ngày 01/3/2024 của Cục KTSTQ; **115/VP-TH (NB) ngày 29/02/2024 của Văn phòng;** 114/QLRR-P3 ngày 28/02/2024 của Cục QLRR; 289/TXNK-CST ngày 08/3/2024; **215/PC ngày 29/3/2024 của Vụ PC;**